

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 111_4010105_1 Tổ thi: 001_111_4010105_1 Tên HP: Xác suất thống kê
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040001	Đồng Bá	An	29/08/1996	1				
2	1521050045	Nguyễn Văn	An	06/09/1997	2				
3	1621030225	Đỗ Việt	Anh	10/05/1998	3				
4	1521040088	Nguyễn Đức	Anh	09/06/1997	4				
5	1321030415	Phạm Quang	Anh	28/05/1995	5				
6	1621030156	Trần Thị Ngọc	ánh	10/11/1997	6				
7	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	7				
8	1621050525	Thiều Văn	Bình	18/01/1998	8				
9	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	9				
10	1521060449	Lê Minh	Chiến	27/03/1997	10				
11	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	11				
12	1521060386	Nguyễn Văn	Chiều	02/03/1997	12				
13	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/1997	13				
14	1421060034	Vũ Đức	Chính	21/08/1995	14				
15	1521030010	Đặng Hữu	Chù	06/11/1997	15				
16	1621060530	Ngô Mạnh	Cường	27/03/1998	16				
17	1521050072	Nguyễn Đức	Cường	09/10/1997	17				
18	1521010273	Thái Mạnh	Cường	16/03/1997	18				
19	1521070133	Hoàng Hải	Đặng	03/01/1997	19				
20	1621030234	Đào Quốc	Đạt	02/11/1998	20				
21	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	21				
22	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/1996	22				
23	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/1997	23				
24	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	24				
25	1521060371	Nguyễn Văn	Đông	15/02/1997	25				
26	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	26				
27	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	27				
28	1621050252	Trương Thành	Đức	27/09/1998	28				
29	1521030130	Nguyễn Thị	Dung	01/08/1997	29				
30	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	30				
31	1521010028	Hoàng Anh	Dũng	20/08/1997	31				
32	1621050839	Nguyễn Anh	Dũng	25/07/1998	32				
33	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	33				
34	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/1997	34				
35	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	35				
36	1521060113	Đoàn Công	Duy	07/12/1996	36				
37	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	37				
38	1521040144	Nguyễn Xuân	Duy	28/05/1996	38				
39	1421060088	Lê Mạnh	Hà	07/06/1995	39				
40	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	40				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 111_4010105_1 Tổ thi: 001_111_4010105_1 Tên HP: Xác suất thống kê
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621020010	Đào Mạnh	Hiệp	03/05/1998	41				
42	1521060342	Nguyễn Tuấn	Hiệp	30/11/1997	42				
43	1621060079	Phạm Bá	Hiệp	31/05/1998	43				
44	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	44				
45	1521060226	Đỗ Trọng	Hiếu	03/08/1997	45				
46	1621030050	Nguyễn Minh	Hiếu	30/04/1998	46				
47	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	47				
48	1521030223	Phạm Minh	Hiếu	23/06/1997	48				
49	1521030139	Lê Thị	Hoa	28/06/1997	49				
50	1521020208	Đinh Xuân	Hòa	01/06/1997	50				
51	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/1991	51				
52	1521060368	Bùi Lê	Hoàng	14/04/1997	52				
53	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/1997	53				
54	1621060443	Hoàng Văn	Hợp	14/12/1997	54				
55	1621060027	Ngô Mạnh	Hùng	21/04/1997	55				
56	1621060522	Nguyễn Việt	Hùng	28/06/1998	56				
57	1521070019	Phạm Văn	Hùng	09/09/1997	57				
58	1321030096	Trương Mạnh	Hùng	09/08/1994	58				
59	1421070058	Chu Hải	Hưng	03/03/1996	59				
60	1621050369	Đỗ Mạnh	Hưng	29/09/1998	60				
61	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	09/09/1997	61				
62	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/1997	62				
63	1521060106	Nguyễn Văn	Hưng	06/02/1997	63				
64	1521050263	Trịnh Quang	Hưng	23/07/1997	64				
65	1321070097	Trần Văn	Hướng	16/03/1995	65				
66	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/1997	66				
67	1521030017	Lê Văn	Huy	25/04/1997	67				
68	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	68				
69	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/1997	69				
70	1621060123	Nguyễn Văn	Huy	27/01/1998	70				
71	1621061018	Đỗ Ngọc	Khánh	29/10/1998	71				
72	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/1997	72				
73	1521010053	Trương Công	Khánh	13/11/1996	73				
74	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	74				
75	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	75				
76	1621070132	Nguyễn Thanh	Lịch	05/01/1998	76				
77	1421045006	Hoàng Thị	Liên	15/08/1996	77				
78	1621030123	Bùi Hoàng Nhật	Linh	30/11/1998	78				
79	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/1997	79				
80	1521019007	Bùi Văn	Long	/ /19 3	80				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 111_4010105_1 Tổ thi: 001_111_4010105_1 Tên HP: Xác suất thống kê
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321040161	Nguyễn Thành	Long	06/02/1995	81				
82	1621050611	Bùi Đức	Lương	10/05/1998	82				
83	1621010146	Lương Tất	Minh	19/06/1997	83				
84	1621050532	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1998	84				
85	1521050074	Nguyễn Văn	Nam	18/08/1997	85				
86	1621060762	Phạm Văn	Nam	24/11/1998	86				
87	1421050522	Trần Văn	Nam	19/05/1996	87				
88	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	88				
89	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	89				
90	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/1997	90				
91	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/1997	91				
92	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	92				
93	1321030778	Phạm Gia	Phú	04/11/1995	93				
94	1621030202	Tô Đình	Phúc	07/10/1998	94				
95	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	95				
96	1621030035	Phạm Ngọc	Phương	01/08/1998	96				
97	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/1997	97				
98	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	98				
99	1521050079	Vũ Đăng	Quang	30/11/1997	99				
100	1621060464	Nguyễn Bá	Quyền	12/10/1998	100				
101	1521050023	Phạm Văn	Quyết	16/06/1997	101				
102	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	102				
103	1521030443	Trịnh Hồng	Sơn	17/10/1997	103				
104	1621050460	Hoàng Văn	Tá	06/03/1998	104				
105	1521060085	Nguyễn Văn	Tân	11/07/1997	105				
106	1521060032	Đỗ Chiến	Thắng	27/10/1997	106				
107	1521050025	Văn Tiến	Thắng	05/12/1997	107				
108	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	108				
109	1521030061	Đỗ Văn	Thành	15/10/1997	109				
110	1521060434	Phạm Tiến	Thành	02/03/1997	110				
111	1521070363	Trần Huy	Thành	20/11/1997	111				
112	1521040050	Đỗ Mạnh	Thao	23/11/1996	112				
113	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	113				
114	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/1997	114				
115	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	115				
116	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	116				
117	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/1996	117				
118	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	118				
119	1521010182	Vũ Văn	Toàn	01/11/1997	119				
120	1621060999	Nguyễn Đức	Toàn	15/09/1996	120				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 111_4010105_1 Tổ thi: 001_111_4010105_1 Tên HP: Xác suất thống kê
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521050125	Phạm Văn	Tốt	06/11/1997	121				
122	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/1997	122				
123	1621060545	Nguyễn Thế	Trung	05/09/1998	123				
124	1321050767	Phạm Quang	Trường	10/04/1994	124				
125	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/1997	125				
126	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	126				
127	1621030187	Cao Đình	Tuấn	28/12/1998	127				
128	1421070132	Hoa Anh	Tuấn	02/01/1996	128				
129	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	129				
130	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	130				
131	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	131				
132	1621060638	Trương Văn	Tuấn	13/01/1998	132				
133	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	133				
134	1521070414	Dương Danh	Vinh	17/01/1997	134				
135	1521030109	Lê Quang	Vũ	01/02/1996	135				
136	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	136				
137	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/1997	137				
138	1621050610	Trần Thị Lệ	Xuân	01/02/1998	138				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 111_4010106_1 Tổ thi: 001_111_4010106_1 Tên HP: Phương pháp tính
Ngày thi: 1/15/2018 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/1997	139				
2	1621070125	Nguyễn Đức	Anh	28/04/1998	140				
3	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	141				
4	1521060048	Phạm Văn	Bình	03/10/1996	142				
5	1521070097	Lê Minh	Công	22/11/1997	143				
6	1321030462	Lê Đăng	Cường	11/12/1994	144				
7	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/1995	145				
8	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	146				
9	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	147				
10	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/1997	148				
11	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	149				
12	1421060043	Cư Seo	Điu	22/06/1996	150				
13	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/1997	151				
14	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	152				
15	1621070202	Đỗ Bá	Dũng	30/06/1998	153				
16	1521030060	Nguyễn Anh	Dũng	15/12/1997	154				
17	1621030023	Trần Tiến	Dũng	06/12/1998	155				
18	1321030479	Vũ Văn	Dũng	21/02/1995	156				
19	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	157				
20	1621020011	Phạm Văn	Hải	12/01/1998	158				
21	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	159				
22	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/1994	160				
23	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	161				
24	1521060135	Hà Văn	Hùng	28/08/1997	162				
25	1521010439	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/03/1997	163				
26	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	164				
27	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	165				
28	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	166				
29	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	167				
30	1521060439	Đình Văn	Lực	17/12/1997	168				
31	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/1995	169				
32	1521040264	Vũ Đặng Đức	Mạnh	10/06/1997	170				
33	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	171				
34	1621070155	Nguyễn Trung	Nghĩa	27/05/1998	172				
35	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	173				
36	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	174				
37	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/1997	175				
38	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/1997	176				
39	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	177				
40	1521060198	Nguyễn Trọng	Quý	23/03/1997	178				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 111_4010106_1 Tổ thi: 001_111_4010106_1 Tên HP: Phương pháp tính
Ngày thi: **1/15/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010388	Nguyễn Thị	Quyên	05/06/1997	179				
42	1621060069	Nguyễn Thanh	Sơn	20/11/1998	180				
43	1621070080	Nguyễn Xuân	Sơn	02/07/1998	181				
44	1521040050	Đỗ Mạnh	Thao	23/11/1996	182				
45	1621060546	Hà Quang	Tiến	04/06/1998	183				
46	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	184				
47	1621060164	Nguyễn Thành	Trung	05/09/1998	185				
48	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/1997	186				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010109 Nhóm: 111_4010109_1 Tổ thi: 001_111_4010109_1 Tên HP: Logic đại cương
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030267	Nguyễn Ngọc	ánh	08/06/1996	187				
2	1421060021	Phùng Văn	Bằng	13/08/1996	188				
3	1421030043	Phạm Quang	Đạt	21/11/1995	189				
4	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	190				
5	1521060107	Ngô Đức	Duy	14/05/1997	191				
6	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	192				
7	1521060122	Lê Minh	Hiếu	23/11/1997	193				
8	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/1996	194				
9	1421030081	Đỗ Xuân	Hợp	17/11/1996	195				
10	1321060133	Lâm Vũ	Hùng	14/01/1995	196				
11	1521060175	Bùi Văn	Luân	11/04/1997	197				
12	1621030081	Chu Tuấn	Minh	18/06/1998	198				
13	1621080155	Chu Diễm	Quỳnh	10/10/1998	199				
14	1421060227	Trần Văn	Sang	29/07/1996	200				
15	1321030813	Nguyễn Thanh	Sơn	04/07/1995	201				
16	1321060283	Lê Tiến	Thắng	22/07/1995	202				
17	1321060286	Nguyễn Khắc Đại	Thắng	13/01/1995	203				
18	1621060900	Đỗ Thế	Thùy	20/04/1998	204				
19	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	205				
20	1421030212	Nguyễn Ngô	Trung	22/09/1996	206				
21	1621060991	Trần Thanh	Tùng	02/09/1998	207				
22	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	208				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 111_4010103_1 Tổ thi: 001_111_4010103_1 Tên HP: Giải tích 2
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB204 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1631020067	Lương Văn	Bằng	14/05/1995	209				
2	1321060034	Đoàn Ngọc	Công	10/03/1995	210				
3	1321030487	Hoàng Đại	Dương	29/11/1995	211				
4	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	212				
5	1421050104	Lê Thị	Lệ	18/04/1995	213				
6	1631020072	Phạm Thanh	Quang	20/09/1995	214				
7	1411040055	Phùng Kim	Thắng	14/12/1996	215				
8	1631020075	Nguyễn Văn	Thành	04/01/1995	216				
9	1421030553	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/11/1996	217				
10	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	218				
11	1631020076	Hoàng Ngọc	Tiến	28/04/1995	219				
12	1521080032	Phạm Ngọc	Tiến	13/12/1997	220				
13	1321050215	Trần Anh	Tuấn	12/10/1995	221				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010104 Nhóm: 111_4010104_1 Tổ thi: 001_111_4010104_1 Tên HP: Xác xuất thống kê
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010141	Nguyễn Thế	Công	06/10/1996	222				
2	1624010139	Nguyễn Huy	Hoàng	13/09/1998	223				
3	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	224				
4	1524010026	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1996	225				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 111_4010110_1 Tổ thi: 001_111_4010110_1 Tên HP: Toán tối ưu
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030063	Trần Thanh	Hằng	21/05/1996	226				
2	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/1996	227				
3	1421070060	Nguyễn Khắc	Hưng	31/05/1996	228				
4	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/1996	229				
5	1421070458	Đậu Việt	Thám	06/07/1995	230				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010111 Nhóm: 111_4010111_1 Tổ thi: 001_111_4010111_1 Tên HP: Toán rời rạc
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050296	Vũ Trọng	Đức	06/06/1997	231				
2	1521060263	Nguyễn Đình	Dũng	26/12/1997	232				
3	1521050022	Trần Văn	Thiệu	23/01/1995	233				
4	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	234				
5	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	02/03/1996	235				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 111_4010201_1 Tổ thi: 001_111_4010201_1 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050017	Nguyễn Duy	Anh	13/12/1997	236				
2	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	237				
3	1521060436	Lê Hồng	Đặng	01/01/1996	238				
4	1521050015	Đỗ Đăng	Đạt	06/12/1997	239				
5	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	240				
6	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	241				
7	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	242				
8	1421070075	Trần Duy	Lợi	06/05/1995	243				
9	1624010490	Nguyễn Hoa	Mai	14/10/1998	244				
10	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	245				
11	1221060096	Bùi Sĩ	Nguyên	18/01/1994	246				
12	1621060080	Nguyễn Hồng	Sơn	13/08/1998	247				
13	1621050605	Nguyễn Anh	Tân	04/11/1998	248				
14	1624010041	Bùi Sỹ	Thắng	04/04/1998	249				
15	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	250				
16	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	251				
17	1624010679	Dương Thị	Thảo	10/03/1998	252				
18	1611060701	Vũ Đức	Toàn	15/11/1998	253				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 001_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621011019	Lê Thiều	An	21/02/1998	254				
2	1621050458	Chu Thanh Tùng	Anh	31/03/1998	255				
3	1621050546	Chu Văn Nam	Anh	28/05/1998	256				
4	1621050278	Hoàng Thế	Anh	12/12/1998	257				
5	1621010242	Lê Phú	Anh	20/08/1998	258				
6	1621060474	Lê Việt	Anh	02/01/1998	259				
7	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	260				
8	1621060276	Nguyễn Phạm Việt	Anh	12/08/1998	261				
9	1621010085	Phạm Hải	Anh	21/05/1998	262				
10	1621030018	Phạm Thị Vân	Anh	05/05/1998	263				
11	1621060261	Đặng Ngọc	ánh	13/10/1998	264				
12	1621060346	Đào Ngọc	ánh	06/04/1998	265				
13	1621050286	Nguyễn Thị	ánh	26/10/1998	266				
14	1621050330	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	03/12/1998	267				
15	1621050351	Nguyễn Văn	Bách	04/02/1998	268				
16	1621050827	Đỗ Xuân	Bách	13/07/1998	269				
17	1621030088	Trần Gia	Bách	26/05/1998	270				
18	1421050016	Thái Quốc	Bảo	16/12/1996	271				
19	1621030066	Ngô Quang	Biên	14/10/1998	272				
20	1621080080	Nguyễn Đức	Bình	10/11/1998	273				
21	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	274				
22	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	275				
23	1621060274	Nguyễn Minh	Chiến	17/06/1998	276				
24	1621050281	Trần Minh	Chiến	02/03/1998	277				
25	1621060345	Nguyễn Bá	Chinh	07/01/1998	278				
26	1421070189	Nguyễn Hữu	Công	14/11/1996	279				
27	1611040008	Nguyễn Duy	Cung	22/02/1998	280				
28	1621070090	Nguyễn Văn	Cương	01/09/1998	281				
29	1621060056	Lê Mạnh	Cường	26/03/1998	282				
30	1621030112	Lưu Mạnh	Cường	28/03/1998	283				
31	1621070190	Nghiêm Mạnh	Cường	19/12/1998	284				
32	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	11/07/1998	285				
33	1321050037	Nhữ Việt	Cường	09/06/1995	286				
34	1621030022	Trần Võ	Cường	04/03/1998	287				
35	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	288				
36	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	289				
37	1621060413	Hoàng Bá	Duẩn	14/10/1998	290				
38	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	291				
39	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	292				
40	1621020043	Lưu Văn	Duy	09/06/1998	293				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 002_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	294				
2	1621060698	Nguyễn Hải	Đăng	23/03/1998	295				
3	1621030020	Nguyễn Hải	Đăng	01/11/1998	296				
4	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	297				
5	1621040068	Nguyễn Hải	Đăng	23/02/1998	298				
6	1521010411	Lê Duy	Đạt	06/02/1997	299				
7	1621060055	Nguyễn Thành	Đạt	07/10/1998	300				
8	1621060497	Nguyễn Tiến	Đạt	10/05/1998	301				
9	1631070051	Phạm Minh	Đạt	22/10/1992	302				
10	1621050415	Trịnh Tiến	Đạt	17/04/1998	303				
11	1621060465	Trịnh Văn	Đạt	15/01/1998	304				
12	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	20/06/1987	305				
13	1621060422	Vũ Đình	Độ	20/10/1998	306				
14	1621060347	Phạm Ngọc	Đông	27/03/1998	307				
15	1321070051	Phạm Văn	Đông	22/09/1995	308				
16	1421030317	Bùi Anh	Đức	12/09/1995	309				
17	1221010105	Hoàng Anh	Đức	22/12/1994	310				
18	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	311				
19	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	312				
20	1621030026	Nguyễn Đức	Đức	21/01/1998	313				
21	1621010161	Nguyễn Minh	Đức	06/08/1998	314				
22	1621050485	Nguyễn Viết	Đức	09/12/1998	315				
23	1421040084	Tạ Nguyên	Đức	07/11/1996	316				
24	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	317				
25	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	318				
26	1621030029	Nguyễn Văn	Dương	21/01/1998	319				
27	1621010239	Nguyễn Văn	Dương	14/08/1998	320				
28	1621060478	Trần ánh	Dương	07/01/1998	321				
29	1621030096	Trần Nhật	Duy	16/02/1998	322				
30	1621010141	Vũ Đức	Duy	20/10/1998	323				
31	1621030900	Đào Minh	Giang	05/07/1998	324				
32	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	325				
33	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	326				
34	1321030054	Thân Trường	Giang	23/09/1994	327				
35	1621060063	Bùi Việt	Hà	28/09/1998	328				
36	1621020004	Đỗ Trọng	Hải	28/08/1998	329				
37	1621010226	Mai Thanh	Hải	21/10/1998	330				
38	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/02/1998	331				
39	1621060298	Nguyễn Đức	Hải	14/07/1998	332				
40	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	08/11/1997	333				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 003_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621061062	Nguyễn Văn	Hải	27/05/1996	334				
2	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	335				
3	1621010743	Phạm Văn	Hải	27/04/1998	336				
4	1621060401	Phan Minh	Hải	11/06/1998	337				
5	1621050459	Bùi Thị	Hân	20/06/1998	338				
6	1621010210	Nguyễn Thị	Hạnh	09/10/1998	339				
7	1621060396	Trần Ngọc	Hạnh	08/08/1998	340				
8	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	341				
9	1621061036	Nguyễn Ngọc	Hiền	23/06/1998	342				
10	1621060079	Phạm Bá	Hiệp	31/05/1998	343				
11	1621060177	Trần Ngọc	Hiệp	14/10/1998	344				
12	1621050875	Đinh Văn	Hiếu	13/08/1998	345				
13	1621030016	Lê Văn	Hiếu	10/04/1998	346				
14	1621060830	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/06/1998	347				
15	1521020198	Nguyễn Minh	Hiếu	04/05/1997	348				
16	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/04/1998	349				
17	1521010109	Nguyễn Trung	Hiếu	18/10/1996	350				
18	1621060038	Trần Đăng	Hiếu	26/11/1998	351				
19	1621050634	Vũ Huy	Hiếu	01/07/1998	352				
20	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/1997	353				
21	1621060620	Nguyễn Văn	Hòa	27/03/1998	354				
22	1521010274	Vũ Văn	Hòa	31/05/1997	355				
23	1621061089	Bùi Huy	Hoàng	19/12/1998	356				
24	1621050807	Lê Văn	Hoàng	18/07/1998	357				
25	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	358				
26	1621060118	Thân Huy	Hoàng	08/07/1998	359				
27	1621030009	Trần Duy	Hoàng	18/08/1998	360				
28	1621060318	Trần Việt	Hoàng	06/09/1998	361				
29	1621060828	Vũ Đình	Hoàng	16/01/1998	362				
30	1521060124	Vũ Đức Minh	Hoàng	26/09/1997	363				
31	1621060585	Lại Văn	Hồng	01/06/1998	364				
32	1621060278	Nguyễn Quang	Hồng	09/04/1998	365				
33	1621050526	Phùng Văn	Huân	15/08/1998	366				
34	1621060567	Đỗ Xuân	Hùng	20/04/1998	367				
35	1621060522	Nguyễn Việt	Hùng	28/06/1998	368				
36	1521070444	Trần Việt	Hùng	17/07/1997	369				
37	1521010062	Đỗ Quốc	Huy	13/04/1997	370				
38	1621060974	Đồng Quang	Huy	01/11/1998	371				
39	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/1993	372				
40	1621060311	Hoàng Tiến	Huy	09/12/1998	373				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 004_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060114	Đậu Quốc	Hưng	18/09/1998	374				
2	1621060310	Vũ Hữu	Hưng	28/05/1998	375				
3	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	376				
4	1621050630	Nguyễn Thị	Hường	13/12/1998	377				
5	1621050248	Mai Quốc	Huy	12/10/1996	378				
6	1621050548	Trần Quang	Huy	09/09/1998	379				
7	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	04/09/1998	380				
8	1321050093	Vũ Duy	Huy	28/03/1995	381				
9	1621010165	Trần Thanh	Huyền	26/01/1998	382				
10	1621061010	Đào Văn	Khả	29/08/1998	383				
11	1621060246	Phạm Văn	Khang	18/03/1998	384				
12	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	385				
13	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	386				
14	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	387				
15	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	388				
16	1621060334	Nguyễn Duy	Khương	22/01/1998	389				
17	1621060381	Nguyễn Trần	Kiên	18/01/1998	390				
18	1621070016	Phan Thanh	Lam	27/12/1998	391				
19	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	05/11/1998	392				
20	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	393				
21	1621060411	Vũ Đình	Lâm	17/09/1998	394				
22	1621080133	Đoàn Thị	Linh	29/09/1998	395				
23	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	396				
24	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	06/05/1998	397				
25	1621050335	Nguyễn Tất	Lộc	21/05/1998	398				
26	1621050334	Lê	Lộc	25/08/1998	399				
27	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	400				
28	1621050496	Nguyễn Quý	Lợi	09/03/1998	401				
29	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/1996	402				
30	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	403				
31	1621061001	Nguyễn Thành	Long	05/09/1998	404				
32	1621060096	Nguyễn Thành	Luân	25/11/1998	405				
33	1621060499	Nguyễn Thành	Luân	27/02/1998	406				
34	1621060343	Nguyễn Văn	Luận	26/07/1998	407				
35	1621050091	Vũ Đức	Lượng	06/02/1998	408				
36	1621060113	Hồ Trọng	Mạnh	27/10/1998	409				
37	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/1995	410				
38	1621070148	Trần Đức	Mạnh	17/02/1998	411				
39	1411050048	Cao Công	Minh	25/10/1996	412				
40	1621060515	Đình Quang	Minh	08/06/1998	413				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 005_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621010146	Lương Tất	Minh	19/06/1997	414				
2	1621060373	Nguyễn Công	Minh	01/03/1998	415				
3	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	416				
4	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	02/09/1998	417				
5	1621060280	Nguyễn Văn	Minh	20/08/1998	418				
6	1621060686	Nguyễn Văn	Minh	24/03/1998	419				
7	1621050442	Phan Quang	Minh	20/11/1998	420				
8	1621060979	Nguyễn Anh	Mười	06/04/1998	421				
9	1621080053	Nguyễn Ngọc Hà	My	02/12/1998	422				
10	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	423				
11	1621020706	Hoàng Duy	Nam	03/06/1998	424				
12	1621030707	Lê Xuân	Nam	28/08/1998	425				
13	1621050396	Nguyễn Văn	Nam	04/05/1998	426				
14	1621060762	Phạm Văn	Nam	24/11/1998	427				
15	1621060550	Phạm Viết	Nam	11/02/1998	428				
16	1621060520	Phạm Xuân	Nam	03/12/1998	429				
17	1621040087	Trịnh Mạnh	Nghĩa	25/03/1998	430				
18	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	431				
19	1621050731	Trần Thị	Ngọc	21/06/1998	432				
20	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	433				
21	1621060139	Vũ Trọng	Nguyên	10/03/1997	434				
22	1621010231	La Văn	Nhật	06/11/1998	435				
23	1621020024	Phạm Văn	Phi	05/11/1998	436				
24	1611020700	Vũ Ngọc	Phi	10/05/1998	437				
25	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/1995	438				
26	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	01/11/1998	439				
27	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	440				
28	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	441				
29	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	442				
30	1621060197	Vương Hồng	Quân	10/01/1998	443				
31	1621060982	Trần Anh	Quang	13/08/1998	444				
32	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	445				
33	1621011022	Đỗ Anh	Quốc	01/11/1998	446				
34	1621030012	Nguyễn Hữu Chí	Quốc	01/12/1997	447				
35	1631020073	Phạm Ngọc	Quyên	29/06/1995	448				
36	1621060464	Nguyễn Bá	Quyên	12/10/1998	449				
37	1621050519	Đỗ Văn	Quyết	04/10/1998	450				
38	1621060659	Nguyễn Thành	Quyết	30/05/1998	451				
39	1621080155	Chu Diễm	Quỳnh	10/10/1998	452				
40	1621060635	Hồ Đăng	Quỳnh	05/12/1998	453				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 005_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050169	Trịnh Thị	Sen	24/04/1998	454				
42	1621040800	Thanakone	SENGMAN	20/04/1997	455				
43	1621030013	Thò Bá	Sở	21/01/1997	456				
44	1621060570	Đặng Văn	Sơn	03/09/1998	457				
45	1621060215	Lê Hồng	Sơn	26/08/1997	458				
46	1621060615	Trương Văn	Sơn	01/11/1998	459				
47	1621030072	Trần Minh	Tài	01/11/1998	460				
48	1621050620	Đoàn Đình	Tâm	19/02/1998	461				
49	1621050824	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/08/1998	462				
50	1621030095	Trần Công	Tâm	31/03/1998	463				
51	1521070118	Đoàn Xuân	Thắng	20/10/1997	464				
52	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/1995	465				
53	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	466				
54	1621060029	Nguyễn Việt	Thắng	25/10/1998	467				
55	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	468				
56	1621060989	Nguyễn Văn	Thanh	10/12/1998	469				
57	1621060233	Đỗ Tiến	Thành	08/10/1998	470				
58	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	471				
59	1621010715	Nguyễn Văn	Thành	07/12/1998	472				
60	1621060516	Nguyễn Xuân	Thành	30/08/1998	473				
61	1621060450	Phạm Văn	Thành	24/06/1998	474				
62	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/1997	475				
63	1621060240	Nguyễn Văn	Thao	11/05/1998	476				
64	1621030093	Cần Thị Phương	Thảo	27/07/1998	477				
65	1621060730	Hoàng Văn	Thảo	08/08/1997	478				
66	1321010319	Lê Phương	Thảo	20/02/1995	479				
67	1621010115	Nguyễn Thị Liên	Thảo	04/03/1998	480				
68	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	481				
69	1621030094	Trần Văn	Thiện	08/01/1998	482				
70	1621061067	Đình Văn	Thịnh	04/10/1998	483				
71	1621050785	Nguyễn Văn	Thịnh	18/10/1998	484				
72	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	485				
73	1621030008	Trần Quý	Thọ	05/05/1998	486				
74	1321030868	Nguyễn Duy	Thông	03/12/1995	487				
75	1621050102	Lê Văn	Thuật	12/10/1996	488				
76	1521050049	Phạm Xuân	Thụy	31/03/1997	489				
77	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	09/11/1997	490				
78	1621060935	Nguyễn Quang	Tiến	12/03/1998	491				
79	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	492				
80	1421070485	Trương Đình	Tiếp	10/09/1996	493				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 111_4010202_1 Tổ thi: 005_111_4010202_1 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	494				
82	1621060999	Nguyễn Đức	Toàn	15/09/1996	495				
83	1621050232	Nguyễn Thu	Trang	28/05/1998	496				
84	1621060209	Nguyễn Văn	Triều	20/02/1998	497				
85	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	498				
86	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	499				
87	1621030044	Lê Công	Trực	05/08/1998	500				
88	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	501				
89	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/1996	502				
90	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	503				
91	1621060164	Nguyễn Thành	Trung	05/09/1998	504				
92	1621060616	Phan Văn	Trường	28/02/1998	505				
93	1621060526	Lê Văn	Trường	04/02/1998	506				
94	1621080066	Hoàng Đình	Tú	24/04/1998	507				
95	1521060364	Phạm Ngọc	Tú	16/02/1997	508				
96	1421070516	Trần Anh	Tú	12/09/1996	509				
97	1621050633	Nguyễn Quốc	Tuấn	21/06/1998	510				
98	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	511				
99	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	24/10/1998	512				
100	1621060638	Trương Văn	Tuấn	13/01/1998	513				
101	1621060544	Bùi Thanh	Tùng	14/09/1998	514				
102	1621010199	Đồng Mạnh	Tùng	20/10/1998	515				
103	1521030118	Mai Xuân	Tùng	13/10/1997	516				
104	1621010213	Nguyễn Lâm	Tùng	27/08/1998	517				
105	1621060564	Phạm Sơn	Tùng	29/12/1998	518				
106	1621050544	Trịnh Duy	Tùng	01/11/1998	519				
107	1421040340	Vũ Thị	Tươi	14/10/1993	520				
108	1621060263	Phạm Văn	Tường	03/08/1998	521				
109	1611060003	Lê Trung	Văn	06/09/1998	522				
110	1621010356	Nguyễn Quốc	Việt	18/05/1998	523				
111	1621060378	Bùi Hữu	Vinh	08/03/1998	524				
112	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	18/11/1998	525				
113	1621060024	Bì Quốc	Vương	23/08/1997	526				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 111_4010301_1 Tổ thi: 001_111_4010301_1 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/1997	527				
2	1624010590	Bùi Thị	Hiền	28/07/1998	528				
3	1521040149	Lê Đình	Hoạt	15/02/1997	529				
4	1624010542	Công Thị	Huyền	19/03/1998	530				
5	1521010012	Hoàng Văn	Thanh	05/12/1997	531				
6	1221020159	Phạm Đức	Trọng	09/09/1994	532				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 111_4010305_1 Tổ thi: 001_111_4010305_1 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA303 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	533				
2	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/1997	534				
3	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	535				
4	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	536				
5	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	537				
6	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	538				
7	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	539				
8	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/1996	540				
9	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	541				
10	1521040010	Vương Văn	Sơn	06/10/1997	542				
11	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	543				
12	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	544				
13	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	545				
14	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	546				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 111_4010401_1 Tổ thi: 001_111_4010401_1 Tên HP: Hình học họa hình
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060849	Lê Trường	An	15/02/1998	547				
2	1621040076	Vũ Duy	An	05/01/1998	548				
3	1621040121	Bùi Văn	Anh	24/10/1998	549				
4	1621040025	Hoàng Tuấn	Anh	04/01/1998	550				
5	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	09/07/1996	551				
6	1621010099	Phạm Văn	Anh	24/08/1998	552				
7	1621060657	Trần Hải	Anh	01/01/1998	553				
8	1621010050	Trịnh Duy Tuấn	Anh	05/05/1998	554				
9	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	555				
10	1621060790	Hà Ngọc	Biên	06/06/1997	556				
11	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	557				
12	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	558				
13	1621060637	Nguyễn Đức	Chính	02/12/1998	559				
14	1621040710	Bùi Quang	Cường	23/08/1998	560				
15	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	561				
16	1621070190	Nghiêm Mạnh	Cường	19/12/1998	562				
17	1221070205	Nguyễn Viết	Cường	20/04/1994	563				
18	1621070201	Bá Tiến	Đạt	14/08/1998	564				
19	1621060897	Nguyễn Thọ	Đạt	18/08/1998	565				
20	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	566				
21	1621060851	Đỗ Văn	Dinh	13/05/1998	567				
22	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	568				
23	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	20/06/1987	569				
24	1621060596	Nguyễn Thành	Đoàn	20/02/1998	570				
25	1621040091	Lương Ngọc	Du	04/06/1998	571				
26	1621060798	Hà Văn	Đức	28/07/1998	572				
27	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	573				
28	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	02/11/1998	574				
29	1621060475	Trịnh Minh	Đức	14/04/1998	575				
30	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	576				
31	1621060854	Đình Văn	Dũng	12/03/1998	577				
32	1621060750	Khuông Văn	Dũng	27/02/1998	578				
33	1621070024	Lê Việt	Dũng	01/07/1998	579				
34	1621060761	Nguyễn Bá	Dũng	12/05/1998	580				
35	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	26/07/1998	581				
36	1621020042	Trần Mạnh	Dũng	08/01/1998	582				
37	1621060872	Chu Đức	Duy	21/01/1998	583				
38	1621020043	Lưu Văn	Duy	09/06/1998	584				
39	1621010153	Nguyễn Quang	Duy	01/10/1998	585				
40	1621010162	Hà Kim	Giang	03/01/1997	586				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 111_4010401_1 Tổ thi: 002_111_4010401_1 Tên HP: Hình học họa hình
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	587				
2	1621060601	Đỗ Văn	Hà	08/09/1998	588				
3	1621020004	Đỗ Trọng	Hải	28/08/1998	589				
4	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/1997	590				
5	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	591				
6	1621020011	Phạm Văn	Hải	12/01/1998	592				
7	1621040111	Trương Thanh	Hải	05/09/1998	593				
8	1621020033	Phạm Minh	Hào	21/02/1997	594				
9	1621060675	Trương Việt	Hào	30/10/1998	595				
10	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	596				
11	1621060884	Trần Văn	Hiền	21/07/1998	597				
12	1621020010	Đào Mạnh	Hiệp	03/05/1998	598				
13	1621060590	Dương Tuấn	Hiệp	26/10/1998	599				
14	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	600				
15	1621070193	Nguyễn Trọng	Hiếu	22/12/1997	601				
16	1621060742	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	602				
17	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	603				
18	1621040115	Vũ Xuân	Hình	26/11/1998	604				
19	1621060620	Nguyễn Văn	Hòa	27/03/1998	605				
20	1621060717	Lưu Văn	Hoàn	27/10/1998	606				
21	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	607				
22	1621060681	Nguyễn Xuân	Hoàn	07/04/1998	608				
23	1621040006	Ngô Huy	Hoàng	14/02/1998	609				
24	1621060700	Đặng Quốc	Hùng	19/08/1998	610				
25	1621010150	Lê Công	Hùng	10/05/1997	611				
26	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	612				
27	1521060341	Nguyễn Việt	Hùng	24/11/1996	613				
28	1621010711	Phạm Sĩ	Hùng	12/10/1998	614				
29	1621060831	Nguyễn Văn	Hướng	18/10/1998	615				
30	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	616				
31	1621060868	Nguyễn Quang	Huy	27/06/1998	617				
32	1621010163	Nguyễn Văn	Huy	03/12/1998	618				
33	1621060911	Trần Minh	Huy	01/09/1998	619				
34	1621010902	Mey	Kadun	23/06/1997	620				
35	1621060876	Hoàng Trung	Khá	14/03/1998	621				
36	1511040003	Tạ Trung	Khang	01/02/1997	622				
37	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	623				
38	1421070066	Trần Đăng	Khoa	01/11/1996	624				
39	1621040099	Nguyễn Hoa	Kỳ	23/12/1998	625				
40	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	626				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 111_4010401_1 Tổ thi: 002_111_4010401_1 Tên HP: Hình học họa hình
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	627				
42	1621060652	Nguyễn Văn	Linh	22/09/1998	628				
43	1621070211	Hoàng	Long	29/12/1998	629				
44	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/1997	630				
45	1621070068	Nguyễn Thị Hồng	Mai	14/12/1998	631				
46	1621070148	Trần Đức	Mạnh	17/02/1998	632				
47	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	02/09/1998	633				
48	1621010034	Trần Quang	Minh	13/08/1998	634				
49	1621020706	Hoàng Duy	Nam	03/06/1998	635				
50	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	636				
51	1621020703	Nguyễn Ngọc	Nam	25/10/1998	637				
52	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/1997	638				
53	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	639				
54	1621060692	Hoàng Văn	Nguyên	10/12/1998	640				
55	1621020024	Phạm Văn	Phi	05/11/1998	641				
56	1621070712	Trịnh Bá	Phi	09/02/1998	642				
57	1621070198	Nguyễn Thành	Phổ	10/02/1998	643				
58	1621060923	Nguyễn Văn	Phong	07/10/1998	644				
59	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	645				
60	1421070427	Đỗ Trọng	Quân	29/10/1996	646				
61	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/1996	647				
62	1621010123	Đỗ Nhật	Quang	30/05/1998	648				
63	1621060862	Nguyễn Vinh	Quang	09/05/1998	649				
64	1421010260	Phạm Văn	Quang	03/11/1996	650				
65	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	651				
66	1621060635	Hồ Đăng	Quỳnh	05/12/1998	652				
67	1621040800	Thanakone	SENGMAN	20/04/1997	653				
68	1621010035	Lê Xuân	Sơn	27/02/1998	654				
69	1621060857	Hoàng Hữu	Sỹ	22/05/1998	655				
70	1621060725	Đỗ Trọng	Tài	08/02/1998	656				
71	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	657				
72	1421020153	Dương Quang	Thắng	21/09/1996	658				
73	1621060856	Nguyễn Đức	Thắng	08/10/1998	659				
74	1621040026	Bùi Yến	Thanh	12/07/1998	660				
75	1621060651	Nguyễn Công	Thanh	16/11/1998	661				
76	1621010026	Phạm Chí	Thành	03/12/1998	662				
77	1621060730	Hoàng Văn	Thảo	08/08/1997	663				
78	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	664				
79	1621010077	Đình Văn	Thiện	27/08/1998	665				
80	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/1997	666				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 111_4010401_1 Tổ thi: 002_111_4010401_1 Tên HP: Hình học họa hình
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	667				
82	1621060595	Đoàn Như	Thuần	30/09/1998	668				
83	1621010029	Nguyễn Trung	Thuận	20/10/1998	669				
84	1621020045	Bùi Thị	Thúy	25/06/1997	670				
85	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	671				
86	1621020046	Đỗ Việt	Tiếp	22/02/1998	672				
87	1621010158	Vũ Thế	Tình	23/01/1997	673				
88	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	674				
89	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	675				
90	1621060820	Đào Văn	Trọng	20/05/1998	676				
91	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	07/09/1998	677				
92	1621040012	Bùi Hữu	Trung	17/08/1998	678				
93	1621040086	Lê Bá Quốc	Trung	05/08/1998	679				
94	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	25/10/1998	680				
95	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	681				
96	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	682				
97	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	683				
98	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	684				
99	1621060616	Phan Văn	Trường	28/02/1998	685				
100	1521070042	Nguyễn Anh	Tú	15/12/1997	686				
101	1621070032	Trịnh Công	Tú	01/02/1997	687				
102	1621010065	Khương Văn	Tuấn	09/07/1998	688				
103	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	689				
104	1621010086	Ngô Xuân	Tùng	13/10/1998	690				
105	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	691				
106	1621060861	Nguyễn Anh	Văn	09/07/1998	692				
107	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	693				
108	1621060578	Lò Sênh	Văng	08/06/1997	694				
109	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	18/11/1998	695				
110	1621060655	Phạm Văn	Vịnh	08/04/1998	696				
111	1621060842	Tạ Văn	Vũ	22/10/1998	697				
112	1621040088	Lê Ngọc	Vương	30/03/1998	698				
113	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	27/10/1998	699				
114	1621070187	Nguyễn Quý	Vượng	17/03/1998	700				
115	1621010031	Đỗ Văn	Yến	20/10/1998	701				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 111_4010402_1 Tổ thi: 001_111_4010402_1 Tên HP: Vẽ kỹ thuật
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD303 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	702				
2	1621060790	Hà Ngọc	Biên	06/06/1997	703				
3	1521040110	Trần Đức	Cảnh	08/01/1997	704				
4	1621070003	Ngô Quang	Cường	16/02/1998	705				
5	1621060581	Lê Văn	Đạt	09/12/1998	706				
6	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	707				
7	1621060591	Trần Mạnh	Đạt	30/10/1998	708				
8	1421070244	Đoàn Quang	Đức	05/11/1996	709				
9	1621060797	Nguyễn Tuấn	Dũng	28/09/1998	710				
10	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	711				
11	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	712				
12	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	713				
13	1621060884	Trần Văn	Hiền	21/07/1998	714				
14	1621060585	Lại Văn	Hồng	01/06/1998	715				
15	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	716				
16	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	07/06/1998	717				
17	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	718				
18	1621060720	Hoàng Đỗ Bảo	Nam	06/01/1997	719				
19	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	720				
20	1621061100	Trần Xuân	Quý	13/09/1998	721				
21	1621060752	Phạm Anh	Quyết	20/10/1998	722				
22	1621060651	Nguyễn Công	Thanh	16/11/1998	723				
23	1621060676	Bùi Xuân	Thành	04/07/1998	724				
24	1621060767	Trần Đức	Thành	07/05/1998	725				
25	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	726				
26	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/01/1996	727				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 111_4010403_1 Tổ thi: 001_111_4010403_1 Tên HP: Autocad + TH
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNA A207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030001L	Chomkhuang	Khunthilat	23/07/1995	728				
2	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	729				
3	1321060006	Lê Tuấn	Anh	08/03/1993	730				
4	1321060009	Nguyễn Thế	Anh	09/01/1995	731				
5	1321040007	Nguyễn Tuấn	Anh	19/06/1995	732				
6	1421060341	Lương Quang	Chiến	19/01/1995	733				
7	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	734				
8	1421060036	Nguyễn Quốc	Công	10/10/1996	735				
9	1321040433	Nguyễn Văn	Công	20/08/1994	736				
10	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	737				
11	1321030040	Phạm Văn	Đang	28/02/1994	738				
12	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	739				
13	1421050047	Đinh Văn	Đức	12/12/1995	740				
14	1321030524	Trần Nhật	Đức	24/11/1995	741				
15	1321030556	Vương Đức	Hào	15/02/1995	742				
16	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/1994	743				
17	1521010074	Bùi Thành	Hiếu	25/01/1996	744				
18	1421010116	Đoàn Ngọc	Hiếu	25/03/1996	745				
19	1321020102	Nguyễn Thị	Hoa	30/10/1995	746				
20	1421010139	Lâm Viết	Hùng	13/08/1996	747				
21	1421060145	Nguyễn Thị	Hương	09/11/1996	748				
22	1421070319	Phạm Quang	Huy	16/10/1996	749				
23	1321020587	Đào Trọng	Khang	28/09/1995	750				
24	1321030651	Trần Đăng	Khánh	12/06/1995	751				
25	1321020598	Phạm Công	Lâm	04/04/1994	752				
26	1321030116	Phạm Thu	Lành	29/08/1995	753				
27	1421010194	Phạm Thị	Mai	01/11/1996	754				
28	1321020644	Nguyễn Phương	Nam	10/06/1995	755				
29	1321080069	Vũ Thị	Ngọc	10/04/1995	756				
30	1421040207	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/12/1996	757				
31	1421040214	Đặng Việt	Phương	06/03/1995	758				
32	1521050167	Trương Hoài	Sơn	16/08/1997	759				
33	1421070447	Đàm Khắc	Sự	23/08/1995	760				
34	1521019008	Nông Văn	Thuyết	28/11/1995	761				
35	1421030577	Trần Văn	Tiếp	04/11/1995	762				
36	1421050649	Kiều Văn	Toàn	29/03/1996	763				
37	1421030212	Nguyễn Ngô	Trung	22/09/1996	764				
38	1321040592	Phạm Tiến	Trung	16/08/1995	765				
39	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	766				
40	1321040317	Nguyễn Anh	Tuấn	13/04/1995	767				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 111_4010403_1 Tổ thi: 001_111_4010403_1 Tên HP: Autocad + TH
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/1997	768				
42	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	769				
43	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/1997	770				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 111_4010406_1 Tổ thi: 001_111_4010406_1 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030117	Đinh Đỗ	An	17/03/1998	771				
2	1621030069	Nguyễn Minh	An	27/09/1998	772				
3	1621060222	Đỗ Hữu	Anh	09/03/1998	773				
4	1621060404	Lê Đình	Anh	13/11/1998	774				
5	1621030007	Nguy Thị Quỳnh	Anh	11/10/1998	775				
6	1621060346	Đào Ngọc	ánh	06/04/1998	776				
7	1621080114	Hoàng Thị Ngọc	ánh	27/11/1998	777				
8	1621030066	Ngô Quang	Biên	14/10/1998	778				
9	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	779				
10	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	780				
11	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	781				
12	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	19/10/1998	782				
13	1321020439	Nguyễn Hoàng	Chính	18/01/1995	783				
14	1521080019	Mai Văn	Chung	21/01/1997	784				
15	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	785				
16	1621060206	Nguyễn Quốc	Cường	08/05/1996	786				
17	1621030022	Trần Võ	Cường	04/03/1998	787				
18	1621030020	Nguyễn Hải	Đăng	01/11/1998	788				
19	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	789				
20	1621030043	Trần Văn	Danh	02/10/1998	790				
21	1621060210	Trần Đỗ	Đạt	29/04/1998	791				
22	1621060465	Trịnh Văn	Đạt	15/01/1998	792				
23	1621060422	Vũ Đình	Độ	20/10/1998	793				
24	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	794				
25	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	795				
26	1621030026	Nguyễn Đức	Đức	21/01/1998	796				
27	1521060067	Nguyễn Quý	Đức	30/01/1996	797				
28	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/1997	798				
29	1624010073	Nguyễn Đắc	Dũng	29/10/1998	799				
30	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	01/04/1996	800				
31	1621030023	Trần Tiến	Dũng	06/12/1998	801				
32	1621060252	Trương Văn	Dũng	20/09/1998	802				
33	1621080051	Vũ Lê Kiều	Dương	20/11/1998	803				
34	1521060244	Bùi Văn	Duy	12/04/1997	804				
35	1621060302	Lê Văn	Duy	21/06/1998	805				
36	1621060324	Ngô Văn	Duy	18/09/1998	806				
37	1621060239	Nguyễn Khương	Duy	23/10/1998	807				
38	1621060985	Nguyễn Tùng	Duy	26/11/1998	808				
39	1621030096	Trần Nhật	Duy	16/02/1998	809				
40	1521080084	Nguyễn Thị	Duyên	22/01/1997	810				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 111_4010406_1 Tổ thi: 002_111_4010406_1 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	811				
2	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	812				
3	1521080125	Nguyễn Đăng	Hà	07/10/1997	813				
4	1621030019	Hoàng Văn	Hải	19/07/1998	814				
5	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/02/1998	815				
6	1621060298	Nguyễn Đức	Hải	14/07/1998	816				
7	1621061062	Nguyễn Văn	Hải	27/05/1996	817				
8	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	818				
9	1621060401	Phan Minh	Hải	11/06/1998	819				
10	1621080709	Đỗ Thị	Hằng	28/12/1998	820				
11	1621080079	Tô Thị	Hằng	31/01/1998	821				
12	1621080092	Cao Thúy	Hạnh	29/05/1998	822				
13	1621060396	Trần Ngọc	Hạnh	08/08/1998	823				
14	1321020093	Phạm Duy	Hiền	04/03/1995	824				
15	1621030014	Hoàng Minh	Hiệp	27/06/1998	825				
16	1621060054	Nguyễn Duy	Hiệp	25/09/1998	826				
17	1621060330	Trần Văn	Hiệp	29/09/1998	827				
18	1521080146	Đặng Hoàng	Hiếu	23/10/1997	828				
19	1621030100	Đặng Văn	Hiếu	23/10/1998	829				
20	1621060159	Đỗ Duy	Hiếu	02/03/1998	830				
21	1621030106	Lê Minh	Hiếu	17/09/1997	831				
22	1621030050	Nguyễn Minh	Hiếu	30/04/1998	832				
23	1621060535	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/1998	833				
24	1621080058	Nguyễn Trung	Hiếu	15/04/1998	834				
25	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	835				
26	1621080056	Vũ Thị	Hoàn	28/02/1998	836				
27	1621060270	Đặng Huy	Hoàng	26/09/1998	837				
28	1424010058	Lý Tuyên	Hoàng	01/07/1996	838				
29	1521010232	Nguyễn Viết	Hoàng	26/01/1997	839				
30	1621030009	Trần Duy	Hoàng	18/08/1998	840				
31	1621060318	Trần Việt	Hoàng	06/09/1998	841				
32	1621060278	Nguyễn Quang	Hồng	09/04/1998	842				
33	1621060027	Ngô Mạnh	Hùng	21/04/1997	843				
34	1621060522	Nguyễn Việt	Hùng	28/06/1998	844				
35	1521080164	Trần Nhật	Hùng	30/10/1997	845				
36	1621060735	Đặng Quốc	Hưng	14/09/1998	846				
37	1621060559	Nguyễn Việt	Hưng	15/05/1998	847				
38	1621060310	Vũ Hữu	Hưng	28/05/1998	848				
39	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/1997	849				
40	1621060128	Lưu Thị	Hương	20/04/1998	850				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 111_4010406_1 Tổ thi: 002_111_4010406_1 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010485	Mai Thị Thu	Hường	21/11/1998	851				
42	1621060311	Hoàng Tiến	Huy	09/12/1998	852				
43	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	04/09/1998	853				
44	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1997	854				
45	1621030700	Đặng Duy	Huỳnh	13/06/1998	855				
46	1621061010	Đào Văn	Khả	29/08/1998	856				
47	1621060386	Nguyễn Đức	Khải	05/04/1997	857				
48	1621060245	Trần Quang	Khải	22/11/1998	858				
49	1621061018	Đỗ Ngọc	Khánh	29/10/1998	859				
50	1421030108	Hoàng Duy	Khánh	06/10/1995	860				
51	1621060175	Phạm Trung	Khánh	27/12/1998	861				
52	1621060011	Trịnh Duy	Khánh	08/08/1998	862				
53	1621030073	Nguyễn Ngọc	Khiêm	18/12/1998	863				
54	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	864				
55	1621060116	Lê Đình	Kiên	12/10/1998	865				
56	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/1995	866				
57	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	867				
58	1621030068	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/12/1998	868				
59	1624010788	Lê Thùy	Linh	11/01/1998	869				
60	1621030108	Nguyễn Khánh	Linh	07/05/1998	870				
61	1624010097	Nguyễn Mai	Linh	21/03/1998	871				
62	1624010164	Nguyễn Văn	Linh	06/02/1998	872				
63	1621060102	Trịnh Đình	Lực	07/07/1998	873				
64	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	874				
65	1624010461	Đình Thảo	Ly	02/10/1998	875				
66	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	876				
67	1621030081	Chu Tuấn	Minh	18/06/1998	877				
68	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	878				
69	1621061083	Phạm Văn	Minh	19/06/1998	879				
70	1321020150	Phạm Văn	Minh	20/10/1995	880				
71	1621060007	Vũ Văn	Mười	26/03/1998	881				
72	1624010992	Lê Thị Trà	My	10/03/1998	882				
73	1621030707	Lê Xuân	Nam	28/08/1998	883				
74	1621060520	Phạm Xuân	Nam	03/12/1998	884				
75	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	885				
76	1621060957	Phạm Trọng	Nhất	26/08/1998	886				
77	1521080085	Lê Thị	Nhung	01/03/1997	887				
78	1621080146	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/10/1998	888				
79	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	01/11/1998	889				
80	1621030012	Nguyễn Hữu Chí	Quốc	01/12/1997	890				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 111_4010406_1 Tổ thi: 002_111_4010406_1 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/1997	891				
82	1621060039	Hồ Bá	Quyết	08/03/1998	892				
83	1621030013	Thò Bá	Sở	21/01/1997	893				
84	1621060570	Đặng Văn	Sơn	03/09/1998	894				
85	1621060189	Đình Xuân	Sơn	30/07/1998	895				
86	1521080235	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/1997	896				
87	1621060080	Nguyễn Hồng	Sơn	13/08/1998	897				
88	1521060253	Nguyễn Việt	Sóng	25/02/1997	898				
89	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	899				
90	1621080131	Đỗ Xuân	Tài	09/03/1997	900				
91	1621030072	Trần Minh	Tài	01/11/1998	901				
92	1621030095	Trần Công	Tâm	31/03/1998	902				
93	1621060977	Luyện Văn	Tấn	01/02/1998	903				
94	1621060356	Phạm Đình	Thái	06/06/1998	904				
95	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	905				
96	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	906				
97	1621060509	Vũ Tiến	Thắng	18/11/1998	907				
98	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	908				
99	1621050253	Nguyễn Văn	Thi	26/01/1998	909				
100	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	910				
101	1621030008	Trần Quý	Thọ	05/05/1998	911				
102	1621060970	Nguyễn Văn	Thường	26/08/1998	912				
103	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/1997	913				
104	1621060388	Đặng Quang	Tiến	06/07/1998	914				
105	1521080032	Phạm Ngọc	Tiến	13/12/1997	915				
106	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	01/01/1998	916				
107	1621030053	Nguyễn Văn	Tới	02/10/1998	917				
108	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	918				
109	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	919				
110	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	920				
111	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/1996	921				
112	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/1997	922				
113	1621060164	Nguyễn Thành	Trung	05/09/1998	923				
114	1631020008	Thịnh Hồng	Trung	18/08/1995	924				
115	1621060526	Lê Văn	Trưởng	04/02/1998	925				
116	1621080066	Hoàng Đình	Tú	24/04/1998	926				
117	1621060250	Dương Minh	Tuấn	19/10/1998	927				
118	1621060230	Ngô Quang	Tuấn	16/10/1997	928				
119	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1997	929				
120	1621060476	Nguyễn Văn	Tuấn	11/01/1998	930				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 111_4010406_1 Tổ thi: 002_111_4010406_1 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621010199	Đồng Mạnh	Tùng	20/10/1998	931				
122	1621080065	Lê Ngọc	Tùng	07/06/1998	932				
123	1321020794	Lê Sơn	Tùng	14/10/1995	933				
124	1621060564	Phạm Sơn	Tùng	29/12/1998	934				
125	1621061050	Bùi Đặng	Tuyên	16/05/1998	935				
126	1621060558	Nguyễn Đức	Việt	16/03/1998	936				
127	1521080056	Đỗ Thị	Xuân	25/03/1997	937				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 001_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthav	.	15/12/1996	938				
2	1621040076	Vũ Duy	An	05/01/1998	939				
3	1621040121	Bùi Văn	Anh	24/10/1998	940				
4	1621060222	Đỗ Hữu	Anh	09/03/1998	941				
5	1621070061	Đỗ Tuấn	Anh	30/05/1998	942				
6	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	943				
7	1621070077	Lê Văn Tiến	Anh	08/03/1997	944				
8	1621070063	Lê Việt	Anh	03/02/1998	945				
9	1621010375	Lê Xuân	Anh	19/11/1998	946				
10	1621070125	Nguyễn Đức	Anh	28/04/1998	947				
11	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	948				
12	1521060114	Nguyễn Quang	Anh	17/05/1997	949				
13	1621060667	Nguyễn Thế Việt	Anh	03/06/1998	950				
14	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	951				
15	1621010341	Nguyễn Văn	Anh	05/07/1998	952				
16	1621060078	Phan Hùng	Anh	05/05/1998	953				
17	1321040009	Trần Đức	Anh	21/12/1995	954				
18	1621070151	Trần Thế	Anh	03/11/1997	955				
19	1621070171	Trần Tuấn	Anh	25/10/1998	956				
20	1621070702	Trịnh Đức	Anh	13/03/1998	957				
21	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	958				
22	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	04/10/1995	959				
23	1621060912	Nguyễn Quốc	Bảo	11/08/1998	960				
24	1621010372	Lê Duy	Bình	18/06/1998	961				
25	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	962				
26	1621010727	Đậu Đình	Chắt	09/04/1997	963				
27	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	964				
28	1621070180	Chu Minh	Chiến	24/09/1998	965				
29	1621070160	Dương Khắc Minh	Chiến	25/10/1998	966				
30	1621070105	Lưu Ngọc	Chiến	12/06/1998	967				
31	1621010308	Phạm Thị	Chín	01/01/1998	968				
32	1621070085	Ngô Văn	Chinh	19/05/1998	969				
33	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	970				
34	1621010282	Trịnh Văn	Công	13/06/1996	971				
35	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	972				
36	1621060530	Ngô Mạnh	Cường	27/03/1998	973				
37	1621010354	Nguyễn Văn	Cường	09/06/1998	974				
38	1621070005	Phạm Mạnh	Cường	16/02/1998	975				
39	1621020026	Trần Mạnh	Cường	18/12/1998	976				
40	1621060785	Tô Xuân	Diện	28/03/1998	977				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 002_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	08/07/1998	978				
2	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	979				
3	1521060418	Phạm Văn	Đăng	02/01/1997	980				
4	1621070201	Bá Tiến	Đạt	14/08/1998	981				
5	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	982				
6	1411070008	Đinh Văn Thành	Đạt	03/07/1993	983				
7	1621010367	Lê Văn	Đạt	30/09/1998	984				
8	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	985				
9	1321020478	Nguyễn Bá	Đạt	14/08/1994	986				
10	1621040053	Phạm Thành	Đạt	01/05/1998	987				
11	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	988				
12	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	13/01/1998	989				
13	1621060851	Đỗ Văn	Dinh	13/05/1998	990				
14	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	991				
15	1621070004	Lưu Văn	Đoan	03/03/1998	992				
16	1521060425	Nguyễn Văn	Đoàn	03/01/1997	993				
17	1621060609	Vũ Đức	Đoàn	11/05/1998	994				
18	1521020159	Đỗ Minh	Đồng	13/01/1997	995				
19	1621070074	Mai Hữu	Đồng	01/01/1998	996				
20	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	997				
21	1621040091	Lương Ngọc	Du	04/06/1998	998				
22	1621020047	Nguyễn Bá	Du	10/01/1998	999				
23	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	1000				
24	1621060413	Hoàng Bá	Duẩn	14/10/1998	1001				
25	1621060844	Trịnh Văn	Duẩn	01/10/1998	1002				
26	1621070730	Đinh Xuân	Đức	05/08/1998	1003				
27	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	1004				
28	1621070019	Đoàn Việt	Đức	16/08/1998	1005				
29	1621070123	Bùi Thị Thùy	Dung	22/11/1998	1006				
30	1621020009	Đặng Văn	Dũng	04/09/1998	1007				
31	1621070202	Đỗ Bá	Dũng	30/06/1998	1008				
32	1621020714	Lê Văn	Dũng	29/06/1998	1009				
33	1624010073	Nguyễn Đắc	Dũng	29/10/1998	1010				
34	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	1011				
35	1621060252	Trương Văn	Dũng	20/09/1998	1012				
36	1621040020	Nguyễn Hoàng	Dương	18/05/1998	1013				
37	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	1014				
38	1621020053	Vũ Hoàng	Dương	08/04/1997	1015				
39	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	1016				
40	1621060239	Nguyễn Khương	Duy	23/10/1998	1017				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 003_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621020012	Hoàng Minh	Đức	12/04/1998	1018				
2	1621060312	Nguyễn Anh	Đức	14/04/1998	1019				
3	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	1020				
4	1621040715	Phạm Hồng	Đức	08/09/1998	1021				
5	1621040129	Phạm Văn	Đức	08/11/1998	1022				
6	1621060960	Trần Văn	Đức	05/04/1998	1023				
7	1621070114	Trần Văn	Đức	16/09/1998	1024				
8	1621060475	Trịnh Minh	Đức	14/04/1998	1025				
9	1221060209	Vũ Xuân	Đức	02/09/1994	1026				
10	1621060840	Bá Trường	Giang	11/12/1998	1027				
11	1321020077	Đặng Xuân	Giang	12/08/1995	1028				
12	1421020045	Lê Hữu	Giang	29/07/1996	1029				
13	1621060601	Đỗ Văn	Hà	08/09/1998	1030				
14	1621010342	Lý Ngọc	Hà	17/08/1997	1031				
15	1321020082	Nông Văn	Hà	16/07/1995	1032				
16	1621040117	Đinh Ngọc	Hải	29/06/1998	1033				
17	1621070700	Nguyễn Nam	Hải	30/06/1995	1034				
18	1621070014	Nguyễn Việt	Hải	09/12/1998	1035				
19	1621070146	Phạm Bắc	Hải	20/09/1998	1036				
20	1621040111	Trương Thanh	Hải	05/09/1998	1037				
21	1621070714	Hà Đình	Hào	22/04/1998	1038				
22	1621070216	Phạm Thanh	Hào	20/06/1997	1039				
23	1621070017	Hà Quang	Hiền	24/02/1998	1040				
24	1621010267	Hồ Sỹ	Hiền	20/10/1997	1041				
25	1521070244	Nguyễn Văn	Hiền	09/02/1995	1042				
26	1621010156	Lê Hoàng	Hiệp	28/07/1998	1043				
27	1621060054	Nguyễn Duy	Hiệp	25/09/1998	1044				
28	1621060330	Trần Văn	Hiệp	29/09/1998	1045				
29	1521010247	Lê Minh	Hiếu	03/09/1997	1046				
30	1621060789	Nguyễn Khắc	Hiếu	27/06/1998	1047				
31	1621040115	Vũ Xuân	Hình	26/11/1998	1048				
32	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	1049				
33	1621010265	Nguyễn Doãn	Hòa	23/05/1998	1050				
34	1321040101	Nguyễn Duy	Hòa	09/08/1995	1051				
35	1621060620	Nguyễn Văn	Hòa	27/03/1998	1052				
36	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/1997	1053				
37	1621060717	Lưu Văn	Hoàn	27/10/1998	1054				
38	1321020545	Nguyễn Văn	Hoàn	06/02/1995	1055				
39	1621060681	Nguyễn Xuân	Hoàn	07/04/1998	1056				
40	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	1057				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 004_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621010305	Nguyễn Thế	Hoàng	22/02/1998	1058				
2	1621060318	Trần Việt	Hoàng	06/09/1998	1059				
3	1621060610	Vũ Văn	Hoàng	27/01/1998	1060				
4	1621061020	Vũ Công	Huân	18/08/1998	1061				
5	1621060955	Cao Việt	Hùng	26/12/1998	1062				
6	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	1063				
7	1521010415	Đỗ Văn	Hùng	10/10/1997	1064				
8	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	1065				
9	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/1995	1066				
10	1621010256	Lê Việt	Hùng	28/11/1998	1067				
11	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	1068				
12	1621010357	Nguyễn Mạnh	Hùng	19/12/1997	1069				
13	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	1070				
14	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/1995	1071				
15	1621060442	Trần Phi	Hùng	06/03/1998	1072				
16	1621040058	Trần Tuấn	Hùng	07/05/1998	1073				
17	1621060735	Đặng Quốc	Hưng	14/09/1998	1074				
18	1321020579	Vũ Văn	Hưng	18/03/1995	1075				
19	1621010349	Nguyễn Thị Mai	Hương	01/12/1998	1076				
20	1621010337	Nguyễn Thị	Hương	09/03/1998	1077				
21	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/1997	1078				
22	1621070158	Bùi Quang	Huy	18/10/1998	1079				
23	1621060809	Chu Quang	Huy	27/08/1998	1080				
24	1621010129	Đỗ Quang	Huy	03/01/1998	1081				
25	1621060974	Đồng Quang	Huy	01/11/1998	1082				
26	1621020718	Nguyễn Đình	Huy	20/01/1998	1083				
27	1621061094	Nguyễn Hoàng	Huy	17/05/1998	1084				
28	1621060868	Nguyễn Quang	Huy	27/06/1998	1085				
29	1621060123	Nguyễn Văn	Huy	27/01/1998	1086				
30	1321020118	Phạm Văn	Huy	04/03/1995	1087				
31	1621010297	Nguyễn Văn	Huyền	24/01/1998	1088				
32	1621040023	Nguyễn Thị	Huyền	10/09/1998	1089				
33	1621070115	Hoàng Đình	Khải	04/10/1998	1090				
34	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	1091				
35	1621070176	Nguyễn Kim	Khánh	30/11/1998	1092				
36	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/1996	1093				
37	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	05/03/1996	1094				
38	1621010276	Nguyễn Trọng	Khánh	05/09/1998	1095				
39	1621070150	Trần Văn	Khiêm	15/08/1998	1096				
40	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	1097				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 005_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070196	Lê Văn	Khoa	02/10/1998	1098				
2	1621070067	Nguyễn Xuân	Khoái	07/02/1998	1099				
3	1621010332	Nguyễn Anh	Kiên	05/09/1998	1100				
4	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	1101				
5	1321020136	Vũ Khánh	Lâm	16/07/1995	1102				
6	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	1103				
7	1621070043	Hoàng Duy	Linh	07/12/1998	1104				
8	1621060801	Mai Chí	Linh	22/08/1998	1105				
9	1621070037	Trần Hữu	Linh	23/10/1998	1106				
10	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/1995	1107				
11	1621060853	Nguyễn Văn	Lợi	07/02/1998	1108				
12	1621040055	Chu Thành	Long	01/07/1998	1109				
13	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	1110				
14	1621040059	Trịnh Đình	Lương	06/05/1996	1111				
15	1621070059	Lê Quang	Lượng	03/07/1998	1112				
16	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	1113				
17	1521020109	Vũ Liu	Ly	27/10/1997	1114				
18	1621070049	Bùi Đức	Mạnh	14/06/1998	1115				
19	1621020039	Lường Quang	Mạnh	11/11/1998	1116				
20	1321020146	Nguyễn Văn	Mạnh	15/10/1995	1117				
21	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	1118				
22	1621060775	Cung Văn	Mậu	24/03/1998	1119				
23	1621070136	Lê Văn	Minh	05/03/1998	1120				
24	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	1121				
25	1621070199	Nguyễn Phú	Minh	07/05/1998	1122				
26	1621070034	Phạm Công	Minh	29/09/1998	1123				
27	1621070126	Trần Tuấn	Minh	21/11/1998	1124				
28	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	1125				
29	1621020058	Phạm Bá	Nam	25/05/1998	1126				
30	1621010326	Trần Đại	Nghĩa	20/04/1998	1127				
31	1621070182	Bùi Đức	Ngọc	27/01/1998	1128				
32	1421040199	Bùi Kim	Ngọc	18/09/1996	1129				
33	1621061088	Đặng Thị Minh	Ngọc	27/08/1998	1130				
34	1621070100	Nguyễn Thế	Ngọc	30/10/1998	1131				
35	1621070056	Nguyễn Văn	Ngọc	27/05/1998	1132				
36	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	04/08/1995	1133				
37	1221060096	Bùi Sĩ	Nguyên	18/01/1994	1134				
38	1621060692	Hoàng Văn	Nguyên	10/12/1998	1135				
39	1621010310	Lê Văn	Nhân	15/10/1998	1136				
40	1521060045	Nguyễn Đức	Nhật	15/08/1997	1137				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 005_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070803	Olontumen	Olonbayar	13/02/1998	1138				
42	1611020700	Vũ Ngọc	Phi	10/05/1998	1139				
43	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	1140				
44	1621060552	Nguyễn Tất	Phong	30/10/1998	1141				
45	1621060923	Nguyễn Văn	Phong	07/10/1998	1142				
46	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	1143				
47	1621010135	Đào Văn	Phúc	13/10/1998	1144				
48	1621010324	Phạm Xuân	Phúc	05/07/1998	1145				
49	1621060463	Vũ Minh	Phước	07/06/1998	1146				
50	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	1147				
51	1621070173	Nguyễn Văn	Quang	01/12/1998	1148				
52	1621060862	Nguyễn Vinh	Quang	09/05/1998	1149				
53	1421010260	Phạm Văn	Quang	03/11/1996	1150				
54	1621040106	Trần Lê Hồng	Quang	02/02/1998	1151				
55	1621070015	Hoàng Văn	Quý	01/01/1998	1152				
56	1421011287	Ngô Quang	Quý	08/02/1996	1153				
57	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	28/07/1998	1154				
58	1621060171	Trương Hữu	Quý	25/05/1998	1155				
59	1621070133	Trần Đức	Quyền	12/12/1998	1156				
60	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	1157				
61	1621040134	Trần Xuân	Sang	14/08/1998	1158				
62	1621040803	Somneuk	SITTHIENG	09/03/1994	1159				
63	1421040231	Bùi Ngọc	Sơn	13/06/1996	1160				
64	1621060650	Đoàn Thanh	Sơn	10/01/1998	1161				
65	1621040708	Hoàng Đoàn	Sơn	30/01/1998	1162				
66	1621070172	Hoàng Trọng	Sơn	21/08/1994	1163				
67	1621070215	Nhữ Xuân	Sơn	22/09/1998	1164				
68	1621070011	Phạm Hồng	Sơn	29/06/1998	1165				
69	1321050173	Phạm Hùng	Sơn	03/09/1995	1166				
70	1621070800	Anousone	SORMIXAY	12/11/1995	1167				
71	1321020185	Vũ Văn	Tài	20/02/1994	1168				
72	1621060977	Luyện Văn	Tấn	01/02/1998	1169				
73	1621060791	Nguyễn Văn	Tấn	01/08/1998	1170				
74	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/1995	1171				
75	1621060856	Nguyễn Đức	Thắng	08/10/1998	1172				
76	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	29/01/1998	1173				
77	1621070708	Nguyễn Quang	Thắng	24/04/1998	1174				
78	1621040026	Bùi Yển	Thanh	12/07/1998	1175				
79	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	1176				
80	1421070459	Lê Văn	Thanh	02/10/1995	1177				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 005_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321070172	Bùi Tiến	Thành	07/09/1995	1178				
82	1621010740	Dương Khắc	Thành	09/04/1996	1179				
83	1621070102	Hoàng Tiến	Thành	29/03/1998	1180				
84	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	1181				
85	1621040095	Nguyễn Minh	Thành	26/07/1998	1182				
86	1621060484	Nguyễn Phú	Thảo	10/03/1998	1183				
87	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/1995	1184				
88	1621040100	Vũ Trọng	Thế	01/02/1998	1185				
89	1421020582	Hoàng Minh	Thép	12/12/1996	1186				
90	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	1187				
91	1621060886	Đặng Trần	Thiệt	19/11/1998	1188				
92	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	18/01/1998	1189				
93	1621060595	Đoàn Như	Thuần	30/09/1998	1190				
94	1621010307	Lê Chung	Thức	10/09/1998	1191				
95	1621060719	Đỗ Văn	Thủy	10/07/1998	1192				
96	1621070038	Nguyễn Đức	Thủy	09/10/1998	1193				
97	1421011350	Lê Quang	Tiến	04/02/1995	1194				
98	1621070044	Nguyễn Văn	Tiến	30/05/1998	1195				
99	1621070025	Trần Văn	Tiến	10/07/1998	1196				
100	1421010400d	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	1197				
101	1621010314	Phạm Khắc	Tiếp	05/04/1998	1198				
102	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/1996	1199				
103	1621060863	Hoàng Bảo	Toàn	17/12/1997	1200				
104	1621060577	Nguyễn Khắc	Toàn	10/11/1998	1201				
105	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	1202				
106	1621070020	Trần	Trí	05/11/1998	1203				
107	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	1204				
108	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	1205				
109	1621070191	Nguyễn Văn	Trung	15/09/1998	1206				
110	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	1207				
111	1621010252	Cao Thế	Trường	09/10/1998	1208				
112	1621070179	Cao Xuân	Trường	25/06/1998	1209				
113	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/1997	1210				
114	1621060772	Trần Phú	Trường	23/01/1998	1211				
115	1621070028	Trần Xuân	Trường	19/02/1998	1212				
116	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	1213				
117	1421010359	Đinh Tuấn	Tú	17/09/1996	1214				
118	1421020179	Phan Văn	Tú	22/10/1996	1215				
119	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/1997	1216				
120	1621070117	Lê Kim	Tuấn	18/07/1998	1217				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 111_4010501_1 Tổ thi: 005_111_4010501_1 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621070707	Nguyễn Hữu	Tuấn	01/07/1998	1218				
122	1421060293	Nguyễn Sỹ Minh	Tuấn	02/03/1996	1219				
123	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/03/1998	1220				
124	1621070221	Nguyễn Đức	Tùng	14/06/1998	1221				
125	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	1222				
126	1621010264	Trịnh Hữu	Tùng	09/08/1998	1223				
127	1421060636	Phạm Đức	Tuy	01/10/1996	1224				
128	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	1225				
129	1621060861	Nguyễn Anh	Văn	09/07/1998	1226				
130	1621070045	Đàm Hữu	Vạn	26/10/1998	1227				
131	1621070154	Đỗ Như	Việt	13/10/1998	1228				
132	1421020199	Trần Tuấn	Vũ	26/08/1996	1229				
133	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/1997	1230				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 111_4010504_1 Tổ thi: 001_111_4010504_1 Tên HP: Cơ học ứng dụng
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA203 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060266	Nguyễn Văn	Cường	16/12/1998	1231				
2	1621060344	Nguyễn Thành	Đại	31/10/1998	1232				
3	1621060402	Nguyễn Duy	Đạt	10/02/1998	1233				
4	1621060878	Mai Ngọc	Đông	17/05/1998	1234				
5	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	12/02/1996	1235				
6	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	1236				
7	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	1237				
8	1621060565	Phạm Văn	Huân	12/08/1998	1238				
9	1321060157	Nguyễn Thành	Khôi	31/08/1993	1239				
10	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/07/1996	1240				
11	1621060281	Lê Văn	Mậu	01/05/1998	1241				
12	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	1242				
13	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/1997	1243				
14	1621060002	Nguyễn Đức	Phương	26/10/1998	1244				
15	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	28/10/1998	1245				
16	1621060236	Nguyễn Văn	Thanh	31/07/1998	1246				
17	1621061056	Phan Văn	Thành	07/02/1998	1247				
18	1621060546	Hà Quang	Tiến	04/06/1998	1248				
19	1521060023	Hoàng Hữu	Tiến	24/03/1997	1249				
20	1621061087	Lê Văn	Tiến	14/04/1998	1250				
21	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	1251				
22	1621060057	Hoàng Văn	Trưởng	18/05/1996	1252				
23	1621060034	Hoàng Văn	Truyền	13/12/1998	1253				
24	1621060300	An Trung	Tuân	11/12/1998	1254				
25	1621060952	Lê Huy	Tùng	20/01/1998	1255				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010603 Nhóm: 111_4010603_1 Tổ thi: 001_111_4010603_1 Tên HP: Tiếng Anh 3
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050008	Nguyễn Việt	Anh	13/08/1995	1256				
2	1321050055	Nguyễn Tiến	Đạt	14/05/1995	1257				
3	1421050587	Trần Văn	Tâm	30/10/1994	1258				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 111_4020101_1 Tổ thi: 001_111_4020101_1 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1724010026	Kim Đình	Anh	12/11/1999	1259				
2	1724010048	Nguyễn Kiều	Anh	22/12/1999	1260				
3	1724010111	Thái Triệu	Anh	11/02/1999	1261				
4	1724010115	Đào Tiến	Đạt	22/02/1999	1262				
5	1724010066	Phạm Minh	Đức	29/06/1998	1263				
6	1724010145	Trần Thị	Dung	27/11/1999	1264				
7	1724010148	Lê Ngọc	Dũng	02/08/1999	1265				
8	1724010116	Trần Đức	Giang	08/09/1999	1266				
9	1724010036	Nguyễn Thị Thu	Hằng	29/05/1999	1267				
10	1724010119	Đậu Thị	Hiền	14/06/1999	1268				
11	1724010106	Đặng Việt	Hoàng	06/01/1999	1269				
12	1724010088	Lê Huy	Hoàng	15/02/1999	1270				
13	1724010049	Nguyễn Thị	Huệ	23/08/1999	1271				
14	1724010022	Nguyễn Diệu	Hương	03/09/1999	1272				
15	1724010006	Nguyễn Quang	Huy	16/05/1999	1273				
16	1724010019	Đặng Thu	Huyền	25/02/1999	1274				
17	1724010033	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	01/01/1999	1275				
18	1724010027	Phạm Thị Thu	Huyền	11/10/1999	1276				
19	1724010084	Nguyễn Ngọc	Lâm	05/05/1999	1277				
20	1724010082	Nguyễn Thị	Linh	20/12/1999	1278				
21	1724010099	Lê Bá Thành	Long	13/08/1999	1279				
22	1724010121	Lương Tuấn	Nam	09/11/1999	1280				
23	1724010031	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1999	1281				
24	1724010109	Nguyễn Phương	Ngân	28/12/1999	1282				
25	1724010143	Trịnh Linh	Nhi	08/08/1999	1283				
26	1724010089	Nguyễn Hoàng	Phúc	25/07/1999	1284				
27	1724010093	Ngô Thị Thanh	Phương	28/03/1999	1285				
28	1724010046	Hà Minh	Quang	21/08/1999	1286				
29	1724010103	Nguyễn Tuấn	Quang	12/12/1999	1287				
30	1724010018	Cao Mỹ	Quỳnh	07/06/1999	1288				
31	1724010123	Lê Thuý	Quỳnh	06/02/1999	1289				
32	1724010124	Nguyễn Văn	Sâm	22/01/1999	1290				
33	1724010023	Nguyễn Thị	Sim	11/09/1999	1291				
34	1724010077	Nguyễn Thị	Thảo	14/10/1999	1292				
35	1724010091	Nguyễn Ngọc	Thu	18/05/1999	1293				
36	1724010134	Nguyễn Minh	Thư	21/04/1999	1294				
37	1724010133	Nguyễn Thị	Thùy	31/05/1999	1295				
38	1724010136	Phạm Thị Hương	Trà	20/08/1999	1296				
39	1724010137	Đặng Thu	Trang	13/09/1999	1297				
40	1724010127	Lê Thị Thu	Trang	14/06/1999	1298				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 111_4020101_1 Tổ thi: 002_111_4020101_1 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1724010469	Cao Thị	An	13/01/1999	1299				
2	1724010371	Hà Tuấn	Anh	15/10/1999	1300				
3	1724010621	Hoàng Thị Vân	Anh	12/09/1999	1301				
4	1724010182	Nguyễn Thị Mai	Anh	08/04/1999	1302				
5	1724010295	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/07/1999	1303				
6	1724010472	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/06/1999	1304				
7	1724010414	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/09/1999	1305				
8	1724010457	Trần Thị Lan	Anh	08/10/1999	1306				
9	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	1307				
10	1724010372	Nguyễn Thị Thúy	Chiều	24/10/1999	1308				
11	1724010218	Nguyễn Văn	Chính	25/07/1999	1309				
12	1724010220	Nguyễn Tiến	Cường	19/05/1999	1310				
13	1724010490	Lê Đình	Điệp	01/03/1999	1311				
14	1724010191	Trịnh Thị	Đông	20/10/1999	1312				
15	1724010364	Nguyễn Thị Kim	Dung	06/11/1999	1313				
16	1724010202	Nguyễn Thị Phương	Dung	01/04/1999	1314				
17	1724010298	Phạm Thị	Dung	28/11/1999	1315				
18	1724010620	Trịnh Thùy	Dương	07/10/1999	1316				
19	1724010502	Nguyễn Thị	Gấm	31/05/1999	1317				
20	1724010249	Phạm Quỳnh	Giang	10/11/1999	1318				
21	1724010212	Nguyễn Thị	Hà	01/01/1999	1319				
22	1724010468	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/02/1999	1320				
23	1724010658	Trần Thu	Hà	10/08/1999	1321				
24	1724010242	Nguyễn Thị Minh	Hằng	03/10/1999	1322				
25	1724010429	Đinh Thị	Hạnh	05/05/1999	1323				
26	1724010860	Nguyễn Thúy	Hạnh	24/04/1999	1324				
27	1724010673	Nguyễn Thị	Hào	18/02/1999	1325				
28	1724010275	Tạ Thị	Hậu	07/09/1999	1326				
29	1724010901	Ngô Thu	Hiền	27/06/1999	1327				
30	1724010546	Trần Thu	Hiền	03/05/1999	1328				
31	1724010395	Nguyễn Văn	Hình	25/05/1999	1329				
32	1724010348	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/08/1999	1330				
33	1724010660	Nguyễn Thị Thu	Hoài	12/07/1999	1331				
34	1621050404	Lê Việt	Hoàng	27/12/1998	1332				
35	1724010172	Vũ Huy	Hoàng	12/11/1999	1333				
36	1724010423	Lương Thị Bích	Hồng	16/11/1999	1334				
37	1724010412	Lê Thị Minh	Huê	29/09/1999	1335				
38	1724010398	Đỗ Thị Kim	Huê	28/10/1999	1336				
39	1724010599	Nguyễn Thị	Huê	14/08/1999	1337				
40	1724010231	Trần Hoàng	Hung	29/10/1999	1338				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 111_4020101_1 Tổ thi: 002_111_4020101_1 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1724010473	Đinh Thị Lan	Hương	22/04/1999	1339				
42	1724010454	Nguyễn Thị Lan	Hương	15/01/1999	1340				
43	1724010203	Trần Thu	Hương	16/06/1999	1341				
44	1724010346	Bùi Thu	Huyền	25/06/1998	1342				
45	1724010385	Đinh Khánh	Huyền	03/05/1999	1343				
46	1724010222	Đinh Thị	Huyền	04/09/1999	1344				
47	1724010280	Hà Minh	Huyền	08/03/1999	1345				
48	1724010441	Hoàng Thị	Huyền	15/10/1999	1346				
49	1724010543	Nguyễn Thuý	Huyền	22/08/1999	1347				
50	1724010387	Trần Thu	Huyền	24/06/1999	1348				
51	1724010470	Mai Công	Khải	07/06/1998	1349				
52	1724010554	Trần Quang	Khải	09/04/1999	1350				
53	1724010538	Trần Thị Ánh	Kiều	14/07/1999	1351				
54	1724010300	Bùi Khánh	Linh	29/11/1999	1352				
55	1724010669	Đặng Diệu	Linh	20/11/1999	1353				
56	1724010162	Đỗ Thị Riệu	Linh	25/08/1999	1354				
57	1724010478	Nguyễn Khánh	Linh	12/03/1999	1355				
58	1724010306	Nguyễn Thị Khánh	Linh	26/03/1999	1356				
59	1724010507	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18/04/1999	1357				
60	1724010448	Nguyễn Thùy	Linh	21/03/1999	1358				
61	1724010836	Trịnh Kiều	Linh	23/07/1999	1359				
62	1724010321	Vũ Thị Khánh	Linh	13/11/1999	1360				
63	1724010221	Dương Thành	Lộc	17/01/1999	1361				
64	1724010178	Phạm Văn	Long	14/12/1999	1362				
65	1724010284	Đặng Thị Hương	Ly	06/07/1999	1363				
66	1724010511	Đỗ Phương	Ly	04/12/1999	1364				
67	1724010608	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	06/10/1999	1365				
68	1724010641	Nguyễn Mai Tuyết	Minh	28/12/1999	1366				
69	1724010400	Nguyễn Thị Tổ	Mỹ	29/04/1999	1367				
70	1724010625	Phí Công	Nam	12/07/1999	1368				
71	1724010262	Nguyễn Mai	Nga	11/07/1999	1369				
72	1724010530	Trịnh Trọng	Nghĩa	11/04/1999	1370				
73	1724010872	Hân Thị Bảo	Ngọc	22/10/1999	1371				
74	1724010282	Trần Thị Minh	Ngọc	07/07/1999	1372				
75	1724010342	Lại Thị Ánh	Nguyệt	08/07/1999	1373				
76	1724010316	Nguyễn Thanh	Nhân	24/01/1999	1374				
77	1724010560	Hoàng Thị Cẩm	Nhi	25/09/1999	1375				
78	1724010258	Phạm Thị	Nhung	13/08/1999	1376				
79	1724010287	Hồ Tú	Oanh	10/10/1999	1377				
80	1724010607	Nguyễn Thị	Oanh	13/09/1999	1378				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 111_4020101_1 Tổ thi: 002_111_4020101_1 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1724010899	Đỗ Thị	Phương	17/06/1999	1379				
82	1724010283	Dương Thu	Phương	11/04/1999	1380				
83	1724010259	Mai Thu	Phương	17/09/1999	1381				
84	1724010332	Nguyễn Thị Minh	Phương	05/05/1999	1382				
85	1724010155	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/07/1999	1383				
86	1724010526	Lê Thị Bích	Phượng	16/01/1999	1384				
87	1724010151	Phan Thị Minh	Phượng	07/11/1999	1385				
88	1724010425	Đinh Thị	Quỳnh	04/04/1999	1386				
89	1724010623	Nguyễn Thị	Sang	23/02/1999	1387				
90	1724010421	Phạm Thị	Thắm	19/10/1999	1388				
91	1724010422	Phạm Thị	Thắm	24/06/1999	1389				
92	1724010406	Vũ Thị	Thắm	29/03/1999	1390				
93	1724010438	Lê Đức	Thắng	02/02/1999	1391				
94	1724010299	Nguyễn Quyết	Thắng	11/12/1996	1392				
95	1724010659	Nguyễn Thị	Thanh	07/12/1999	1393				
96	1724010675	Phạm Thị	Thanh	18/04/1999	1394				
97	1724010216	Chu Thị	Thảo	09/02/1999	1395				
98	1724010288	Lê Thu	ThàO	13/03/1999	1396				
99	1724010402	Phạm Thị Bích	Thảo	24/01/1999	1397				
100	1724010939	Nguyễn Thị	The	12/09/1999	1398				
101	1724010488	Lê Văn	Thịnh	10/05/1998	1399				
102	1724010820	Bùi Thị	Thoa	13/06/1999	1400				
103	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	1401				
104	1724010226	Phạm Thị Thanh	Thơm	14/11/1999	1402				
105	1724010168	Đỗ Thị Huệ	Thu	20/08/1999	1403				
106	1724010377	Lương Thị	Thư	30/11/1999	1404				
107	1724010277	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	05/09/1998	1405				
108	1724010404	Phan Minh	Thúy	30/01/1999	1406				
109	1724010648	Lê Thị	Thùy	29/01/1999	1407				
110	1724010157	Ngô Thị	Tình	19/05/1999	1408				
111	1724010164	Đỗ Thị	Trang	17/09/1999	1409				
112	1724010610	Lê Thị Huyền	Trang	12/03/1999	1410				
113	1724010207	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/12/1999	1411				
114	1724010174	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/09/1999	1412				
115	1724010551	Hoàng Thị Diệu	Trình	26/08/1999	1413				
116	1724010351	Lê Hữu	Trung	20/02/1999	1414				
117	1724010514	Nguyễn Thành	Trung	12/08/1999	1415				
118	1724010435	Lê Anh	Tuấn	17/08/1999	1416				
119	1724010378	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/06/1999	1417				
120	1724010477	Phan Thị Thanh	Vân	06/12/1999	1418				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 111_4020101_1 Tổ thi: 002_111_4020101_1 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1724010271	Trần Thị Hồng	Vân	23/04/1999	1419				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 111_4020102_1 Tổ thi: 001_111_4020102_1 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060005	Lê Tuấn	Anh	06/10/1996	1420				
2	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/1996	1421				
3	1321070062	Nguyễn Mạnh	Hải	15/05/1995	1422				
4	1621010135	Đào Văn	Phúc	13/10/1998	1423				
5	1724010318	Lê Thị	Phượng	08/07/1999	1424				
6	1724010343	Đào Thị	Trình	14/08/1999	1425				
7	1621030214	Lê Ngọc	Tú	28/06/1998	1426				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4000001 Nhóm: 111_4000001_1 Tổ thi: 001_111_4000001_1 Tên HP: Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý l
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030003	Lã Đức	Anh	25/06/1995	1427				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 111_4000002_1 Tổ thi: 001_111_4000002_1 Tên HP: Tâm lý học đại cương
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010281	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	14/08/1997	1428				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4000004 Nhóm: 111_4000004_1 Tổ thi: 001_111_4000004_1 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121060030	Nguyễn Văn	Dương	26/08/1992	1429				
2	1321060286	Nguyễn Khắc Đại	Thắng	13/01/1995	1430				
3	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	1431				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4000005 Nhóm: 111_4000005_1 Tổ thi: 001_111_4000005_1 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030317	Bùi Anh	Đức	12/09/1995	1432				
2	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	1433				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 111_4020103_1 Tổ thi: 001_111_4020103_1 Tên HP: Pháp luật đại cương
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050458	Chu Thanh Tùng	Anh	31/03/1998	1434				
2	1621080730	Vũ Hoàng	Anh	22/06/1998	1435				
3	1621050714	Bùi Văn	Ánh	13/07/1998	1436				
4	1621050452	Trần Quốc	Bảo	02/03/1998	1437				
5	1621050525	Thiều Văn	Bình	18/01/1998	1438				
6	1611040008	Nguyễn Duy	Cung	22/02/1998	1439				
7	1621050853	Đình Văn	Đại	01/11/1994	1440				
8	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	1441				
9	1621050315	Đỗ Văn	Đông	07/08/1998	1442				
10	1621050252	Trương Thành	Đức	27/09/1998	1443				
11	1521050144	Từ Minh	Đức	04/02/1997	1444				
12	1621050443	Đình Văn	Dũng	19/05/1998	1445				
13	1524010230	Đỗ Việt	Dương	15/05/1997	1446				
14	1621010239	Nguyễn Văn	Dương	14/08/1998	1447				
15	1621050353	Lại Đức	Đường	10/01/1998	1448				
16	1621050433	Trần Đăng	Duy	18/03/1998	1449				
17	1621050533	Trần Hồng	Hạnh	15/08/1998	1450				
18	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/1997	1451				
19	1521090038	Nguyễn Doãn	Hiên	01//0/192/	1452				
20	1621050724	Lê Hồng	Hiệp	28/03/1998	1453				
21	1621080097	Phan Tuấn	Hiệp	24/12/1998	1454				
22	1621050875	Đình Văn	Hiếu	13/08/1998	1455				
23	1621040011	Phạm Thế	Hiếu	20/08/1998	1456				
24	1621080035	Phan Minh	Hiếu	01/07/1998	1457				
25	1621050634	Vũ Huy	Hiếu	01/07/1998	1458				
26	1621050080	LêBAT	Hoàn	01/06/1998	1459				
27	1424010643	Phạm Thị Phương	Hoàn	01/12/1996	1460				
28	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/1995	1461				
29	1621050593	Nguyễn Hải	Hoàng	14/12/1998	1462				
30	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	1463				
31	1621050028	Trần Văn	Học	21/11/1998	1464				
32	1621050564	Nguyễn Thị	Hồng	07/08/1998	1465				
33	1621050526	Phùng Văn	Huân	15/08/1998	1466				
34	1621050181	Lê Huy	Hùng	13/12/1997	1467				
35	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/1995	1468				
36	1621050804	Lê Quang	Huy	02/11/1998	1469				
37	1621050842	Lê Quang	Huy	29/01/1998	1470				
38	1621050248	Mai Quốc	Huy	12/10/1996	1471				
39	1621050777	Nguyễn Đắc	Huy	16/01/1998	1472				
40	1621050349	Trần Quốc	Huy	02/06/1998	1473				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 111_4020103_1 Tổ thi: 001_111_4020103_1 Tên HP: Pháp luật đại cương
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010002	Trần Thị	Huyền	01/06/1998	1474				
42	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	1475				
43	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	1476				
44	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	28/07/1998	1477				
45	1621050088	Nguyễn Văn	Lâm	18/04/1998	1478				
46	1621050094	Hồ Thị Bích	Lệ	18/06/1998	1479				
47	1621080130	Ngô Văn	Liêm	02/06/1998	1480				
48	1621080721	Nguyễn Thuỳ	Linh	19/03/1998	1481				
49	1621050335	Nguyễn Tất	Lọc	21/05/1998	1482				
50	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	1483				
51	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	1484				
52	1621050821	Phạm Văn	Long	31/10/1998	1485				
53	1621050200	Vũ Thành	Long	22/10/1998	1486				
54	1621080125	Vũ Văn	Lực	04/10/1998	1487				
55	1621080036	Đoàn Ngọc	Lương	18/09/1998	1488				
56	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/1996	1489				
57	1621080096	Dương Ngọc	Mạnh	18/10/1997	1490				
58	1621050741	Kiều Thê	Mạnh	29/01/1998	1491				
59	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	01/08/1998	1492				
60	1621050184	Nguyễn Công	Minh	17/04/1998	1493				
61	1621050313	Phạm Văn	Minh	03/05/1998	1494				
62	1621050442	Phan Quang	Minh	20/11/1998	1495				
63	1624010992	Lê Thị Trà	My	10/03/1998	1496				
64	1621050456	Nguyễn Thị	My	19/03/1998	1497				
65	1621050808	Bùi Hoàng	Nam	10/10/1998	1498				
66	1621050197	Nguyễn Trung	Nam	08/06/1998	1499				
67	1621050396	Nguyễn Văn	Nam	04/05/1998	1500				
68	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	1501				
69	1621050223	Hoàng Thanh	Nga	30/12/1998	1502				
70	1421060197	Bùi Hữu	Nguyên	19/01/1996	1503				
71	1321060207	Nguyễn Trọng	Nguyên	05/10/1994	1504				
72	1621010023	Phạm Thị Hồng	Nguyên	23/03/1998	1505				
73	1624010630	Lộ Thị	Nhân	06/08/1998	1506				
74	1521020267	Phạm Tấn	Phát	03/07/1996	1507				
75	1621080042	Nguyễn Hồng	Phong	29/06/1998	1508				
76	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	1509				
77	1621080045	Trần Ngọc Anh	Quân	02/01/1998	1510				
78	1621050288	Mai Cảnh	Quang	16/01/1998	1511				
79	1621010313	Vương Đình	Quang	14/09/1998	1512				
80	1621070015	Hoàng Văn	Quý	01/01/1998	1513				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 111_4020103_1 Tổ thi: 001_111_4020103_1 Tên HP: Pháp luật đại cương
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	1514				
82	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	1515				
83	1621050273	Trần Bá	Sơn	21/01/1998	1516				
84	1621050460	Hoàng Văn	Tá	06/03/1998	1517				
85	1621050838	Nguyễn Thành	Thái	21/10/1995	1518				
86	1621050598	Nguyễn Văn	Thái	24/05/1996	1519				
87	1621080116	Hoàng Thọ	Thắng	14/01/1998	1520				
88	1621050492	Phạm Khắc	Thắng	18/05/1998	1521				
89	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	1522				
90	1621050160	Đặng Văn	Thanh	14/03/1998	1523				
91	1621050235	Hoàng Trọng	Thanh	03/01/1998	1524				
92	1621050107	Đinh Ngọc	Thành	11/11/1998	1525				
93	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	1526				
94	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/1997	1527				
95	1621050866	Chu Minh Ngọc	Thi	21/12/1998	1528				
96	1624010151	Phạm Thị Hồng	Thom	16/01/1998	1529				
97	1614010013	Nguyễn Thị	Thư	28/07/1998	1530				
98	1621050587	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/11/1998	1531				
99	1621080062	Phí Thu	Thủy	10/07/1998	1532				
100	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	1533				
101	1521030149	Kiều Quốc	Toàn	23/11/1997	1534				
102	1621080106	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	03/01/1998	1535				
103	1621080122	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/12/1998	1536				
104	1621050557	Trần Thị Nhật	Trang	19/11/1998	1537				
105	1521030393	Nguyễn Văn	Trọng	30/09/1997	1538				
106	1621050490	Trần Văn	Trung	07/03/1998	1539				
107	1621050829	Chu Thanh	Tú	20/07/1998	1540				
108	1621011009	Mai Minh	Tú	29/12/1996	1541				
109	1621080128	Nguyễn Quang	Tú	07/11/1998	1542				
110	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	1543				
111	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	1544				
112	1621050571	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1998	1545				
113	1621050303	Nguyễn Văn	Tuấn	19/06/1998	1546				
114	1621010214	Phạm Kinh	Tuấn	25/05/1998	1547				
115	1621080065	Lê Ngọc	Tùng	07/06/1998	1548				
116	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	1549				
117	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/03/1998	1550				
118	1621050544	Trịnh Duy	Tùng	01/11/1998	1551				
119	1621050212	Phạm Mạnh	Tường	11/10/1998	1552				
120	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	1553				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 111_4020103_1 Tổ thi: 001_111_4020103_1 Tên HP: Pháp luật đại cương
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621050140	Lê Quốc	Việt	10/04/1998	1554				
122	1621050610	Trần Thị Lệ	Xuân	01/02/1998	1555				
123	1624010551	Vương Thị	Xuân	26/05/1998	1556				
124	1621080156	Mạc Thị Hải	Yến	02/02/1998	1557				
125	1624010430	Nguyễn Thị Bảo	Yến	04/02/1998	1558				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 001_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060849	Lê Trường	An	15/02/1998	1559				
2	1321030003	Lã Đức	Anh	25/06/1995	1560				
3	1621070077	Lê Văn Tiến	Anh	08/03/1997	1561				
4	1621070063	Lê Việt	Anh	03/02/1998	1562				
5	1621010375	Lê Xuân	Anh	19/11/1998	1563				
6	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	1564				
7	1621030037	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/10/1997	1565				
8	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	1566				
9	1621060078	Phan Hùng	Anh	05/05/1998	1567				
10	1621070702	Trịnh Đức	Anh	13/03/1998	1568				
11	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	1569				
12	1621050452	Trần Quốc	Bảo	02/03/1998	1570				
13	1621070168	Trần Ngọc	Bích	09/12/1998	1571				
14	1621050083	Trịnh Như	Bình	06/04/1998	1572				
15	1621050628	Nguyễn Văn	Cao	16/01/1998	1573				
16	1624010687	Nguyễn Linh	Chi	30/08/1998	1574				
17	1621070160	Dương Khắc Minh	Chiến	25/10/1998	1575				
18	1621070105	Lưu Ngọc	Chiến	12/06/1998	1576				
19	1621060105	Văn Đức	Chiến	03/03/1998	1577				
20	1621030235	Nguyễn Danh	Chiêu	29/04/1998	1578				
21	1621050188	Nguyễn Văn	Chuân	28/04/1998	1579				
22	1321010042	Nguyễn Thành	Chung	27/09/1995	1580				
23	1521030180	Phạm Văn	Công	02/11/1997	1581				
24	1321070026	Nguyễn Văn	Cương	19/09/1995	1582				
25	1621010354	Nguyễn Văn	Cường	09/06/1998	1583				
26	1621070153	Phạm Hùng	Cường	26/04/1998	1584				
27	1621050180	Bùi Đình	Đa	03/04/1998	1585				
28	1621010066	Bùi Đăng	Đại	19/06/1998	1586				
29	1621050463	Đặng Văn	Đại	29/04/1998	1587				
30	1521030121	Phạm Văn	Đại	29/06/1997	1588				
31	1621060409	Nguyễn Tiến	Đạt	06/05/1998	1589				
32	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	1590				
33	1621050004	Nguyễn Duy	Điệp	08/04/1998	1591				
34	1621050443	Đình Văn	Dũng	19/05/1998	1592				
35	1621060097	Nguyễn Tiến	Dũng	14/07/1998	1593				
36	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	1594				
37	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	1595				
38	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/1996	1596				
39	1621060394	Nguyễn Tùng	Dương	25/07/1998	1597				
40	1624010367	Phạm Thị	Duyên	01/01/1998	1598				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 002_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	13/01/1998	1599				
2	1621060422	Vũ Đình	Độ	20/10/1998	1600				
3	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	1601				
4	1621070074	Mai Hữu	Đông	01/01/1998	1602				
5	1621050411	Bùi Trung	Đức	21/04/1998	1603				
6	1621050304	Đoàn Trung	Đức	14/03/1998	1604				
7	1621070019	Đoàn Việt	Đức	16/08/1998	1605				
8	1621010161	Nguyễn Minh	Đức	06/08/1998	1606				
9	1621050485	Nguyễn Viết	Đức	09/12/1998	1607				
10	1621070114	Trần Văn	Đức	16/09/1998	1608				
11	1621060475	Trịnh Minh	Đức	14/04/1998	1609				
12	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	12/02/1996	1610				
13	1621010162	Hà Kim	Giang	03/01/1997	1611				
14	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	1612				
15	1321060100	Nguyễn Thanh	Hải	17/10/1995	1613				
16	1621060072	Nguyễn Văn	Hải	28/04/1998	1614				
17	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	1615				
18	1621070146	Phạm Bắc	Hải	20/09/1998	1616				
19	1621010743	Phạm Văn	Hải	27/04/1998	1617				
20	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/1995	1618				
21	1621050549	Nguyễn Thị	Hằng	27/10/1998	1619				
22	1621061036	Nguyễn Ngọc	Hiền	23/06/1998	1620				
23	1621030014	Hoàng Minh	Hiệp	27/06/1998	1621				
24	1621010156	Lê Hoàng	Hiệp	28/07/1998	1622				
25	1621050864	Trần Văn	Hiệp	15/06/1998	1623				
26	1621050875	Đình Văn	Hiếu	13/08/1998	1624				
27	1621040030	Đỗ Trung	Hiếu	19/08/1998	1625				
28	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	1626				
29	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	1627				
30	1621060015	Nguyễn Khắc	Hiếu	27/09/1998	1628				
31	1621060789	Nguyễn Khắc	Hiếu	27/06/1998	1629				
32	1621060742	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	1630				
33	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/06/1998	1631				
34	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	1632				
35	1621060580	Vũ Minh	Hiếu	05/02/1998	1633				
36	1621010265	Nguyễn Doãn	Hòa	23/05/1998	1634				
37	1521060320	Nguyễn Thanh	Hòa	27/11/1997	1635				
38	1621050574	Nguyễn Thị	Hòa	28/01/1998	1636				
39	1621050080	LêBAT	Hoàn	01/06/1998	1637				
40	1621050593	Nguyễn Hải	Hoàng	14/12/1998	1638				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 003_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050449	Phạm Minh	Hoàng	30/11/1998	1639				
2	1621050523	Vũ Ngọc Chí	Hoàng	19/09/1998	1640				
3	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	1641				
4	1321060129	Nguyễn Đức	Hoạt	26/12/1995	1642				
5	1621050564	Nguyễn Thị	Hồng	07/08/1998	1643				
6	1621060443	Hoàng Văn	Hợp	14/12/1997	1644				
7	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	1645				
8	1621061020	Vũ Công	Huân	18/08/1998	1646				
9	1621060030	Nguyễn Thị	Huế	06/05/1998	1647				
10	1621060567	Đỗ Xuân	Hùng	20/04/1998	1648				
11	1621050181	Lê Huy	Hùng	13/12/1997	1649				
12	1621010256	Lê Việt	Hùng	28/11/1998	1650				
13	1621010357	Nguyễn Mạnh	Hùng	19/12/1997	1651				
14	1621060735	Đặng Quốc	Hung	14/09/1998	1652				
15	1621050475	Nguyễn Công	Hung	20/05/1997	1653				
16	1621060310	Vũ Hữu	Hung	28/05/1998	1654				
17	1621060128	Lưu Thị	Hương	20/04/1998	1655				
18	1624010641	Trịnh Thị Mai	Hương	13/03/1998	1656				
19	1621060831	Nguyễn Văn	Hướng	18/10/1998	1657				
20	1621050630	Nguyễn Thị	Hường	13/12/1998	1658				
21	1621030148	Bùi Quang	Huy	24/01/1998	1659				
22	1521020062	Cần Đức	Huy	18/07/1997	1660				
23	1621060513	Vũ Quang	Huy	27/12/1998	1661				
24	1621010297	Nguyễn Văn	Huyền	24/01/1998	1662				
25	1624010691	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	10/07/1998	1663				
26	1621061010	Đào Văn	Khả	29/08/1998	1664				
27	1621070115	Hoàng Đình	Khải	04/10/1998	1665				
28	1521050040	Đặng Văn	Khánh	20/12/1991	1666				
29	1621061018	Đỗ Ngọc	Khánh	29/10/1998	1667				
30	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	1668				
31	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	1669				
32	1621070176	Nguyễn Kim	Khánh	30/11/1998	1670				
33	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	28/07/1998	1671				
34	1621050131	Đỗ Sơn	Khoa	13/11/1998	1672				
35	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	07/06/1998	1673				
36	1621070067	Nguyễn Xuân	Khoài	07/02/1998	1674				
37	1621070098	Nguyễn Văn	Khôe	23/09/1998	1675				
38	1621050407	Nguyễn Trọng	Khuê	01/08/1998	1676				
39	1621060334	Nguyễn Duy	Khương	22/01/1998	1677				
40	1621060668	Đỗ Trung	Kiên	31/07/1998	1678				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 004_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060381	Nguyễn Trần	Kiên	18/01/1998	1679				
2	1621040099	Nguyễn Hoa	Kỳ	23/12/1998	1680				
3	1521030249	Lý Văn	Lâm	08/03/1997	1681				
4	1621060432	Nguyễn Tùng	Lâm	22/08/1998	1682				
5	1621060411	Vũ Đình	Lâm	17/09/1998	1683				
6	1321070562	Vũ Thanh	Lâm	28/03/1995	1684				
7	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	1685				
8	1621060702	Nguyễn Văn	Lăng	11/01/1998	1686				
9	1621070132	Nguyễn Thanh	Lịch	05/01/1998	1687				
10	1621040801	Somsak	LIDTHIDEI	26/01/1996	1688				
11	1621060801	Mai Chí	Linh	22/08/1998	1689				
12	1621070037	Trần Hữu	Linh	23/10/1998	1690				
13	1621030164	Vũ Mỹ	Linh	20/06/1998	1691				
14	1321050120	Vũ Thùy	Linh	01/11/1995	1692				
15	1621050334	Lê	Lộc	25/08/1998	1693				
16	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	1694				
17	1624010466	Phạm Đình	Lộc	22/05/1998	1695				
18	1621060459	Hoàng Văn	Lợi	08/01/1998	1696				
19	1621060363	Lương Viết	Lợi	26/11/1998	1697				
20	1621040055	Chu Thành	Long	01/07/1998	1698				
21	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	1699				
22	1621060499	Nguyễn Thành	Luân	27/02/1998	1700				
23	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/09/1994	1701				
24	1621070109	Nguyễn Văn	Lượng	22/08/1998	1702				
25	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	1703				
26	1621050741	Kiều Thế	Mạnh	29/01/1998	1704				
27	1521050149	Nguyễn Đức	Mạnh	04/09/1997	1705				
28	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	1706				
29	1621050236	Nguyễn ánh Công	Minh	18/09/1998	1707				
30	1621050632	Nguyễn Công	Minh	14/04/1997	1708				
31	1621060373	Nguyễn Công	Minh	01/03/1998	1709				
32	1621050184	Nguyễn Công	Minh	17/04/1998	1710				
33	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	1711				
34	1621030233	Nguyễn Nhật	Minh	18/12/1998	1712				
35	1621060280	Nguyễn Văn	Minh	20/08/1998	1713				
36	1621050551	Trần Công	Minh	01/11/1997	1714				
37	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	1715				
38	1621050215	Bùi Diễm	My	25/04/1998	1716				
39	1621050532	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1998	1717				
40	1611050700	Phạm Đức	Nam	09/09/1998	1718				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 005_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	1719				
2	1621050026	Lê Thị	Ngân	08/10/1998	1720				
3	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	1721				
4	1621060139	Vũ Trọng	Nguyên	10/03/1997	1722				
5	1521060155	Bùi Đức	Nguyên	06/08/1997	1723				
6	1621050556	Tạ Thị ánh	Nguyệt	05/04/1998	1724				
7	1621060957	Phạm Trọng	Nhất	26/08/1998	1725				
8	1621010360	Từ Thị Hồng	Nhung	18/07/1998	1726				
9	1621030142	Nguyễn Hoài	Ninh	27/10/1998	1727				
10	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	1728				
11	1621050153	Đặng Duy	Phong	24/10/1998	1729				
12	1621050408	Đỗ Xuân	Phong	21/05/1998	1730				
13	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	1731				
14	1621010135	Đào Văn	Phúc	13/10/1998	1732				
15	1621010109	Đoàn Ngọc	Phúc	20/03/1998	1733				
16	1621010324	Phạm Xuân	Phúc	05/07/1998	1734				
17	1621050178	Nguyễn Bá Lưu	Phước	05/10/1998	1735				
18	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	1736				
19	1321030786	Phạm Thị Thu	Phương	05/01/1995	1737				
20	1621030172	Nguyễn Thị	Phượng	08/12/1998	1738				
21	1621050127	Khuất Văn	Quân	19/07/1998	1739				
22	1621010323	Lê Trọng	Quân	11/06/1998	1740				
23	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	1741				
24	1621060338	Vũ Hồng	Quân	01/04/1998	1742				
25	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	1743				
26	1621060464	Nguyễn Bá	Quyền	12/10/1998	1744				
27	1621040134	Trần Xuân	Sang	14/08/1998	1745				
28	1621010251	Lê Cao	Sơn	05/12/1998	1746				
29	1621040032	Nguyễn Chung	Sơn	26/06/1998	1747				
30	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	1748				
31	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	1749				
32	1321030824	Nguyễn Đức	Tâm	29/05/1995	1750				
33	1621050824	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/08/1998	1751				
34	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	1752				
35	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	1753				
36	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	28/10/1998	1754				
37	1621061025	Nguyễn Văn	Thâm	27/09/1998	1755				
38	1321060280	Dương Thế	Thắng	09/05/1995	1756				
39	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	1757				
40	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	29/01/1998	1758				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 005_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050601	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1998	1759				
42	1621050479	Nguyễn Văn	Thắng	11/12/1998	1760				
43	1621050492	Phạm Khắc	Thắng	18/05/1998	1761				
44	1621050057	Phạm Văn	Thắng	12/11/1998	1762				
45	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	1763				
46	1621030266	Trần Quang	Thắng	23/04/1998	1764				
47	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	1765				
48	1621060989	Nguyễn Văn	Thanh	10/12/1998	1766				
49	1621030212	Phạm Thị Thanh	Thanh	20/06/1998	1767				
50	1621050107	Đinh Ngọc	Thành	11/11/1998	1768				
51	1611050016	Dương Đức	Thành	29/12/1998	1769				
52	1621010080	Nguyễn Công	Thành	10/01/1998	1770				
53	1621010181	Nguyễn Tuấn	Thành	22/01/1998	1771				
54	1621060516	Nguyễn Xuân	Thành	30/08/1998	1772				
55	1621060226	Phạm Ngọc	Thành	23/01/1998	1773				
56	1621030093	Cần Thị Phương	Thảo	27/07/1998	1774				
57	1621061017	Trần Văn	Thảo	31/10/1998	1775				
58	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	1776				
59	1621050866	Chu Minh Ngọc	Thị	21/12/1998	1777				
60	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	18/01/1998	1778				
61	1621050478	Nguyễn Tiến	Thịnh	21/07/1998	1779				
62	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	1780				
63	1621040130	Vũ Văn	Thịnh	22/08/1998	1781				
64	1621010049	Nguyễn Thị	Thu	02/09/1996	1782				
65	1621050453	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/11/1998	1783				
66	1621050052	Hà Văn	Thuận	23/02/1998	1784				
67	1621050450	Nguyễn Phú	Thuận	06/11/1998	1785				
68	1621010029	Nguyễn Trung	Thuận	20/10/1998	1786				
69	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	1787				
70	1621070038	Nguyễn Đức	Thủy	09/10/1998	1788				
71	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	1789				
72	1621070044	Nguyễn Văn	Tiến	30/05/1998	1790				
73	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	1791				
74	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	1792				
75	1621010158	Vũ Thế	Tình	23/01/1997	1793				
76	1621061012	Ngô Xuân	Tịnh	06/09/1997	1794				
77	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	1795				
78	1621070194	Nguyễn Ngọc	Toàn	30/11/1998	1796				
79	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	1797				
80	1621060176	Trương Quốc	Toàn	24/08/1998	1798				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 111_4020201_1 Tổ thi: 005_111_4020201_1 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	1799				
82	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	1800				
83	1521050138	Nguyễn Hữu	Trang	04/10/1997	1801				
84	1621040012	Bùi Hữu	Trung	17/08/1998	1802				
85	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	1803				
86	1621040086	Lê Bá Quốc	Trung	05/08/1998	1804				
87	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	25/10/1998	1805				
88	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/1997	1806				
89	1621060545	Nguyễn Thế	Trung	05/09/1998	1807				
90	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/1997	1808				
91	1621010266	Trần Quang	Trung	13/03/1998	1809				
92	1621050490	Trần Văn	Trung	07/03/1998	1810				
93	1521060315	Bùi Doãn	Trường	03/12/1997	1811				
94	1621070179	Cao Xuân	Trường	25/06/1998	1812				
95	1621050412	Nguyễn Ngọc	Trường	10/07/1998	1813				
96	1621060048	Nguyễn Văn	Trường	05/10/1998	1814				
97	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	1815				
98	1621070028	Trần Xuân	Trường	19/02/1998	1816				
99	1621070121	Nguyễn Văn	Trường	13/11/1998	1817				
100	1621070706	Bùi Minh	Tuấn	20/08/1998	1818				
101	1621060053	Lê Quang	Tuấn	09/05/1998	1819				
102	1521060440	Nguyễn Anh	Tuấn	24/09/1996	1820				
103	1321060333	Nguyễn Minh	Tuấn	09/11/1995	1821				
104	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	1822				
105	1621010214	Phạm Kinh	Tuấn	25/05/1998	1823				
106	1621010199	Đông Mạnh	Tùng	20/10/1998	1824				
107	1621070149	Ngô Xuân	Tùng	23/10/1998	1825				
108	1621010213	Nguyễn Lâm	Tùng	27/08/1998	1826				
109	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/03/1998	1827				
110	1621010264	Trịnh Hữu	Tùng	09/08/1998	1828				
111	1621060194	Vũ Nguyên	Tùng	23/05/1998	1829				
112	1621061050	Bùi Đăng	Tuyên	16/05/1998	1830				
113	1521080286	Vũ Hồng	Vân	30/01/1997	1831				
114	1621050225	Nguyễn Quang	Việt	23/10/1998	1832				
115	1621060378	Bùi Hữu	Vinh	08/03/1998	1833				
116	1621060928	Bùi Quang	Vũ	20/08/1997	1834				
117	1521030109	Lê Quang	Vũ	01/02/1996	1835				
118	1621040088	Lê Ngọc	Vượng	30/03/1998	1836				
119	1521030021	Nguyễn Quốc	Vượng	09/11/1997	1837				
120	1621010120	Phạm Thị Thanh	Xuân	02/01/1998	1838				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 001_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050128	Cao Thế	Anh	23/02/1997	1839				
2	1421040003	Đình Nhật	Anh	17/02/1996	1840				
3	1621030225	Đỗ Việt	Anh	10/05/1998	1841				
4	1624011040	Đoàn Phương	Anh	08/09/1998	1842				
5	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	1843				
6	1621050278	Hoàng Thế	Anh	12/12/1998	1844				
7	1521050061	Kiều Việt	Anh	08/05/1997	1845				
8	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	1846				
9	1521050228	Ngô Ngọc	Anh	08/06/1997	1847				
10	1521050021	Nguyễn Đức	Anh	09/04/1997	1848				
11	1521050017	Nguyễn Duy	Anh	13/12/1997	1849				
12	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	1850				
13	1624010670	Nguyễn Thị Mai	Anh	19/01/1998	1851				
14	1621030037	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/10/1997	1852				
15	1621030018	Phạm Thị Vân	Anh	05/05/1998	1853				
16	1621060068	Vi Tuấn	Anh	03/08/1998	1854				
17	1521050280	Vũ Lê Ngọc	Anh	26/02/1997	1855				
18	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	04/10/1995	1856				
19	1621050351	Nguyễn Văn	Bắc	04/02/1998	1857				
20	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/1997	1858				
21	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	1859				
22	1221010028	Lê Tuấn	Bằng	10/08/1994	1860				
23	1611030007	Nguyễn Văn	Bảo	10/12/1997	1861				
24	1621050822	Trần Văn	Biên	10/01/1998	1862				
25	1521050173	Hoàng Trọng	Bình	12/02/1997	1863				
26	1321020025	Hà Thiện	Căn	26/05/1995	1864				
27	1521070183	Nguyễn Văn	Cánh	08/11/1997	1865				
28	1621020800	Aekaxay	CHALERN	28/08/1993	1866				
29	1621060227	Nguyễn Minh	Chiến	06/06/1998	1867				
30	1621060105	Văn Đức	Chiến	03/03/1998	1868				
31	1624010522	Nguyễn Thị	Chinh	03/05/1998	1869				
32	1421080156	Bùi Đức	Chính	31/10/1996	1870				
33	1321020030	Trần Văn	Chương	18/11/1995	1871				
34	1421070189	Nguyễn Hữu	Công	14/11/1996	1872				
35	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	1873				
36	1521010141	Nguyễn Thế	Công	06/10/1996	1874				
37	1321020445	Đỗ Mạnh	Cường	01/05/1995	1875				
38	1421070191	Đỗ Mạnh	Cường	01/01/1996	1876				
39	1521050154	Đỗ Tất	Cường	01/04/1997	1877				
40	1621050301	Dương Văn	Cường	03/01/1998	1878				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 002_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010148	Đỗ Văn	Cường	17/10/1997	1879				
2	1621060013	Lê Mạnh	Cường	13/12/1998	1880				
3	1521050070	Lù Mạnh	Cường	17/08/1996	1881				
4	1321020037	Nguyễn Văn	Cường	20/04/1995	1882				
5	1624010034	Nguyễn Văn	Cường	04/11/1998	1883				
6	1621050297	Trần Đình	Cường	25/01/1998	1884				
7	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/1996	1885				
8	1521030121	Phạm Văn	Đại	29/06/1997	1886				
9	1521050343	Vũ Xuân	Đại	20/07/1997	1887				
10	1521050086	Bùi Hồng	Đăng	11/12/1997	1888				
11	1621060698	Nguyễn Hải	Đăng	23/03/1998	1889				
12	1511050009	Nguyễn Văn	Đăng	19/09/1997	1890				
13	1624010921	Vũ Thị	Đào	19/09/1998	1891				
14	1321020477	Kiều Ngọc	Đạt	01/11/1994	1892				
15	1521050058	Ngô Văn	Đạt	16/07/1997	1893				
16	1621060771	Phạm Văn	Đạt	09/01/1998	1894				
17	1521010155	Phí Quốc	Đạt	14/01/1997	1895				
18	1621060591	Trần Mạnh	Đạt	30/10/1998	1896				
19	1621060851	Đỗ Văn	Dinh	13/05/1998	1897				
20	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	1898				
21	1321020069	Ngô Hải	Đoàn	12/10/1995	1899				
22	1621060609	Vũ Đức	Đoàn	11/05/1998	1900				
23	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	1901				
24	1621030285	Phạm Văn	Đồng	21/03/1998	1902				
25	1321020073	Nguyễn Văn	Đồng	20/02/1995	1903				
26	1511040011	Ninh Quang	Dự	15/10/1997	1904				
27	1421070244	Đoàn Quang	Đức	05/11/1996	1905				
28	1421070248	Lê Trung	Đức	05/07/1995	1906				
29	1421020042	Nguyễn Anh	Đức	08/12/1996	1907				
30	1421070249	Nguyễn Anh	Đức	10/08/1996	1908				
31	1621060223	Trần Minh	Đức	06/10/1998	1909				
32	1321030524	Trần Nhật	Đức	24/11/1995	1910				
33	1621060960	Trần Văn	Đức	05/04/1998	1911				
34	1621060854	Đình Văn	Dũng	12/03/1998	1912				
35	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/1997	1913				
36	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	1914				
37	1624010128	Vũ Nguyễn	Dũng	23/11/1998	1915				
38	1321010091	Phạm Minh	Dương	27/10/1995	1916				
39	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	1917				
40	1621010270	Ngô Thị	Duyên	23/11/1998	1918				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 003_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070254	Trịnh Quang	Đức	28/10/1996	1919				
2	1621050353	Lại Đức	Đường	10/01/1998	1920				
3	1621060840	Bá Trường	Giang	11/12/1998	1921				
4	1421020045	Lê Hữu	Giang	29/07/1996	1922				
5	1624010688	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/1998	1923				
6	1621050758	Ngô Văn	Hải	22/05/1998	1924				
7	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	1925				
8	1621060244	Nguyễn Văn	Hải	10/10/1998	1926				
9	1421020055	Trần Đức	Hải	10/08/1996	1927				
10	1624010862	Nguyễn Thu	Hằng	29/03/1998	1928				
11	1624010344	Hạ Thị Hồng	Hạnh	03/03/1998	1929				
12	1624010510	Nguyễn Thị	Hạnh	20/06/1998	1930				
13	1624010445	Phạm Thị	Hạnh	04/11/1998	1931				
14	1624010162	Bá Thị Thanh	Hào	28/06/1998	1932				
15	1621060675	Trương Việt	Hào	30/10/1998	1933				
16	1421080033	Cao Thị	Hậu	16/10/1996	1934				
17	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/1996	1935				
18	1621060125	Trần Đức	Hậu	29/07/1998	1936				
19	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/1997	1937				
20	1624010572	Bùi Thị Thu	Hiền	14/12/1998	1938				
21	1624010655	Hoàng Thị	Hiền	17/09/1998	1939				
22	1624010719	Nguyễn Thị	Hiền	07/08/1998	1940				
23	1421010110	Nguyễn Quang	Hiền	06/10/1996	1941				
24	1621060241	Đỗ Vũ	Hiệp	28/01/1998	1942				
25	1521010006	Lê Hữu	Hiệp	11/09/1997	1943				
26	1621060122	Nguyễn Công	Hiệp	17/12/1998	1944				
27	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/1995	1945				
28	1624010666	Lâm Dương Minh	Hiếu	07/10/1998	1946				
29	1421020353	Mai Đình	Hiếu	05/01/1996	1947				
30	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/04/1998	1948				
31	1521010025	Nguyễn Viết	Hiếu	09/09/1997	1949				
32	1321010156	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	14/08/1995	1950				
33	1624010917	Trần Thị	Hoa	01/12/1998	1951				
34	1521049001	Nguyễn Văn	Hòa	29/03/1996	1952				
35	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	1953				
36	1521050071	Nghiêm Ngọc	Hoài	10/11/1997	1954				
37	1521050112	Nguyễn Doãn	Hoan	20/01/1997	1955				
38	1321020106	Đình Ngọc	Hoàn	13/10/1995	1956				
39	1521050098	Nguyễn Trần Đan	Hoàn	21/12/1997	1957				
40	1521010180	Phạm Nguyễn Văn	Hoàn	07/12/1997	1958				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 004_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA303 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070050	Đinh Văn	Hoàng	08/01/1996	1959				
2	1624010624	Nguyễn Ngọc	Hoàng	05/10/1998	1960				
3	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	1961				
4	1621060804	Phạm Minh	Hoàng	01/12/1998	1962				
5	1421020371	Trần Đình	Hoàng	20/04/1996	1963				
6	1621060610	Vũ Văn	Hoàng	27/01/1998	1964				
7	1421020376	Trịnh Đình	Học	23/08/1996	1965				
8	1321020551	Nguyễn Viết	Hội	06/04/1995	1966				
9	1411030032	Bùi Quang	Hợp	25/10/1995	1967				
10	1624010425	Mai Thị	Huế	10/05/1998	1968				
11	1421030083	Lê Hữu	Huệ	13/09/1996	1969				
12	1321020114	Bùi Ngọc	Hùng	19/07/1995	1970				
13	1621060421	Cao Thiên	Hùng	20/02/1998	1971				
14	1621060567	Đỗ Xuân	Hùng	20/04/1998	1972				
15	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	10/06/1997	1973				
16	1421020383	Nguyễn Kim	Hùng	09/01/1996	1974				
17	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	1975				
18	1621010364	Nguyễn Quốc	Hùng	10/12/1997	1976				
19	1421070313	Trương Phi	Hùng	24/11/1994	1977				
20	1521070268	Vũ Đình	Hùng	26/11/1997	1978				
21	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/1996	1979				
22	1421020401	Chu Tuấn	Hưng	20/04/1996	1980				
23	1621060114	Đậu Quốc	Hưng	18/09/1998	1981				
24	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/1997	1982				
25	1521010372	Nguyễn Vũ	Hưng	23/02/1997	1983				
26	1621061022	Phạm Mai	Hưng	17/02/1998	1984				
27	1421020405	Phạm Việt	Hưng	17/06/1996	1985				
28	1321020579	Vũ Văn	Hưng	18/03/1995	1986				
29	1621080141	Phan Lan	Hương	16/02/1998	1987				
30	1621060809	Chu Quang	Huy	27/08/1998	1988				
31	1621060311	Hoàng Tiến	Huy	09/12/1998	1989				
32	1521010034	Lê Quang	Huy	11/10/1997	1990				
33	1621061094	Nguyễn Hoàng	Huy	17/05/1998	1991				
34	1321010177	Nguyễn Quang	Huy	07/08/1995	1992				
35	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/1997	1993				
36	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/09/1998	1994				
37	1624010931	Nguyễn Thị	Huyền	21/09/1998	1995				
38	1624010654	Trịnh Thị Khánh	Huyền	07/01/1998	1996				
39	1621040802	Kingkeo	KEOSOUV	09/08/1993	1997				
40	1321050588	Lê Khả	Khang	16/06/1995	1998				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 005_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/1995	1999				
2	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	2000				
3	1521020097	Lê Gia	Khánh	13/08/1997	2001				
4	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/1996	2002				
5	1521050094	Nguyễn Trung	Kiên	27/11/1997	2003				
6	1521020082	Nguyễn Vũ	Kiên	05/03/1996	2004				
7	1421020423	Đặng Xuân	Kỳ	02/04/1996	2005				
8	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	2006				
9	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	05/11/1998	2007				
10	1521050229	Phạm Quý	Lâm	18/11/1997	2008				
11	1321020601	Trần Khánh	Lâm	05/05/1995	2009				
12	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	2010				
13	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	2011				
14	1621060658	Kiều Quang	Linh	20/05/1998	2012				
15	1624010941	Ngô Thị Khánh	Linh	02/09/1998	2013				
16	1411040037	Nguyễn Ngọc	Linh	15/06/1996	2014				
17	1621050399	Nguyễn Thị Hoài	Linh	26/10/1998	2015				
18	1624010310	Nguyễn Thuý	Linh	01/07/1998	2016				
19	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	2017				
20	1624010388	Phạm Thị	Linh	28/07/1998	2018				
21	1624010100	Trần Thúy	Linh	06/12/1998	2019				
22	1421010182	Trương Xuân	Linh	15/03/1996	2020				
23	1621060973	Nguyễn Trọng	Linh	21/11/1998	2021				
24	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	2022				
25	1624010553	Bùi Đình	Long	24/01/1998	2023				
26	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	2024				
27	1321030130	Nguyễn Việt	Long	17/11/1994	2025				
28	1621060091	Phạm Gia	Long	20/10/1998	2026				
29	1421070377	Dương Đức	Lượng	05/12/1996	2027				
30	1421020099	Đặng Thị Thúy	Mai	30/11/1996	2028				
31	1624010678	Nguyễn Thị	Mai	08/10/1998	2029				
32	1621060788	Đặng Văn	Mạnh	10/02/1998	2030				
33	1521050149	Nguyễn Đức	Mạnh	04/09/1997	2031				
34	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/1996	2032				
35	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/1997	2033				
36	1624010493	Phạm Văn	Mạnh	01/12/1997	2034				
37	1421020106	Vũ Đức	Mạnh	05/02/1996	2035				
38	1421030457	Đới Công	Minh	10/08/1996	2036				
39	1521020068	Hà Trung	Minh	06/07/1997	2037				
40	1521010019	Ngô Thành	Nam	27/10/1997	2038				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 005_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621020703	Nguyễn Ngọc	Nam	25/10/1998	2039				
42	1621060084	Vũ Thái	Nam	09/06/1998	2040				
43	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	2041				
44	1624010369	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	19/07/1998	2042				
45	1621050121	Trần Thị	Nga	23/08/1998	2043				
46	1624010541	Bùi Thị	Ngân	01/12/1998	2044				
47	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	2045				
48	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	2046				
49	1621010084	Nguyễn Hữu	Nghĩa	28/09/1998	2047				
50	1521050095	Đỗ Thị	Ngọc	25/08/1996	2048				
51	1521090055	Nguyễn Bá	Ngọc	24/02/1997	2049				
52	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	03/04/1998	2050				
53	1621050861	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/09/1998	2051				
54	1624010169	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	10/05/1998	2052				
55	1624010269	Phạm Thị	Nhung	20/10/1998	2053				
56	1521050104	Phạm Thế	Phan	15/10/1996	2054				
57	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	2055				
58	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	2056				
59	1624010422	Đặng Lan	Phương	02/10/1998	2057				
60	1521010443	Trương Hoàng	Phương	12/12/1997	2058				
61	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/1997	2059				
62	1421070427	Đỗ Trọng	Quân	29/10/1996	2060				
63	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	2061				
64	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/1997	2062				
65	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	2063				
66	1621060208	Nguyễn Ngọc	Quảng	24/09/1997	2064				
67	1621060129	Hoàng Văn	Quyết	16/04/1998	2065				
68	1621060905	Ngô Minh	Quyết	14/07/1998	2066				
69	1621050803	Phạm Thị Hương	Quỳnh	11/11/1998	2067				
70	1621050274	Phạm Tài	Sang	04/05/1997	2068				
71	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	2069				
72	1621060215	Lê Hồng	Sơn	26/08/1997	2070				
73	1621060080	Nguyễn Hồng	Sơn	13/08/1998	2071				
74	1521050010	Quách Ngọc	Sơn	28/08/1997	2072				
75	1421020548	Trần Thanh	Sơn	17/10/1996	2073				
76	1621060178	Trịnh Hữu	Sơn	18/02/1998	2074				
77	1621010039	Nguyễn Minh	Tâm	04/05/1998	2075				
78	1514010001	Trương Thị	Tâm	23/09/1997	2076				
79	1521080238	Nguyễn Mạnh	Tân	17/07/1997	2077				
80	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/08/1997	2078				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 005_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421070468	Lê Hữu	Thắng	09/08/1995	2079				
82	1521050025	Văn Tiến	Thắng	05/12/1997	2080				
83	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/1996	2081				
84	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	2082				
85	1421010298	Phạm Văn	Thành	18/02/1996	2083				
86	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	2084				
87	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/1997	2085				
88	1624010777	Nguyễn Thu	Thảo	08/03/1998	2086				
89	1624010095	Nguyễn Thu	Thảo	20/05/1998	2087				
90	1321020723	Lê Trọng	Thập	15/06/1995	2088				
91	1521070010	Ngô Văn	Thịnh	05/05/1996	2089				
92	1521050252	Tạ Quang	Thịnh	12/01/1996	2090				
93	1624010607	Võ Thị	Thu	04/09/1998	2091				
94	1511050007	Phạm Anh	Thư	21/09/1995	2092				
95	1521060148	Nguyễn Trọng	Thức	29/11/1997	2093				
96	1624010206	Trần Thu	Thương	19/09/1998	2094				
97	1421070478	Vương Quang	Thương	15/03/1996	2095				
98	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	2096				
99	1624010955	Dương Thị	Thủy	24/09/1998	2097				
100	1624010458	Nguyễn Minh	Thủy	21/02/1998	2098				
101	1621050756	Đặng Thị Ngọc	Thùy	25/01/1998	2099				
102	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	2100				
103	1421020160	Nguyễn Thị	Thùy	03/09/1995	2101				
104	1421060592	Nguyễn Văn	Thụy	18/05/1996	2102				
105	1621061038	Lê Khắc	Tiếp	22/09/1998	2103				
106	1621060718	Nguyễn Văn	Tin	05/07/1998	2104				
107	1321020757	Phạm Công	Toàn	02/05/1995	2105				
108	1321020225	Bùi Văn	Tới	17/05/1994	2106				
109	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	2107				
110	1624010519	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/08/1998	2108				
111	1624010694	Dư Thị	Trình	26/01/1998	2109				
112	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	2110				
113	1421080402	Phạm Huy	Trịnh	16/02/1995	2111				
114	1621060820	Đào Văn	Trọng	20/05/1998	2112				
115	1621060127	Bùi Quang	Trung	20/09/1998	2113				
116	1521020098	Dương Quốc	Trung	11/01/1997	2114				
117	1321020768	Lê Thành	Trung	02/09/1995	2115				
118	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	2116				
119	1521050497	Nguyễn Đức	Trung	23/12/1997	2117				
120	1321020770	Nguyễn Thành	Trung	13/03/1994	2118				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 111_4020301_1 Tổ thi: 005_111_4020301_1 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621060164	Nguyễn Thành	Trung	05/09/1998	2119				
122	1421080405	Nguyễn Xuân	Trung	16/01/1996	2120				
123	1421030589	Phạm Quang	Trung	14/11/1996	2121				
124	1521060315	Bùi Doãn	Trường	03/12/1997	2122				
125	1621050882	Lê Minh	Trường	04/04/1998	2123				
126	1621060770	Nguyễn Thanh	Trường	24/02/1998	2124				
127	1221020500	Nguyễn Duy	Tú	28/09/1994	2125				
128	1521050113	Huỳnh Anh	Tuấn	19/12/1997	2126				
129	1411030070	Lê Anh	Tuấn	26/09/1995	2127				
130	1521050254	Hoàng Thanh	Tùng	25/09/1995	2128				
131	1421070140	Nguyễn Mạnh	Tùng	30/09/1996	2129				
132	1621060132	Cao Văn	Tuyển	27/01/1997	2130				
133	1521050063	Nguyễn Công	Tuyển	27/02/1997	2131				
134	1521050135	Bùi Đức	Việt	25/11/1997	2132				
135	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	07/09/1998	2133				
136	1521040007	Đặng Quang	Vinh	04/05/1997	2134				
137	1421010387	Nguyễn Cảnh	Vinh	07/01/1996	2135				
138	1521070469	Nguyễn Quang	Vinh	11/03/1997	2136				
139	1621060655	Phạm Văn	Vĩnh	08/04/1998	2137				
140	1621060589	Đào Đình	Võ	27/11/1998	2138				
141	1521060171	Phạm Quốc	Vượng	27/09/1997	2139				
142	1521050020	Tạ Đức	Vượng	25/06/1997	2140				
143	1421020706	Nguyễn Hải	Yến	13/10/1995	2141				
144	1624010756	Nguyễn Thị	Yến	06/01/1998	2142				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030107 Nhóm: 111_4030107_1 Tổ thi: 001_111_4030107_1 Tên HP: ôn định bờ mỏ và sườn dốc
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD503** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/1995	2143				
2	1321040587	Nguyễn Đình	Trọng	23/01/1995	2144				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030114 Nhóm: 111_4030114_1 Tổ thi: 001_111_4030114_1 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD503** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/1997	2145				
2	1321030062	Lưu Văn	Hải	30/06/1994	2146				
3	1624010174	Trần Văn	Thăng	30/06/1998	2147				
4	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/1994	2148				
5	1321010412	Hà Đăng	Tường	02/04/1995	2149				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030205 Nhóm: 111_4030205_1 Tổ thi: 001_111_4030205_1 Tên HP: Điều khiển áp lực mô
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAA407** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040062	Lê Tất	Đạt	13/01/1995	2150				
2	1511040003	Tạ Trung	Khang	01/02/1997	2151				
3	1421040499	Nguyễn Hồng	Sơn	04/04/1996	2152				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030417 Nhóm: 111_4030417_1 Tổ thi: 001_111_4030417_1 Tên HP: Luyện kim
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD503** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	2153				
2	1321040173	Vũ Đức	Mạnh	01/08/1995	2154				
3	1421045011	Lê Văn	Tuấn	01/12/1996	2155				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030422 Nhóm: 111_4030422_1 Tổ thi: 001_111_4030422_1 Tên HP: Cơ sở tuyển khoáng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD503** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040116	Nguyễn Viết	Hùng	25/04/1995	2156				
2	1321040507	Vũ Trung	Kiên	06/09/1995	2157				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030501 Nhóm: 111_4030501_1 Tổ thi: 001_111_4030501_1 Tên HP: Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	2158				
2	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	2159				
3	1621070702	Trịnh Đức	Anh	13/03/1998	2160				
4	1621070107	Vũ Đức	Anh	28/10/1998	2161				
5	1621070180	Chu Minh	Chiến	24/09/1998	2162				
6	1621070160	Dương Khắc Minh	Chiến	25/10/1998	2163				
7	1621070105	Lưu Ngọc	Chiến	12/06/1998	2164				
8	1621070085	Ngô Văn	Chinh	19/05/1998	2165				
9	1621070201	Bá Tiến	Đạt	14/08/1998	2166				
10	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	2167				
11	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	2168				
12	1621070074	Mai Hữu	Đông	01/01/1998	2169				
13	1621070730	Đinh Xuân	Đức	05/08/1998	2170				
14	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	2171				
15	1621070019	Đoàn Việt	Đức	16/08/1998	2172				
16	1621070114	Trần Văn	Đức	16/09/1998	2173				
17	1621070202	Đỗ Bá	Dũng	30/06/1998	2174				
18	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	2175				
19	1511040010	Vũ Mạnh	Hà	22/05/1997	2176				
20	1621070700	Nguyễn Nam	Hải	30/06/1995	2177				
21	1621070014	Nguyễn Việt	Hải	09/12/1998	2178				
22	1621070714	Hà Đình	Hào	22/04/1998	2179				
23	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	2180				
24	1621070216	Phạm Thanh	Hào	20/06/1997	2181				
25	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	2182				
26	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	2183				
27	1621070094	Nguyễn Xuân	Hoan	21/05/1997	2184				
28	1321070083	Vũ Quốc	Huân	29/05/1995	2185				
29	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	2186				
30	1621070082	Chữ Mạnh	Hường	20/09/1997	2187				
31	1621070158	Bùi Quang	Huy	18/10/1998	2188				
32	1621070196	Lê Văn	Khoa	02/10/1998	2189				
33	1621070132	Nguyễn Thanh	Lịch	05/01/1998	2190				
34	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	2191				
35	1411040037	Nguyễn Ngọc	Linh	15/06/1996	2192				
36	1621070211	Hoàng	Long	29/12/1998	2193				
37	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	2194				
38	1621070109	Nguyễn Văn	Lượng	22/08/1998	2195				
39	1621070049	Bùi Đức	Mạnh	14/06/1998	2196				
40	1621070136	Lê Văn	Minh	05/03/1998	2197				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030501 Nhóm: 111_4030501_1 Tổ thi: 001_111_4030501_1 Tên HP: Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070199	Nguyễn Phú	Minh	07/05/1998	2198				
42	1621070034	Phạm Công	Minh	29/09/1998	2199				
43	1621070126	Trần Tuấn	Minh	21/11/1998	2200				
44	1621070155	Nguyễn Trung	Nghĩa	27/05/1998	2201				
45	1621070182	Bùi Đức	Ngọc	27/01/1998	2202				
46	1621070100	Nguyễn Thế	Ngọc	30/10/1998	2203				
47	1621070056	Nguyễn Văn	Ngọc	27/05/1998	2204				
48	1621070046	Phạm Văn	Ngọc	15/06/1997	2205				
49	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/1994	2206				
50	1621070803	Olontumen	Olonbayar	13/02/1998	2207				
51	1621070133	Trần Đức	Quyền	12/12/1998	2208				
52	1621070175	Bùi Hoàng	Sơn	20/11/1998	2209				
53	1621070055	Đào Văn	Sơn	03/02/1998	2210				
54	1621070174	Đỗ Hồng	Sơn	04/05/1998	2211				
55	1621070172	Hoàng Trọng	Sơn	21/08/1994	2212				
56	1621070210	Nguyễn Hoàng	Sơn	04/07/1998	2213				
57	1621070080	Nguyễn Xuân	Sơn	02/07/1998	2214				
58	1621070800	Anousone	SORMIXAY	12/11/1995	2215				
59	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	29/01/1998	2216				
60	1621070071	Bùi Văn	Thanh	25/03/1998	2217				
61	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	2218				
62	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	2219				
63	1621070029	Phạm Văn	Thế	08/01/1998	2220				
64	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	2221				
65	1621070051	Phạm Văn	Thiệu	18/05/1998	2222				
66	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	18/01/1998	2223				
67	1521070064	Đoàn Văn	Thịnh	04/09/1997	2224				
68	1621070038	Nguyễn Đức	Thủy	09/10/1998	2225				
69	1621070044	Nguyễn Văn	Tiến	30/05/1998	2226				
70	1621070069	Phạm Minh	Tiến	31/07/1998	2227				
71	1621070020	Trần	Trí	05/11/1998	2228				
72	1621070191	Nguyễn Văn	Trung	15/09/1998	2229				
73	1621070179	Cao Xuân	Trưởng	25/06/1998	2230				
74	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	2231				
75	1621070117	Lê Kim	Tuấn	18/07/1998	2232				
76	1621070707	Nguyễn Hữu	Tuấn	01/07/1998	2233				
77	1621070157	Nguyễn Bá	Tùng	11/09/1998	2234				
78	1621070221	Nguyễn Đức	Tùng	14/06/1998	2235				
79	1621070154	Đỗ Như	Việt	13/10/1998	2236				
80	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	2237				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030501 Nhóm: 111_4030501_1 Tổ thi: 001_111_4030501_1 Tên HP: Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621070141	Hà Xuân	Vũ	24/03/1998	2238				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030504 Nhóm: 111_4030504_1 Tổ thi: 001_111_4030504_1 Tên HP: Sức bền vật liệu B
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB506 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	2239				
2	1521010305	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/1997	2240				
3	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/1997	2241				
4	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/1994	2242				
5	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/1997	2243				
6	1521010156	Phan Mạnh	Cường	07/04/1997	2244				
7	1521010048	Nguyễn Xuân	Đức	29/09/1997	2245				
8	1521010028	Hoàng Anh	Dũng	20/08/1997	2246				
9	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/1995	2247				
10	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/1997	2248				
11	1521010060	Nguyễn Ngọc	Hải	15/07/1997	2249				
12	1521010098	Dương Văn	Hòa	23/03/1997	2250				
13	1621020041	Nguyễn Thế	Hùng	19/11/1998	2251				
14	1421020080	Phạm Ngọc	Khải	17/12/1996	2252				
15	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/1997	2253				
16	1521010250	Hoàng Văn	Khánh	12/11/1996	2254				
17	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/1996	2255				
18	1521010053	Trương Công	Khánh	13/11/1996	2256				
19	1521010206	Lê Văn	Khởi	29/03/1997	2257				
20	1521010118	Phạm Văn	Kiên	22/09/1997	2258				
21	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	2259				
22	1521019004	Phạm Gia	Luân	/ /19 3	2260				
23	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	2261				
24	1421010201	Hoàng	Minh	28/02/1995	2262				
25	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	2263				
26	1421020108	Nguyễn Văn	Minh	30/03/1996	2264				
27	1521010027	Vũ Xuân	Nghị	04/07/1997	2265				
28	1521010200	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30/11/1997	2266				
29	1521010176	Đặng Nguyễn Duy	Ngọc	25/01/1997	2267				
30	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/1997	2268				
31	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	2269				
32	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	2270				
33	1121010276	Lương Ngọc	Son	08/08/1993	2271				
34	1521010054	Trần Văn	Tam	08/08/1996	2272				
35	1421020554	Đào Đức	Tân	11/03/1996	2273				
36	1521010299	Phạm Văn	Thái	14/01/1997	2274				
37	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	02/02/1997	2275				
38	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/1997	2276				
39	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	2277				
40	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	2278				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030504 Nhóm: 111_4030504_1 Tổ thi: 001_111_4030504_1 Tên HP: Sức bền vật liệu B
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB506** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010185	Vũ Đức	Thành	02/08/1997	2279				
42	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/1997	2280				
43	1521010393	Đình Trọng	Tín	05/05/1997	2281				
44	1521010182	Vũ Văn	Toàn	01/11/1997	2282				
45	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/09/1997	2283				
46	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	2284				
47	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	2285				
48	1521010097	Bùi Thanh	Tùng	03/10/1997	2286				
49	1521010111	Đỗ Ngọc	Tuyền	26/08/1997	2287				
50	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/1997	2288				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030507 Nhóm: 111_4030507_1 Tổ thi: 001_111_4030507_1 Tên HP: Cơ học kết cấu 1 + BTL1
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070144	Đào Hoàng	Anh	25/11/1997	2289				
2	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	2290				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	2291				
4	1521070108	Hà Thế	Anh	10/09/1996	2292				
5	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/1997	2293				
6	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	2294				
7	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	2295				
8	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	2296				
9	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	2297				
10	1521079001	Lò Văn	Bình	25/06/1997	2298				
11	1321070015	Nguyễn Thanh	Bình	01/06/1995	2299				
12	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/1997	2300				
13	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	2301				
14	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	2302				
15	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	05/08/1996	2303				
16	1521070097	Lê Minh	Công	22/11/1997	2304				
17	1521070197	Khuất Duy	Cương	10/03/1997	2305				
18	1521070199	Cao Xuân	Cường	15/05/1997	2306				
19	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	2307				
20	1521070204	Vũ Kim	Cường	26/11/1997	2308				
21	1521070126	Nguyễn Văn	Đại	16/02/1996	2309				
22	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	03/01/1997	2310				
23	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	2311				
24	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	2312				
25	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	2313				
26	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	2314				
27	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	2315				
28	1521070109	Nguyễn Văn	Đạt	15/07/1997	2316				
29	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	2317				
30	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	2318				
31	1421070033	Đinh Văn	Định	10/01/1996	2319				
32	1521070213	Tạ Văn	Đoan	14/11/1997	2320				
33	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/1997	2321				
34	1521070022	Đinh Văn	Đức	15/09/1997	2322				
35	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	2323				
36	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	08/07/1997	2324				
37	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	2325				
38	1521070101	Lê Thanh	Dũng	26/09/1997	2326				
39	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	2327				
40	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/1997	2328				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030507 Nhóm: 111_4030507_1 Tổ thi: 001_111_4030507_1 Tên HP: Cơ học kết cấu 1 + BTL1
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070063	Trần Văn	Đương	08/11/1997	2329				
42	1521070045	Bùi Viết	Duy	05/08/1997	2330				
43	1521070437	Đình Quang	Duy	24/01/1997	2331				
44	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	2332				
45	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	2333				
46	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	2334				
47	1521079002	Vĩ Văn	Hà	10/11/1995	2335				
48	1521070244	Nguyễn Văn	Hiền	09/02/1995	2336				
49	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	2337				
50	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	2338				
51	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/1997	2339				
52	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	2340				
53	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	2341				
54	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/1996	2342				
55	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/1997	2343				
56	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	2344				
57	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	2345				
58	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	04/05/1997	2346				
59	1321070083	Vũ Quốc	Huân	29/05/1995	2347				
60	1524010092	Đặng Thái	Hùng	09/07/1997	2348				
61	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/08/1997	2349				
62	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/1996	2350				
63	1521070269	Vũ Đức	Hùng	07/06/1997	2351				
64	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/1997	2352				
65	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	2353				
66	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/1997	2354				
67	1521070445	Trịnh Quang	Huy	22/07/1995	2355				
68	1521070470	Nguyễn Thế	Khoa	15/03/1995	2356				
69	1521070066	Trần Văn	Khoa	10/08/1996	2357				
70	1521070288	Đình Trọng	Khôi	25/10/1994	2358				
71	1421070342	Lại Duy	Kiên	29/08/1996	2359				
72	1521070055	Nguyễn Văn	Kiện	03/07/1997	2360				
73	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	2361				
74	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	2362				
75	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	2363				
76	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	2364				
77	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	2365				
78	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	2366				
79	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/1997	2367				
80	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/1996	2368				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030507 Nhóm: 111_4030507_1 Tổ thi: 001_111_4030507_1 Tên HP: Cơ học kết cấu 1 + BTL1
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521070309	Đặng Phương	Nam	02/02/1997	2369				
82	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	2370				
83	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	2371				
84	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/1994	2372				
85	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/1997	2373				
86	1521070149	Nghiêm Hồng	Phong	14/02/1997	2374				
87	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	2375				
88	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	2376				
89	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	2377				
90	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	2378				
91	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/1997	2379				
92	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	2380				
93	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/1997	2381				
94	1521070124	Trần Vinh	Quang	08/04/1997	2382				
95	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/1996	2383				
96	1521070337	Bùi Xuân	Sơn	05/06/1997	2384				
97	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	2385				
98	1521070345	Nguyễn Văn	Tâm	03/10/1996	2386				
99	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/1995	2387				
100	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/08/1997	2388				
101	1521070118	Đoàn Xuân	Thắng	20/10/1997	2389				
102	1521070352	Nghiêm Đức	Thắng	20/08/1997	2390				
103	1521070353	Nguyễn Công	Thắng	04/05/1997	2391				
104	1521070086	Vương Đình	Thắng	11/01/1997	2392				
105	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	2393				
106	1521070081	Nguyễn Bút	Thành	23/09/1997	2394				
107	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/1997	2395				
108	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	2396				
109	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/1996	2397				
110	1521070064	Đoàn Văn	Thịnh	04/09/1997	2398				
111	1521070464	Bùi Đức	Tiến	06/05/1997	2399				
112	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	2400				
113	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/1996	2401				
114	1521070122	Nguyễn Hữu	Toàn	30/08/1997	2402				
115	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	2403				
116	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	2404				
117	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/1997	2405				
118	1521070382	Phạm Đình	Trung	28/02/1997	2406				
119	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	2407				
120	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/1997	2408				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030507 Nhóm: 111_4030507_1 Tổ thi: 001_111_4030507_1 Tên HP: Cơ học kết cấu 1 + BTL1
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	2409				
122	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	2410				
123	1521070042	Nguyễn Anh	Tú	15/12/1997	2411				
124	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/1997	2412				
125	1521070391	Đặng Danh	Tuấn	10/08/1997	2413				
126	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	2414				
127	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/1996	2415				
128	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/1997	2416				
129	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	2417				
130	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/1997	2418				
131	1521070406	Lê Xuân	Tùng	07/10/1997	2419				
132	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	2420				
133	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	06/12/1997	2421				
134	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/1996	2422				
135	1521070095	Triệu Văn	Tuyên	16/11/1994	2423				
136	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	2424				
137	1521070414	Dương Danh	Vinh	17/01/1997	2425				
138	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	2426				
139	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	2427				
140	1521070469	Nguyễn Quang	Vinh	11/03/1997	2428				
141	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/1997	2429				
142	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/1997	2430				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030514 Nhóm: 111_4030514_1 Tổ thi: 001_111_4030514_1 Tên HP: Cơ học môi trường liên tục
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD503 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	2431				
2	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	2432				
3	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	2433				
4	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/1996	2434				
5	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	2435				
6	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	2436				
7	1631070051	Phạm Minh	Đạt	22/10/1992	2437				
8	1521070045	Bùi Viết	Duy	05/08/1997	2438				
9	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	2439				
10	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	2440				
11	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	2441				
12	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	2442				
13	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/1997	2443				
14	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	2444				
15	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	2445				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4030515 Nhóm: 111_4030515_1 Tổ thi: 001_111_4030515_1 Tên HP: Động lực học công trình
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA407 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	2446				
2	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/1996	2447				
3	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	2448				
4	1421070033	Đình Văn	Định	10/01/1996	2449				
5	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/1996	2450				
6	1421070085	Phùng Văn	Miên	07/01/1996	2451				
7	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	2452				
8	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	2453				
9	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	2454				
10	1321070154	Nguyễn Văn	Quyền	22/02/1995	2455				
11	1421070115	Tô Minh	Thành	08/11/1996	2456				
12	1421070136	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/1996	2457				
13	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/04/1996	2458				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040101 Nhóm: 111_4040101_1 Tổ thi: 001_111_4040101_1 Tên HP: Địa chất đại cương
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	2459				
2	1521020119	Lê Nhất	Chí	29/08/1997	2460				
3	1521030180	Phạm Văn	Công	02/11/1997	2461				
4	1421080158	Nguyễn Thị	Cúc	16/08/1996	2462				
5	1321060036	Nguyễn Văn	Cương	03/05/1994	2463				
6	1621010211	Nguyễn Công	Doanh	25/04/1998	2464				
7	1421040403	Nguyễn Văn	Đức	07/03/1996	2465				
8	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	2466				
9	1621010162	Hà Kim	Giang	03/01/1997	2467				
10	1524010428	Lê Thị	Hồng	05/04/1996	2468				
11	1321060550	Phạm Văn	Long	01/04/1995	2469				
12	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/1996	2470				
13	1321070623	Nguyễn Anh	Quang	23/09/1994	2471				
14	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/1994	2472				
15	1624010158	Bùi Phương	Thảo	05/04/1998	2473				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040102 Nhóm: 111_4040102_1 Tổ thi: 001_111_4040102_1 Tên HP: Địa chất cơ sở
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAA407** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621080051	Vũ Lê Kiều	Dương	20/11/1998	2474				
2	1621080133	Đoàn Thị	Linh	29/09/1998	2475				
3	1621010034	Trần Quang	Minh	13/08/1998	2476				
4	1611040012	Nguyễn Trọng	Thiện	05/07/1998	2477				
5	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/03/1995	2478				
6	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	2479				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040107 Nhóm: 111_4040107_1 Tổ thi: 001_111_4040107_1 Tên HP: Địa mạo và trầm tích đệ tứ
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020065	Trịnh Công	Đạt	12/03/1995	2480				
2	1524010093	Đàm Văn	Hoàng	28/09/1997	2481				
3	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	2482				
4	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	2483				
5	1521020325	Nguyễn Quang	Trường	06/12/1997	2484				
6	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/1997	2485				
7	1321010410	Trần Văn	Tùng	30/03/1995	2486				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040110 Nhóm: 111_4040110_1 Tổ thi: 001_111_4040110_1 Tên HP: Địa mạo cảnh quan
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD401** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010192	Nguyễn Thủy	Ngọc	27/10/1996	2487				
2	1321030195	Đoàn Văn	Sơn	29/10/1995	2488				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040111 Nhóm: 111_4040111_1 Tổ thi: 001_111_4040111_1 Tên HP: Địa chất môi trường
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD401** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020007	Lưu Thế	Anh	22/11/1995	2489				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040207 Nhóm: 111_4040207_1 Tổ thi: 001_111_4040207_1 Tên HP: Địa chất mỏ
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1997	2490				
2	1521041002	Nguyễn Văn	Cường	07/02/1997	2491				
3	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/1997	2492				
4	1521010034	Lê Quang	Huy	11/10/1997	2493				
5	1321020140	Nguyễn Thành	Long	30/05/1995	2494				
6	1521040005	Phạm Thị Ngọc	Mai	02/05/1997	2495				
7	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	2496				
8	1421040278	Chu Xuân	Thoại	08/11/1995	2497				
9	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	2498				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040305 Nhóm: 111_4040305_1 Tổ thi: 001_111_4040305_1 Tên HP: Thạch học 2
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA308 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010157	Vũ Văn	An	04/02/1997	2499				
2	1521010129	Đình Hải	Anh	20/08/1996	2500				
3	1521010148	Đỗ Văn	Cường	17/10/1997	2501				
4	1521010203	Phan Thế	Cường	25/03/1997	2502				
5	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	2503				
6	1521010326	Trần Thái	Dương	05/01/1997	2504				
7	1521010125	Nguyễn Trường	Giang	21/08/1997	2505				
8	1521010180	Phạm Nguyễn Văn	Hoàn	07/12/1997	2506				
9	1521010117	Vũ Mạnh	Hung	01/03/1994	2507				
10	1521010223	Hoàng Quốc	Huy	03/01/1997	2508				
11	1521010178	Nguyễn Đình	Huy	09/11/1997	2509				
12	1521010049	Trần Trung	Kiên	12/11/1997	2510				
13	1521010177	Bùi Thị Thanh	Lan	12/02/1997	2511				
14	1521010151	Lê Văn	Linh	19/08/1997	2512				
15	1521019007	Bùi Văn	Long	/ /19 3	2513				
16	1521010293	Lê Ngọc	Minh	14/02/1997	2514				
17	1521010019	Ngô Thành	Nam	27/10/1997	2515				
18	1521010264	Phạm Văn	Phong	30/06/1997	2516				
19	1521010253	Đỗ Duy	Phúc	22/01/1997	2517				
20	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/1997	2518				
21	1521010443	Trương Hoàng	Phương	12/12/1997	2519				
22	1521010265	Dương Văn	Thành	02/10/1996	2520				
23	1521010020	Nguyễn Thị	Thu	05/11/1996	2521				
24	1421010345	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/04/1996	2522				
25	1521010300	Hoàng Văn	Tú	26/11/1997	2523				
26	1521010225	Mai Huy	Tú	22/04/1997	2524				
27	1521010241	Đặng Anh	Tuấn	19/08/1994	2525				
28	1521010222	Lương Xuân	Tuấn	02/04/1997	2526				
29	1521010281	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	14/08/1997	2527				
30	1521010127	Lê Văn	Tuyên	18/05/1995	2528				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040313 Nhóm: 111_4040313_1 Tổ thi: 001_111_4040313_1 Tên HP: Tinh thể học - khoáng vật học đại cu
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621011019	Lê Thiều	An	21/02/1998	2529				
2	1621020014	Kim Việt	Anh	12/12/1998	2530				
3	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	01/01/1997	2531				
4	1621010222	Nguyễn Tùng Quang	Anh	11/03/1998	2532				
5	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	2533				
6	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/1997	2534				
7	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	2535				
8	1521040110	Trần Đức	Cánh	08/01/1997	2536				
9	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	2537				
10	1521010203	Phan Thế	Cường	25/03/1997	2538				
11	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	2539				
12	1521020052	Dương Công	Đang	29/04/1997	2540				
13	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/1997	2541				
14	1421050047	Đinh Văn	Đức	12/12/1995	2542				
15	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	2543				
16	1621020042	Trần Mạnh	Dũng	08/01/1998	2544				
17	1621020043	Lưu Văn	Duy	09/06/1998	2545				
18	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	2546				
19	1521040233	Đào Thanh	Hải	28/07/1997	2547				
20	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	2548				
21	1621020033	Phạm Minh	Hào	21/02/1997	2549				
22	1421045004	Đặng Thị	Hiền	04/01/1996	2550				
23	1321020093	Phạm Duy	Hiền	04/03/1995	2551				
24	1521040240	Lý Như	Hoa	13/11/1996	2552				
25	1421040115	Bùi Văn	Hoàn	15/02/1996	2553				
26	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	2554				
27	1321020546	Kiều Xuân	Hoàng	01/08/1995	2555				
28	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/1997	2556				
29	1621020041	Nguyễn Thế	Hùng	19/11/1998	2557				
30	1521040250	Hoàng Quốc	Huy	16/10/1997	2558				
31	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	2559				
32	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	2560				
33	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/1997	2561				
34	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	2562				
35	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	2563				
36	1521020242	Nguyễn Thị	Lan	17/06/1997	2564				
37	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	2565				
38	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/1997	2566				
39	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/1997	2567				
40	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	2568				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040313 Nhóm: 111_4040313_1 Tổ thi: 001_111_4040313_1 Tên HP: Tinh thể học - khoáng vật học đại cu
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	2569				
42	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	2570				
43	1521040345	Triệu Thị	Minh	01/01/1997	2571				
44	1621020706	Hoàng Duy	Nam	03/06/1998	2572				
45	1621020703	Nguyễn Ngọc	Nam	25/10/1998	2573				
46	1521040122	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	31/03/1997	2574				
47	1421040208	Triệu Thị	Oanh	14/02/1996	2575				
48	1621020024	Phạm Văn	Phi	05/11/1998	2576				
49	1611020700	Vũ Ngọc	Phi	10/05/1998	2577				
50	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	2578				
51	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/1997	2579				
52	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	2580				
53	1621020022	Võ Tú	Quyên	30/03/1998	2581				
54	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	2582				
55	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/1996	2583				
56	1521040102	Lê Hoài	Son	07/01/1997	2584				
57	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/1996	2585				
58	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	02/02/1997	2586				
59	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	2587				
60	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/1997	2588				
61	1521040124	Lê Hoài	Thu	07/03/1997	2589				
62	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	2590				
63	1621020045	Bùi Thị	Thúy	25/06/1997	2591				
64	1621020046	Đỗ Việt	Tiếp	22/02/1998	2592				
65	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	2593				
66	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	2594				
67	1521040064	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/08/1997	2595				
68	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	2596				
69	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	2597				
70	1521040319	Đặng Quang	Trung	01/09/1997	2598				
71	1621020017	Trần Anh	Tú	06/07/1998	2599				
72	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	2600				
73	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	2601				
74	1521020347	Dương Quốc	Việt	15/08/1997	2602				
75	1621020048	Trần Văn	Vũ	04/02/1998	2603				
76	1321040618	Nguyễn Thị	Yến	02/02/1995	2604				
77	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	2605				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040401 Nhóm: 111_4040401_1 Tổ thi: 001_111_4040401_1 Tên HP: Địa chất các mỏ khoáng + TH
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD401** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthav.	.	15/12/1996	2606				
2	1611020006	Trần Thị Thanh	Hà	31/08/1996	2607				
3	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	2608				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040405 Nhóm: 111_4040405_1 Tổ thi: 001_111_4040405_1 Tên HP: Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020678	Trần Minh	Tùng	11/02/1996	2609				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040516 Nhóm: 111_4040516_1 Tổ thi: 001_111_4040516_1 Tên HP: Tiếng Anh chuyên ngành địa chất cơ
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020416	Nguyễn Tuấn	Anh	15/10/1995	2610				
2	1321020019	Khổng Trọng	Bích	20/09/1995	2611				
3	1321020496	Hoàng Anh	Đức	28/06/1995	2612				
4	1321020087	Phạm Bá	Hải	21/08/1995	2613				
5	1321020106	Đinh Ngọc	Hoàn	13/10/1995	2614				
6	1321020611	Phạm Duy	Long	24/04/1994	2615				
7	1321020705	Nguyễn Ngọc	Tân	20/04/1995	2616				
8	1321020212	Đoàn Đức	Thuận	21/09/1995	2617				
9	1321020217	Đặng Thành	Thức	04/11/1994	2618				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040519 Nhóm: 111_4040519_1 Tổ thi: 001_111_4040519_1 Tên HP: Địa chất công trình
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/1992	2619				
2	1521040145	Lê Xuân	An	26/06/1997	2620				
3	1521040101	Đặng Phương	Anh	18/10/1997	2621				
4	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	2622				
5	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/1996	2623				
6	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	2624				
7	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/1997	2625				
8	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	2626				
9	1421040027	Phạm Đức	Chính	20/01/1996	2627				
10	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	2628				
11	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/1997	2629				
12	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	2630				
13	1411070008	Đình Văn Thành	Đạt	03/07/1993	2631				
14	1521040119	Nguyễn Hữu	Đồng	26/12/1997	2632				
15	1521040047	Nguyễn Trung	Đức	16/12/1997	2633				
16	1321040457	Phạm Văn	Dương	24/01/1994	2634				
17	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	2635				
18	1521040144	Nguyễn Xuân	Duy	28/05/1996	2636				
19	1521040011	Doãn Hồng	Hải	26/11/1997	2637				
20	1631040052	Nguyễn Văn	Hiệp	22/11/1995	2638				
21	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/1997	2639				
22	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	2640				
23	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/1996	2641				
24	1521040181	Trần Huy	Hoàng	29/10/1997	2642				
25	1521040149	Lê Đình	Hoạt	15/02/1997	2643				
26	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	2644				
27	1521040043	Nguyễn Đức	Kiên	18/11/1997	2645				
28	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	2646				
29	1521040134	Vi Văn	Mạnh	20/02/1997	2647				
30	1521040343	Đình Dũng	Minh	01/12/1997	2648				
31	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	03/10/1997	2649				
32	1521041001	Nguyễn Văn	Phong	03/02/1997	2650				
33	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/1997	2651				
34	1421040491	Đoàn Xuân	Quý	14/10/1996	2652				
35	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/1996	2653				
36	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/1997	2654				
37	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	2655				
38	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	2656				
39	1521040050	Đỗ Mạnh	Thao	23/11/1996	2657				
40	1521040026	Trịnh Thế	Thao	09/02/1995	2658				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040519 Nhóm: 111_4040519_1 Tổ thi: 001_111_4040519_1 Tên HP: Địa chất công trình
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	2659				
42	1521040165	Đỗ Văn	Thiện	30/06/1997	2660				
43	1521040310	Phan Văn	Thiện	19/11/1997	2661				
44	1421040283	Linh Sỹ	Thượng	17/04/1996	2662				
45	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/1996	2663				
46	1421040532	Lê Hữu	Tình	30/08/1996	2664				
47	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	2665				
48	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	2666				
49	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	2667				
50	1421040544	Nguyễn Thành	Trung	18/10/1996	2668				
51	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/1997	2669				
52	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	2670				
53	1321040320	Trịnh Văn	Tuấn	15/07/1995	2671				
54	1521040027	Vũ Văn	Tuấn	19/07/1997	2672				
55	1421040559	Bùi Duy	Tùng	26/09/1994	2673				
56	1521040093	Lê Văn	Tuyên	20/06/1996	2674				
57	1521040062	Nguyễn Đình	Tuyên	18/04/1997	2675				
58	1521040007	Đặng Quang	Vinh	04/05/1997	2676				
59	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/1997	2677				
60	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	2678				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040601 Nhóm: 111_4040601_1 Tổ thi: 001_111_4040601_1 Tên HP: Địa chất thủy văn đại cương
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA205 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020119	Lê Nhất	Chí	29/08/1997	2679				
2	1521020151	Phan Thế	Của	09/10/1997	2680				
3	1521020055	Nguyễn Quang	Đại	13/02/1997	2681				
4	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	05/06/1997	2682				
5	1521020164	Đỗ Văn	Dũng	14/08/1997	2683				
6	1521020196	Đào Trung	Hiếu	28/10/1996	2684				
7	1521020208	Đinh Xuân	Hòa	01/06/1997	2685				
8	1524010093	Đàm Văn	Hoàng	28/09/1997	2686				
9	1521020079	Đồng Đăng	Khoa	18/01/1993	2687				
10	1521020253	Nguyễn Thọ	Lượng	06/05/1997	2688				
11	1521020267	Phạm Tấn	Phát	03/07/1996	2689				
12	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	2690				
13	1521020061	Hoàng Văn	Thực	14/04/1996	2691				
14	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/1997	2692				
15	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	02/10/1996	2693				
16	1521020086	Lê Thanh	Tuyến	13/07/1997	2694				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040616 Nhóm: 111_4040616_1 Tổ thi: 001_111_4040616_1 Tên HP: Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất cổ
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthav.		15/12/1996	2695				
2	1521010196	Đào Văn	Bảo	16/07/1997	2696				
3	1521010273	Thái Mạnh	Cường	16/03/1997	2697				
4	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/09/1992	2698				
5	1621010719	Đình Văn	Đức	08/11/1998	2699				
6	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/1997	2700				
7	1521020101	Nguyễn Tuấn	Giang	16/01/1996	2701				
8	1521010069	Đình Văn	Hải	27/06/1997	2702				
9	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	2703				
10	1521010232	Nguyễn Việt	Hoàng	26/01/1997	2704				
11	1511020008	Trần Đức	Hợp	25/11/1996	2705				
12	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/1997	2706				
13	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	2707				
14	1521010178	Nguyễn Đình	Huy	09/11/1997	2708				
15	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/1993	2709				
16	1521010276	Lê Văn	Linh	30/11/1996	2710				
17	1521020254	Nguyễn Thị	Ly	06/01/1997	2711				
18	1521020046	Nguyễn Khắc	Mạnh	08/04/1997	2712				
19	1421020487	Đình Thị	Ngà	28/07/1996	2713				
20	1421020121	Nguyễn Đức	Phong	28/01/1996	2714				
21	1521010264	Phạm Văn	Phong	30/06/1997	2715				
22	1521010443	Trương Hoàng	Phương	12/12/1997	2716				
23	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/1995	2717				
24	1521010303	Trần Toàn	Thắng	27/07/1997	2718				
25	1521010241	Đặng Anh	Tuấn	19/08/1994	2719				
26	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	2720				
27	1521010212	Kiều Văn	Vệ	12/09/1997	2721				
28	1521010214	Cao Như	ý	13/03/1997	2722				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040617 Nhóm: 111_4040617_1 Tổ thi: 001_111_4040617_1 Tên HP: Địa chất thủy văn
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	2723				
2	1421040027	Phạm Đức	Chính	20/01/1996	2724				
3	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/1995	2725				
4	1521040011	Doãn Hồng	Hải	26/11/1997	2726				
5	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/1996	2727				
6	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	2728				
7	1631040055	Nguyễn Thành	Long	26/11/1995	2729				
8	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	2730				
9	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/1997	2731				
10	1521040343	Đinh Dũng	Minh	01/12/1997	2732				
11	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	03/10/1997	2733				
12	1631040056	Nguyễn Trung	Nguyên	08/06/1995	2734				
13	1521041001	Nguyễn Văn	Phong	03/02/1997	2735				
14	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/1997	2736				
15	1631040058	Nguyễn Công	Phú	11/10/1995	2737				
16	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	2738				
17	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	2739				
18	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	2740				
19	1631040059	Nguyễn Việt	Thắng	19/10/1991	2741				
20	1521040050	Đỗ Mạnh	Thao	23/11/1996	2742				
21	1521040026	Trịnh Thế	Thao	09/02/1995	2743				
22	1521040165	Đỗ Văn	Thiện	30/06/1997	2744				
23	1631040060	Trịnh Văn	Thịnh	21/10/1994	2745				
24	1621040130	Vũ Văn	Thịnh	22/08/1998	2746				
25	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/1996	2747				
26	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	2748				
27	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/1997	2749				
28	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/1997	2750				
29	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	2751				
30	1521040162	Nguyễn Đức	Tuấn	21/06/1997	2752				
31	1521040093	Lê Văn	Tuyên	20/06/1996	2753				
32	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	2754				
33	1521040007	Đặng Quang	Vinh	04/05/1997	2755				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4040636 Nhóm: 111_4040636_1 Tổ thi: 001_111_4040636_1 Tên HP: Thoát nước công trình ngầm và mỏ
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020416	Nguyễn Tuấn	Anh	15/10/1995	2756				
2	1321020114	Bùi Ngọc	Hùng	19/07/1995	2757				
3	1321020127	Lê Văn	Khang	27/11/1995	2758				
4	1321020143	Phan	Luật	20/10/1994	2759				
5	1321020768	Lê Thành	Trung	02/09/1995	2760				
6	1321020794	Lê Sơn	Tùng	14/10/1995	2761				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050201 Nhóm: 111_4050201_1 Tổ thi: 001_111_4050201_1 Tên HP: Trắc địa cao cấp đại cương
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411030070	Lê Anh	Tuấn	26/09/1995	2762				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050202 Nhóm: 111_4050202_1 Tổ thi: 001_111_4050202_1 Tên HP: Xây dựng lưới trắc địa
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411030049	Nhữ Văn	Quyên	15/11/1996	2763				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050203 Nhóm: 111_4050203_1 Tổ thi: 001_111_4050203_1 Tên HP: Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB205 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030010	Đoàn Văn	Bảo	23/07/1996	2764				
2	1421040380	Nguyễn Minh	Chiến	07/04/1996	2765				
3	1421030021	Văn	Công	10/12/1996	2766				
4	1421030027	Phạm Mạnh	Cường	25/01/1996	2767				
5	1421030040	Bùi Xuân	Đạt	15/07/1996	2768				
6	1421030295	Đỗ Đức	Doanh	07/10/1996	2769				
7	1421030051	Nguyễn Viết	Đức	05/12/1996	2770				
8	1421030306	Phạm Công	Duy	28/09/1996	2771				
9	1421030327	Đặng Thanh	Giang	05/09/1996	2772				
10	1421030057	Đặng Quý	Hải	09/10/1996	2773				
11	1421030065	Trịnh Thanh	Hiện	25/09/1996	2774				
12	1421030353	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1996	2775				
13	1421030069	Lê Văn	Hiếu	18/08/1996	2776				
14	1421030363	Nguyễn Hữu	Hoàng	24/03/1996	2777				
15	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	2778				
16	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/1995	2779				
17	1421030427	Đặng Xuân	Linh	12/09/1995	2780				
18	1421030457	Đới Công	Minh	10/08/1996	2781				
19	1421030136	Nguyễn Hoài	Nam	02/09/1996	2782				
20	1421030139	Nguyễn Văn	Nam	15/11/1996	2783				
21	1421030483	Đào Tiến	Phong	13/05/1995	2784				
22	1421030151	Lê Minh	Phong	30/10/1996	2785				
23	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/1996	2786				
24	1421030500	Vũ Minh	Phương	01/10/1996	2787				
25	1421030508	Lương Văn	Quân	22/04/1996	2788				
26	1421030157	Phạm Hồng	Quân	24/11/1995	2789				
27	1421030577	Trần Văn	Tiếp	04/11/1995	2790				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050211 Nhóm: 111_4050211_1 Tổ thi: 001_111_4050211_1 Tên HP: Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa ch
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA307 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030152	Lê Thị Huệ	Anh	04/03/1997	2791				
2	1521030156	Lê Tuấn	Anh	25/04/1997	2792				
3	1321030415	Phạm Quang	Anh	28/05/1995	2793				
4	1521030142	Trần Thị Huyền	Anh	30/06/1997	2794				
5	1321030050	Vì Triệu	Đức	01/07/1995	2795				
6	1321020503	Hoàng Văn	Được	11/06/1995	2796				
7	1321030568	Nguyễn Thế	Hiên	10/10/1994	2797				
8	1521030058	Nguyễn Minh	Hiếu	17/10/1997	2798				
9	1321030582	Nguyễn Thị	Hoa	10/07/1994	2799				
10	1321020132	Nguyễn Ngọc	Kiên	26/04/1994	2800				
11	1321030686	Vũ Văn	Linh	14/04/1995	2801				
12	1321030130	Nguyễn Việt	Long	17/11/1994	2802				
13	1521030430	Phạm Thi	Ngân	12/11/1996	2803				
14	1521030432	Lê Thị	Oanh	19/12/1997	2804				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050303 Nhóm: 111_4050303_1 Tổ thi: 001_111_4050303_1 Tên HP: Cơ sở đo ảnh + BTL
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030104	Trương Quốc	Thiện	20/01/1997	2805				
2	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/1995	2806				
3	1621030724	Bùi Nguyễn Thu	Trang	21/09/1998	2807				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050306 Nhóm: 111_4050306_1 Tổ thi: 001_111_4050306_1 Tên HP: Công nghệ đo ảnh + ĐA
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05/12/1996	2808				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050408 Nhóm: 111_4050408_1 Tổ thi: 001_111_4050408_1 Tên HP: Phần mềm đồ hoạ trong trắc địa + B'
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030010	Đoàn Văn	Bảo	23/07/1996	2809				
2	1421030027	Phạm Mạnh	Cường	25/01/1996	2810				
3	1421030108	Hoàng Duy	Khánh	06/10/1995	2811				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050526 Nhóm: 111_4050526_1 Tổ thi: 001_111_4050526_1 Tên HP: Trắc địa đại cương
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521079001	Lò Văn	Bình	25/06/1997	2812				
2	1521020198	Nguyễn Minh	Hiếu	04/05/1997	2813				
3	1421010270	Thiều Minh	Quân	17/09/1996	2814				
4	1321030798	Lê Văn	Quý	25/10/1995	2815				
5	1321030939	Đỗ Thanh	Tuấn	02/06/1995	2816				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4050707 Nhóm: 111_4050707_1 Tổ thi: 001_111_4050707_1 Tên HP: Bản đồ chuyên đề + ĐA
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA307 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030099	Lê Văn	Hung	09/04/1993	2817				
2	1421030115	Ngô Văn	Lân	16/11/1996	2818				
3	1321030165	Ngô Thị	Ngọc	06/12/1994	2819				
4	1421030182	Đoàn Thị	Thảo	15/04/1996	2820				
5	1421030562	Lê Thanh	Thiêm	08/07/1996	2821				
6	1421030584	Phan Thị Huyền	Trang	24/11/1996	2822				
7	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	2823				
8	1421030589	Phạm Quang	Trung	14/11/1996	2824				
9	1421030219	Hoàng Văn	Tuấn	23/06/1996	2825				
10	1421030222	Nguyễn Mạnh	Tuấn	06/12/1996	2826				
11	1421030232	Nguyễn Doãn	Việt	27/09/1995	2827				
12	1421030640	Nguyễn Duy	Vĩnh	10/08/1996	2828				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060117 Nhóm: 111_4060117_1 Tổ thi: 001_111_4060117_1 Tên HP: Thăm dò địa chấn
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD204 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010058	Lý Tuyên	Hoàng	01/07/1996	2829				
2	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	2830				
3	1421010277	Trần Phong	Quyên	25/06/1996	2831				
4	1421010285	Kiều Văn	Sơn	18/09/1996	2832				
5	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	2833				
6	1421010314	Trần Văn	Thiệp	16/06/1995	2834				
7	1421010339	Vũ Đức	Tính	17/10/1996	2835				
8	1421020165	Vũ Văn	Tinh	25/02/1996	2836				
9	1421010363	Đoàn Anh	Tuấn	11/11/1996	2837				
10	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/1995	2838				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060121 Nhóm: 111_4060121_1 Tổ thi: 001_111_4060121_1 Tên HP: Địa vật lý giếng khoan + TH
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010113	Phạm Hoàng	Hiệp	10/04/1996	2839				
2	1421030120	Nguyễn Duy	Linh	24/09/1996	2840				
3	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/1996	2841				
4	1421070119	Vũ Việt	Thắng	03/08/1996	2842				
5	1421010328	Trần Văn	Thục	19/12/1995	2843				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060203 Nhóm: 111_4060203_1 Tổ thi: 001_111_4060203_1 Tên HP: Địa chất dầu khí 1
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010033	Bùi Mạnh	Đạt	04/05/1997	2844				
2	1521010006	Lê Hữu	Hiệp	11/09/1997	2845				
3	1521010232	Nguyễn Việt	Hoàng	26/01/1997	2846				
4	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	2847				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060206 Nhóm: 111_4060206_1 Tổ thi: 001_111_4060206_1 Tên HP: Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các r
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: **HNAD204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	2848				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060217 Nhóm: 111_4060217_1 Tổ thi: 001_111_4060217_1 Tên HP: Quản lý phát triển mỏ dầu khí
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD204** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010049	Trần Văn	Diễn	11/03/1996	2849				
2	1321010085	Trần Hải	Duy	17/05/1995	2850				
3	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/1996	2851				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060218 Nhóm: 111_4060218_1 Tổ thi: 001_111_4060218_1 Tên HP: Địa chất dầu khí
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	2852				
2	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/1997	2853				
3	1521010164	Trần Mạnh	Đức	19/02/1997	2854				
4	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/1997	2855				
5	1521010061	Vũ Anh	Hoàng	06/05/1997	2856				
6	1521010015	Nguyễn Thành	Hung	14/08/1996	2857				
7	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	2858				
8	1521010043	Nguyễn Văn	Sáng	01/12/1997	2859				
9	1521010073	Vũ Công	Tài	05/03/1997	2860				
10	1521010252	Lại Đức	Thái	10/04/1997	2861				
11	1521010185	Vũ Đức	Thành	02/08/1997	2862				
12	1321020728	Nguyễn Quang	Thịnh	14/09/1995	2863				
13	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1997	2864				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060302 Nhóm: 111_4060302_1 Tổ thi: 001_111_4060302_1 Tên HP: Hoá hữu cơ 1
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621010341	Nguyễn Văn	Anh	05/07/1998	2865				
2	1521010398	Nguyễn Linh	Chi	26/07/1997	2866				
3	1521010425	Nguyễn Cảnh	Công	07/04/1997	2867				
4	1521010426	Phan Văn	Cường	08/03/1997	2868				
5	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	2869				
6	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/1996	2870				
7	1521010334	Trần Minh	Đức	22/09/1997	2871				
8	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/05/1997	2872				
9	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/1997	2873				
10	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/1997	2874				
11	1521010358	Bùi Trung	Hiếu	10/10/1997	2875				
12	1521010408	Nguyễn Xuân	Hiếu	03/12/1997	2876				
13	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/1996	2877				
14	1521010433	Đặng Thị	Hoàn	20/04/1996	2878				
15	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/1997	2879				
16	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	2880				
17	1521010340	Hoàng Sơn	Lâm	23/05/1997	2881				
18	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	2882				
19	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	2883				
20	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	2884				
21	1521010337	Phan Hồng	Phúc	18/04/1997	2885				
22	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	2886				
23	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/1997	2887				
24	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/1997	2888				
25	1621010025	Dương Thị Thu	Thắm	19/08/1998	2889				
26	1521010352	Vũ Thị	Thu	01/01/1997	2890				
27	1521010370	Hoàng Anh	Tuấn	30/08/1997	2891				
28	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	2892				
29	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	2893				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060307 Nhóm: 111_4060307_1 Tổ thi: 001_111_4060307_1 Tên HP: Quá trình và thiết bị truyền chất
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB303 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010058	Phạm Minh	Cường	27/09/1995	2894				
2	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	2895				
3	1421010138	Hoàng Hữu	Hùng	21/09/1996	2896				
4	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	2897				
5	1421010200	Đặng Công	Minh	15/10/1996	2898				
6	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	2899				
7	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/1995	2900				
8	1421010247	Lê Công	Phương	11/04/1996	2901				
9	1421010270	Thiều Minh	Quân	17/09/1996	2902				
10	1421010400d	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	2903				
11	1421010364	Đông Văn	Tuấn	01/09/1996	2904				
12	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	2905				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060308 Nhóm: 111_4060308_1 Tổ thi: 001_111_4060308_1 Tên HP: Kỹ thuật phản ứng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	2906				
2	1421010247	Lê Công	Phương	11/04/1996	2907				
3	1221010327	Trần Công	Thắng	17/03/1994	2908				
4	1421010400d	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	2909				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060311 Nhóm: 111_4060311_1 Tổ thi: 001_111_4060311_1 Tên HP: Kỹ thuật môi trường trong công nghệ
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA308 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	2910				
2	1521010398	Nguyễn Linh	Chi	26/07/1997	2911				
3	1521010425	Nguyễn Cảnh	Công	07/04/1997	2912				
4	1221010046	Nguyễn Kim	Công	09/02/1994	2913				
5	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	2914				
6	1521010428	Đoàn Anh	Dũng	22/03/1997	2915				
7	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/1997	2916				
8	1521010396	Tổng Hoàng	Dương	24/11/1997	2917				
9	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/05/1997	2918				
10	1521090038	Nguyễn Doãn	Hiền	01/0/192/	2919				
11	1521010440	Trần Tuấn	Hiền	13/10/1997	2920				
12	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/1997	2921				
13	1521010432	Đỗ Tiến	Hoàng	01/10/1994	2922				
14	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/1997	2923				
15	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/1997	2924				
16	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/1997	2925				
17	1521010415	Đỗ Văn	Hùng	10/10/1997	2926				
18	1121010157	Hoàng Ngọc	Hùng	03/09/1991	2927				
19	1521010439	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/03/1997	2928				
20	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	2929				
21	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	2930				
22	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/1997	2931				
23	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	2932				
24	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	2933				
25	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	2934				
26	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	2935				
27	1521010337	Phan Hồng	Phúc	18/04/1997	2936				
28	1521010388	Nguyễn Thị	Quyên	05/06/1997	2937				
29	1521010355	Nguyễn Xuân	Sắc	20/02/1995	2938				
30	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/1997	2939				
31	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	2940				
32	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/09/1997	2941				
33	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/1996	2942				
34	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/1997	2943				
35	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	2944				
36	1521040327	Vũ Đức Anh	Tuấn	05/05/1997	2945				
37	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/1996	2946				
38	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/1997	2947				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060315 Nhóm: 111_4060315_1 Tổ thi: 001_111_4060315_1 Tên HP: Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB506** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010005	Bùi Tuấn	Anh	22/06/1995	2948				
2	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	2949				
3	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	2950				
4	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	2951				
5	1421010028	Vì Thị	Bích	02/06/1996	2952				
6	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	2953				
7	1421010042	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1996	2954				
8	1321010058	Phạm Minh	Cường	27/09/1995	2955				
9	1421010084	Lê Văn	Đông	12/08/1996	2956				
10	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	2957				
11	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/1996	2958				
12	1421010108	Cao Thị Thu	Hiền	23/04/1996	2959				
13	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	2960				
14	1421010122	Nguyễn Dũng	Hòa	21/07/1996	2961				
15	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/1995	2962				
16	1421010150	Nguyễn Thành	Hung	31/10/1996	2963				
17	1421060147	Nhữ Văn	Khang	01/05/1986	2964				
18	1421010174	Hồ Thị	Lê	06/01/1996	2965				
19	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	2966				
20	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	2967				
21	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	2968				
22	1321010231	Hoàng Trọng	Minh	04/09/1995	2969				
23	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/1995	2970				
24	1421010224	Phạm Thị Bích	Ngọc	06/09/1996	2971				
25	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	2972				
26	1421010236	Trần Văn	Ninh	12/11/1996	2973				
27	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/1995	2974				
28	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/1995	2975				
29	1421010247	Lê Công	Phuong	11/04/1996	2976				
30	1421020125	Mai Lan	Phuong	13/04/1996	2977				
31	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	2978				
32	1321010284	Nguyễn Văn	Quân	09/11/1995	2979				
33	1421010270	Thiều Minh	Quân	17/09/1996	2980				
34	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	2981				
35	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/1995	2982				
36	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/1996	2983				
37	1321010302	Hoàng Văn	Tam	17/07/1995	2984				
38	1321010305	Nguyễn Huy	Thạch	26/08/1995	2985				
39	1321020711	Phạm Văn	Thái	03/02/1995	2986				
40	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/1995	2987				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060315 Nhóm: 111_4060315_1 Tổ thi: 001_111_4060315_1 Tên HP: Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB506 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221010327	Trần Công	Thắng	17/03/1994	2988				
42	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	2989				
43	1421080354	Nguyễn Tiến	Thành	19/07/1996	2990				
44	1421010318	Vũ Đỗ Long	Thịnh	02/07/1996	2991				
45	1421010400d	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	2992				
46	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/1994	2993				
47	1321010385	Trần Văn	Trường	09/01/1995	2994				
48	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/1996	2995				
49	1421010365	Ngô Anh	Tuấn	16/04/1996	2996				
50	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	2997				
51	1321010405	Nguyễn Duy	Tùng	20/12/1995	2998				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060324 Nhóm: 111_4060324_1 Tổ thi: 001_111_4060324_1 Tên HP: Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010058	Phạm Minh	Cường	27/09/1995	2999				
2	1321010066	Trần Đức	Doanh	17/07/1995	3000				
3	1324010509	Bùi Ngọc	Hoàng	12/08/1993	3001				
4	1321010230	Đỗ Văn	Minh	20/11/1995	3002				
5	1321060327	Phan Huy	Tú	24/01/1994	3003				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060402 Nhóm: 111_4060402_1 Tổ thi: 001_111_4060402_1 Tên HP: Kỹ thuật dầu khí đại cương
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB506** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040477	Lã Hải	Hà	16/08/1995	3004				
2	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	03/07/1995	3005				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060412 Nhóm: 111_4060412_1 Tổ thi: 001_111_4060412_1 Tên HP: Thu gom, xử lý và vận chuyển chất l
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010113	Phạm Hoàng	Hiệp	10/04/1996	3006				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060414 Nhóm: 111_4060414_1 Tổ thi: 001_111_4060414_1 Tên HP: Công nghệ khai thác dầu khí
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB506** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010299	Lê Khắc	Sỹ	10/01/1995	3007				
2	1321070169	Nguyễn Ngọc	Thái	20/01/1995	3008				
3	1321030833	Nguyễn Văn	Thanh	07/01/1995	3009				
4	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/1995	3010				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4060426 Nhóm: 111_4060426_1 Tổ thi: 001_111_4060426_1 Tên HP: Khoan thăm dò - khảo sát
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB506** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	3011				
2	1421011287	Ngô Quang	Quý	08/02/1996	3012				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070101 Nhóm: 111_4070101_1 Tổ thi: 001_111_4070101_1 Tên HP: Kinh tế vi mô
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB506 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	3013				
2	1521050175	Cao Thị	Bình	20/10/1997	3014				
3	1624010362	Nguyễn Thị	Dung	01/05/1998	3015				
4	1521050253	Trần Thị	Dung	03/02/1995	3016				
5	1624010368	Nguyễn Thị	Huệ	03/03/1998	3017				
6	1624010442	Bùi Thị	Huyền	07/12/1998	3018				
7	1624010620	Nguyễn Tú	Lệ	09/01/1998	3019				
8	1521050251	Vũ Thu	Ly	01/03/1997	3020				
9	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	06/09/1997	3021				
10	1521050090	Nguyễn Phương	Nam	20/04/1997	3022				
11	1624010022	Đinh Thị	Oanh	20/03/1998	3023				
12	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/1997	3024				
13	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/1997	3025				
14	1624010041	Bùi Sỹ	Thắng	04/04/1998	3026				
15	1624010446	Lương Thị	Thúy	01/01/1998	3027				
16	1521050200	Mai Viết	Trương	06/05/1997	3028				
17	1624010273	Lỗ Thị Minh	Yến	14/06/1998	3029				
18	1624010328	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/06/1998	3030				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070102 Nhóm: 111_4070102_1 Tổ thi: 001_111_4070102_1 Tên HP: Kinh tế vĩ mô
Ngày thi: **1/14/2018** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010146	Đặng Tuấn	Anh	16/04/1996	3031				
2	1521030156	Lê Tuấn	Anh	25/04/1997	3032				
3	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	3033				
4	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/09/1998	3034				
5	1624010968	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	30/08/1998	3035				
6	1624010891	Đỗ Thị Thuỳ	Dung	20/04/1998	3036				
7	1624010128	Vũ Nguyên	Dũng	23/11/1998	3037				
8	1624010633	Bùi Thị	Hà	06/08/1998	3038				
9	1624010961	Bùi Thị	Hà	14/11/1998	3039				
10	1624010796	Đặng Thị Thu	Hà	03/11/1998	3040				
11	1624010510	Nguyễn Thị	Hạnh	20/06/1998	3041				
12	1624010162	Bá Thị Thanh	Hào	28/06/1998	3042				
13	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	3043				
14	1624010655	Hoàng Thị	Hiền	17/09/1998	3044				
15	1624010172	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1998	3045				
16	1624010917	Trần Thị	Hoa	01/12/1998	3046				
17	1624010682	Trình Thị	Hoài	10/10/1998	3047				
18	1624010624	Nguyễn Ngọc	Hoàng	05/10/1998	3048				
19	1624010511	Trần Thị Thu	Hương	10/03/1998	3049				
20	1624010726	Đỗ Quang	Huy	30/04/1998	3050				
21	1624010046	Nguyễn Văn	Huy	18/11/1998	3051				
22	1624010542	Công Thị	Huyền	19/03/1998	3052				
23	1624010177	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/03/1998	3053				
24	1421050470	Dương Thị	Lan	10/11/1996	3054				
25	1624010946	Nguyễn Hồng	Liên	11/06/1998	3055				
26	1624010941	Ngô Thị Khánh	Linh	02/09/1998	3056				
27	1624010239	Nguyễn Thị Diệu	Linh	09/11/1998	3057				
28	1624010506	Nguyễn Thị Phụng	Linh	16/04/1998	3058				
29	1624010896	Nguyễn Thùy	Linh	09/10/1997	3059				
30	1624010388	Phạm Thị	Linh	28/07/1998	3060				
31	1624010376	Phạm Thị Mỹ	Linh	27/09/1998	3061				
32	1624010161	Vũ Thị Khánh	Ly	02/08/1998	3062				
33	1614010021	Đặng Thị	Mai	28/12/1998	3063				
34	1624010678	Nguyễn Thị	Mai	08/10/1998	3064				
35	1624010399	Nguyễn Thị Thanh	Mai	19/01/1998	3065				
36	1621030267	Lê Trường	Nam	20/03/1998	3066				
37	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	3067				
38	1624010563	Nguyễn Thị	Nga	06/04/1998	3068				
39	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	3069				
40	1621030247	Lê Thị Kim	Ngân	03/07/1998	3070				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070102 Nhóm: 111_4070102_1 Tổ thi: 001_111_4070102_1 Tên HP: Kinh tế vĩ mô
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	3071				
42	1624010587	Nguyễn Thị	Ngọc	01/05/1998	3072				
43	1624010649	Lê Ánh	Nguyệt	21/10/1998	3073				
44	1624010630	Lộ Thị	Nhàn	06/08/1998	3074				
45	1624010227	Ngô Thị Minh	Phương	07/03/1998	3075				
46	1624010293	Nguyễn Trung	Quyết	12/11/1998	3076				
47	1624010295	Nguyễn Thị	Thanh	16/06/1998	3077				
48	1624010741	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/11/1998	3078				
49	1624010470	Đỗ Phương	Thảo	24/04/1998	3079				
50	1614010031	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/1998	3080				
51	1624010095	Nguyễn Thu	Thảo	20/05/1998	3081				
52	1614010019	Phạm Thu	Thảo	16/07/1998	3082				
53	1624010555	Trần Phương	Thảo	28/08/1998	3083				
54	1624010151	Phạm Thị Hồng	Thơm	16/01/1998	3084				
55	1624010071	Lê Thị Thu	Thủy	27/04/1997	3085				
56	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	3086				
57	1624010575	Lê Thị Thu	Trà	19/03/1998	3087				
58	1624010113	Đỗ Huyền	Trang	20/11/1998	3088				
59	1624010475	Lê Thị	Trang	16/10/1998	3089				
60	1624010519	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/08/1998	3090				
61	1624010084	Nguyễn Thuỳ	Trang	23/06/1998	3091				
62	1624010561	Lương Minh	Tú	07/06/1998	3092				
63	1624010604	Nguyễn Thị	Vui	02/10/1998	3093				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 111_4070103_1 Tổ thi: 001_111_4070103_1 Tên HP: Kinh tế lượng
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050045	Nguyễn Văn	An	06/09/1997	3094				
2	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	3095				
3	1624010963	Đặng Thu	Anh	24/01/1998	3096				
4	1324010005	Đoàn Phương	Anh	24/03/1995	3097				
5	1624010297	Lê Mai	Anh	26/08/1998	3098				
6	1624010070	Lê Thị Ngọc	Anh	27/11/1998	3099				
7	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	3100				
8	1624010705	Nguyễn Thị	Anh	10/05/1998	3101				
9	1624010053	Trần Tiến	Anh	25/09/1998	3102				
10	1624010173	Trần Việt Hoàng	Anh	09/06/1998	3103				
11	1624010926	Kiều Thị Ngọc	Ánh	15/11/1998	3104				
12	1621050452	Trần Quốc	Bảo	02/03/1998	3105				
13	1624010778	Phạm Thị	Bích	23/01/1998	3106				
14	1624010034	Nguyễn Văn	Cường	04/11/1998	3107				
15	1624010296	Hà Minh	Đức	07/12/1998	3108				
16	1624010074	Vũ Minh	Đức	28/06/1998	3109				
17	1624010266	Nguyễn Thị	Dung	04/04/1998	3110				
18	1624010486	Nguyễn Thị Thùy	Dung	05/08/1998	3111				
19	1624011047	Vũ Thị Kim	Dung	09/03/1998	3112				
20	1624010128	Vũ Nguyên	Dũng	23/11/1998	3113				
21	1624010025	Nguyễn Ngọc	Dương	09/09/1998	3114				
22	1521059001	Dương Tuấn	Duy	/ /19 3	3115				
23	1624010465	Cao Thị Hương	Giang	09/11/1998	3116				
24	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	3117				
25	1624010454	Nguyễn Kim	Giang	22/01/1998	3118				
26	1624010775	Phạm Thị Hương	Giang	16/08/1998	3119				
27	1624010796	Đặng Thị Thu	Hà	03/11/1998	3120				
28	1624010688	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/1998	3121				
29	1421050058	Nguyễn Hữu	Hải	16/12/1995	3122				
30	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	3123				
31	1624010729	Bùi Thị	Hằng	03/03/1998	3124				
32	1624010140	Lê Thị	Hằng	26/06/1998	3125				
33	1321050070	Phan Thị	Hằng	12/10/1995	3126				
34	1624010079	Vũ Thị Thúy	Hằng	26/08/1998	3127				
35	1521050260	Doãn Thị	Hạnh	14/06/1997	3128				
36	1621080705	Đoàn Thị	Hạnh	13/12/1998	3129				
37	1624010162	Bá Thị Thanh	Hào	28/06/1998	3130				
38	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	3131				
39	1624010916	Đinh Thị	Hiền	07/10/1998	3132				
40	1624010655	Hoàng Thị	Hiền	17/09/1998	3133				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 111_4070103_1 Tổ thi: 002_111_4070103_1 Tên HP: Kinh tế lượng
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010719	Nguyễn Thị	Hiền	07/08/1998	3134				
2	1521050307	Nguyễn Đức	Hiếu	19/11/1997	3135				
3	1624010172	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1998	3136				
4	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/01/1997	3137				
5	1624010738	Nguyễn Duy	Hóa	14/06/1998	3138				
6	1624010768	Đặng Thị Thu	Hòa	04/04/1998	3139				
7	1624010682	Trình Thị	Hoài	10/10/1998	3140				
8	1624010156	Đinh Văn	Hoàng	10/01/1998	3141				
9	1624010139	Nguyễn Huy	Hoàng	13/09/1998	3142				
10	1624010624	Nguyễn Ngọc	Hoàng	05/10/1998	3143				
11	1624010086	Mai Thị	Huế	15/07/1998	3144				
12	1624010791	Hoàng Phi	Hùng	18/02/1998	3145				
13	1624010032	Lê Thị Lan	Hương	23/08/1998	3146				
14	1624010606	Lê Thị Thanh	Hương	03/08/1998	3147				
15	1624010049	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1998	3148				
16	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	31/10/1998	3149				
17	1624010711	Nguyễn Thị Thu	Hương	05/02/1998	3150				
18	1624010127	Hoàng Thị	Hường	26/05/1998	3151				
19	1624010726	Đỗ Quang	Huy	30/04/1998	3152				
20	1524010446	Phạm Doãn	Huy	10/11/1996	3153				
21	1624010565	Nguyễn Minh	Huyền	20/12/1998	3154				
22	1624010160	Nguyễn Ngọc	Huyền	17/10/1998	3155				
23	1624010691	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	10/07/1998	3156				
24	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1997	3157				
25	1624010177	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/03/1998	3158				
26	1624010899	Phạm Thị Thanh	Huyền	03/06/1998	3159				
27	1624010355	Trần Thị	Huyền	08/07/1998	3160				
28	1624010109	Trần Thu	Huyền	20/04/1997	3161				
29	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	3162				
30	1624010999	Saiychai	KHAMPHA	05/05/1992	3163				
31	1624010126	Vũ Đức	Kiên	31/08/1998	3164				
32	1624010983	Đỗ Sơn	Lâm	27/03/1998	3165				
33	1524010456	Phạm Văn	Lâm	06/07/1997	3166				
34	1421050470	Dương Thị	Lan	10/11/1996	3167				
35	1624010238	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/06/1998	3168				
36	1624010298	Phạm Thị	Lan	06/06/1998	3169				
37	1624010550	Tổng Thị Ngọc	Lan	26/02/1998	3170				
38	1624010586	Trần Thị	Lan	02/04/1998	3171				
39	1421050104	Lê Thị	Lệ	18/04/1995	3172				
40	1624010620	Nguyễn Tú	Lệ	09/01/1998	3173				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 111_4070103_1 Tổ thi: 002_111_4070103_1 Tên HP: Kinh tế lượng
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010735	Bùi Quang	Linh	03/01/1998	3174				
42	1624010097	Nguyễn Mai	Linh	21/03/1998	3175				
43	1624010239	Nguyễn Thị Diệu	Linh	09/11/1998	3176				
44	1624011003	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	14/02/1998	3177				
45	1624010506	Nguyễn Thị Phương	Linh	16/04/1998	3178				
46	1624010576	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/05/1997	3179				
47	1624010896	Nguyễn Thùy	Linh	09/10/1997	3180				
48	1624010164	Nguyễn Văn	Linh	06/02/1998	3181				
49	1624010241	Phạm Thị	Linh	08/02/1998	3182				
50	1624010155	Nguyễn Thị	Loan	02/08/1998	3183				
51	1624010382	Nguyễn Thị	Loan	22/04/1998	3184				
52	1624010492	Nguyễn Thị	Luyến	17/02/1998	3185				
53	1624010978	Phạm Lưu	Ly	22/10/1998	3186				
54	1624010490	Nguyễn Hoa	Mai	14/10/1998	3187				
55	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	3188				
56	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	06/09/1997	3189				
57	1624010417	Phạm Thị	Mên	19/08/1998	3190				
58	1624010992	Lê Thị Trà	My	10/03/1998	3191				
59	1624010714	Hoàng Yến	Nga	10/10/1998	3192				
60	1521050101	Lê Thị	Nga	16/02/1997	3193				
61	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	3194				
62	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	3195				
63	1624011039	Trần Thị Hằng	Nga	03/01/1998	3196				
64	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	3197				
65	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	3198				
66	1624010587	Nguyễn Thị	Ngọc	01/05/1998	3199				
67	1624010649	Lê Ánh	Nguyệt	21/10/1998	3200				
68	1624010840	Phạm Thị Thu	Nguyệt	15/06/1998	3201				
69	1624010291	Hà Thị Bích	Nhân	12/04/1998	3202				
70	1624010287	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/02/1998	3203				
71	1624010248	Phí Hồng	Phát	02/12/1998	3204				
72	1524010263	Trần Thu	Phong	07/10/1997	3205				
73	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	02/12/1998	3206				
74	1624010361	Hoàng Thị Lam	Phương	08/06/1998	3207				
75	1624010962	Nguyễn Kim	Quy	18/12/1998	3208				
76	1624010260	Nguyễn Thị	Quyên	20/12/1998	3209				
77	1624010293	Nguyễn Trung	Quyết	12/11/1998	3210				
78	1624010256	Đinh Thị	Quỳnh	11/12/1997	3211				
79	1624011046	Nguyễn Quang	Sáng	04/09/1998	3212				
80	1514010001	Trương Thị	Tâm	23/09/1997	3213				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 111_4070103_1 Tổ thi: 002_111_4070103_1 Tên HP: Kinh tế lượng
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421050179	Ngô Bá	Tân	07/02/1996	3214				
82	1624010174	Trần Văn	Thăng	30/06/1998	3215				
83	1624010041	Bùi Sỹ	Thắng	04/04/1998	3216				
84	1521050050	Ngô Thế	Thắng	30/10/1997	3217				
85	1624010077	Nguyễn Văn	Thắng	19/06/1997	3218				
86	1624010516	Vũ Thị Huyền	Thanh	11/05/1998	3219				
87	1624010048	Đỗ Phương	Thảo	07/01/1998	3220				
88	1624010555	Trần Phương	Thảo	28/08/1998	3221				
89	1624010151	Phạm Thị Hồng	Thơm	16/01/1998	3222				
90	1624010083	Nguyễn Thanh	Thư	23/05/1998	3223				
91	1524010283	Hoàng Thu	Thủy	16/10/1996	3224				
92	1611060701	Vũ Đức	Toàn	15/11/1998	3225				
93	1624010052	Hoàng Thị Vân	Trang	27/06/1998	3226				
94	1624010323	Ngô Đoan	Trang	04/06/1998	3227				
95	1624010519	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/08/1998	3228				
96	1624010733	Phan Việt	Trình	25/10/1998	3229				
97	1624010116	Lương Văn	Trù	08/06/1998	3230				
98	1624010064	Đỗ Văn	Trung	02/06/1998	3231				
99	1624010715	Trương Văn	Trưởng	21/08/1997	3232				
100	1521050200	Mai Việt	Trưởng	06/05/1997	3233				
101	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/1994	3234				
102	1624010208	Trần Minh	Tuấn	27/09/1998	3235				
103	1624010656	Vàng Thị	Tươi	02/06/1998	3236				
104	1524010134	Hoàng Thị Ngọc	Tuyết	03/08/1997	3237				
105	1624010023	Phạm Thị Tố	Uyên	05/09/1998	3238				
106	1624010175	Cung Minh Tuấn	Việt	02/04/1998	3239				
107	1624010302	Hoàng Quốc	Việt	09/01/1998	3240				
108	1624010314	Vũ Đức	Việt	28/01/1998	3241				
109	1624010760	Ngô Thế	Vinh	23/03/1998	3242				
110	1624010589	Võ Thị	Vui	20/04/1998	3243				
111	1611060021	Phan Quốc	Vương	28/01/1998	3244				
112	1521050011	Nguyễn Thị	Xuân	03/01/1997	3245				
113	1624010198	Phạm Thị Thanh	Xuân	04/05/1998	3246				
114	1524010142	Trần Thị	Yên	12/06/1997	3247				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070111 Nhóm: 111_4070111_1 Tổ thi: 001_111_4070111_1 Tên HP: Tin học ứng dụng trong kinh tế
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD303** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010323	Bùi Phương	Hà	10/10/1997	3248				
2	1424010380	Lê Thị	Hương	19/05/1996	3249				
3	1624010999	Saiychai	KHAMPHA	05/05/1992	3250				
4	1524010064	Phạm Duy	Linh	19/07/1995	3251				
5	1424010139	Bùi Thị	Nhâm	22/02/1996	3252				
6	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/05/1997	3253				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070202 Nhóm: 111_4070202_1 Tổ thi: 001_111_4070202_1 Tên HP: Định mức kinh tế kỹ thuật trong đoạ
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	3254				
2	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	3255				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070303 Nhóm: 111_4070303_1 Tổ thi: 001_111_4070303_1 Tên HP: Kinh tế công nghiệp
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010023	Đoàn Xuân	Du	07/12/1995	3256				
2	1424010599	Trần Ngọc	Trâm	18/01/1996	3257				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070307 Nhóm: 111_4070307_1 Tổ thi: 001_111_4070307_1 Tên HP: Quản trị dự án đầu tư
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA308 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010082	Ngô Thị Minh	Châu	28/04/1997	3258				
2	1624010266	Nguyễn Thị	Dung	04/04/1998	3259				
3	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	3260				
4	1524010574	Võ Xuân	Hiên	17/12/1997	3261				
5	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	04/11/1997	3262				
6	1524010445	Nguyễn Tiến Quang	Huy	25/08/1997	3263				
7	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	3264				
8	1524010060	Phạm Hồng	Nam	02/06/1997	3265				
9	1524010023	Nguyễn Thị	Ngân	24/05/1996	3266				
10	1524010615	Phạm Thị Bảo	Ngọc	24/07/1997	3267				
11	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/05/1997	3268				
12	1524010495	Trần Thị	Phượng	19/04/1996	3269				
13	1524010040	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/06/1997	3270				
14	1524010003	Nguyễn Công	Sơn	13/09/1997	3271				
15	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	3272				
16	1524010520	Nguyễn Thị	Thúy	26/08/1997	3273				
17	1524010536	Nguyễn Quỳnh	Trang	18/05/1997	3274				
18	1524010037	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/10/1997	3275				
19	1524010061	Nông Thị Thu	Trang	14/08/1997	3276				
20	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	3277				
21	1524010549	Phạm Tiến	Tuân	06/06/1996	3278				
22	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	3279				
23	1524010563	Nguyễn Văn	Vinh	18/10/1997	3280				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070309 Nhóm: 111_4070309_1 Tổ thi: 001_111_4070309_1 Tên HP: Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA303 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/1995	3281				
2	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	08/11/1995	3282				
3	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/1996	3283				
4	1421030268	Nguyễn Xuân	ánh	07/06/1995	3284				
5	1424010025	Trần Anh	Dũng	23/12/1996	3285				
6	1424010350	Hoàng Hữu	Hoan	03/11/1996	3286				
7	1424010057	Hà Ngọc	Hoàn	09/12/1996	3287				
8	1424010087	Lê Thị Thanh	Hường	04/09/1996	3288				
9	1424010370	Phạm Thị	Huyền	25/01/1996	3289				
10	1424010124	Lê Ngọc	Minh	28/12/1995	3290				
11	1424010641	Trần Thị Hồng	Nhung	25/04/1996	3291				
12	1424010491	Nguyễn Hoàng	Oanh	04/08/1996	3292				
13	1424010513	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/09/1996	3293				
14	1424010167	Trần Thanh	Sang	01/07/1996	3294				
15	1424010184	Trần Đắc Ngọc	Thắng	30/05/1994	3295				
16	1421020568	Kim Thị	Thảo	08/02/1996	3296				
17	1424010191	Cao Thị	Thúy	21/11/1996	3297				
18	1524010628	Dương Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	3298				
19	1421040279	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	25/07/1996	3299				
20	1421050203	Bùi Quang	Tiến	27/12/1996	3300				
21	1424010572	Hoàng Trọng	Tĩnh	02/10/1996	3301				
22	1424010601	Đào Mạnh	Trí	29/09/1996	3302				
23	1421030597	Nguyễn Đình	Tú	10/02/1996	3303				
24	1421030621	Trần Thanh	Tùng	23/06/1993	3304				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070314 Nhóm: 111_4070314_1 Tổ thi: 001_111_4070314_1 Tên HP: Quản trị thương mại
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010598	Trần Thị	Trang	16/03/1996	3305				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070331 Nhóm: 111_4070331_1 Tổ thi: 001_111_4070331_1 Tên HP: Quản trị dự án đầu tư
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060578	Lò Sênh	Văng	08/06/1997	3306				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070401 Nhóm: 111_4070401_1 Tổ thi: 001_111_4070401_1 Tên HP: Nguyên lý kế toán
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010105	Đỗ Thị Lan	Anh	16/01/1997	3307				
2	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/1996	3308				
3	1624011004	Trần Duy	Đạt	20/09/1998	3309				
4	1321020072	Trần Duy	Đông	29/08/1991	3310				
5	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	04/11/1996	3311				
6	1624010606	Lê Thị Thanh	Hương	03/08/1998	3312				
7	1421050096	Nguyễn Ngọc	Khánh	20/08/1996	3313				
8	1631040003	Vũ Chí	Khánh	30/06/1991	3314				
9	1321050106	Bùi Quang	Khoa	19/12/1994	3315				
10	1321040149	Lê Đắc	Kiên	06/10/1994	3316				
11	1421050461	Nguyễn Đình	Kiên	26/11/1996	3317				
12	1524010064	Phạm Duy	Linh	19/07/1995	3318				
13	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	3319				
14	1614010021	Đặng Thị	Mai	28/12/1998	3320				
15	1421050150	Bùi Đăng	Ninh	15/07/1996	3321				
16	1614010032	Phạm Thị	Thêm	14/03/1998	3322				
17	1321050199	Nguyễn Xuân	Thủy	19/04/1994	3323				
18	1524010298	Ngô Thị	Trang	09/11/1997	3324				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4070423 Nhóm: 111_4070423_1 Tổ thi: 001_111_4070423_1 Tên HP: Kế toán thương mại dịch vụ
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB201 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/1995	3325				
2	1224010134	Nguyễn Thị	Hương	14/08/1993	3326				
3	1424010106	Trần Thị Tài	Linh	08/07/1996	3327				
4	1421040552	Lý Anh	Tú	09/07/1996	3328				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080101 Nhóm: 111_4080101_1 Tổ thi: 001_111_4080101_1 Tên HP: Nguyên lý Hệ điều hành + BTL
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050322	Phạm Trường	An	04/10/1998	3329				
2	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	3330				
3	1621050484	Phạm Tuấn	Anh	27/10/1998	3331				
4	1621050383	Vũ Quang Tuấn	Anh	07/10/1998	3332				
5	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	3333				
6	1621050152	Đặng Thị	Biên	24/04/1998	3334				
7	1621050305	Nguyễn Thị	Chi	23/08/1998	3335				
8	1621050240	Phùng Thế	Đại	15/10/1998	3336				
9	1621050729	Đoàn Thành	Đạt	24/12/1998	3337				
10	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	09/10/1998	3338				
11	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	3339				
12	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	3340				
13	1621050252	Trương Thành	Đức	27/09/1998	3341				
14	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	3342				
15	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	3343				
16	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	3344				
17	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	3345				
18	1621050807	Lê Văn	Hoàng	18/07/1998	3346				
19	1621050400	Nguyễn Huy	Hồng	29/12/1998	3347				
20	1621050375	Lê Văn	Hùng	04/06/1996	3348				
21	1621050221	Trần Khải	Hung	14/12/1998	3349				
22	1621050033	Nguyễn Quang	Huy	02/10/1998	3350				
23	1621050795	Mai Thị	Huyền	29/12/1998	3351				
24	1621050569	Phan Duy	Kiên	30/08/1998	3352				
25	1621050821	Phạm Văn	Long	31/10/1998	3353				
26	1621050741	Kiều Thế	Mạnh	29/01/1998	3354				
27	1621050313	Phạm Văn	Minh	03/05/1998	3355				
28	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	3356				
29	1621050172	Bùi Văn	Phúc	21/05/1998	3357				
30	1621050266	Đỗ Thanh	Phuong	13/10/1998	3358				
31	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/1997	3359				
32	1621050460	Hoàng Văn	Tá	06/03/1998	3360				
33	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	3361				
34	1621050337	Nguyễn Đức	Thu	27/11/1994	3362				
35	1621050587	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/11/1998	3363				
36	1521050049	Phạm Xuân	Thụy	31/03/1997	3364				
37	1521050190	Lê Văn	Tình	28/09/1996	3365				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080106 Nhóm: 111_4080106_1 Tổ thi: 001_111_4080106_1 Tên HP: Phát triển ứng dụng Web + BTL
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA304 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050158	Lê Tuấn	Anh	25/05/1997	3366				
2	1521050041	Nguyễn Mạnh	Cường	17/01/1997	3367				
3	1511050009	Nguyễn Văn	Đặng	19/09/1997	3368				
4	1521050058	Ngô Văn	Đạt	16/07/1997	3369				
5	1521050295	Hoàng Anh	Đức	09/01/1997	3370				
6	1521050007	Đào Trung	Hiếu	26/05/1997	3371				
7	1521050030	Phùng Thị Ngọc	Lan	11/02/1997	3372				
8	1521050536	Đặng Thị Mai	Linh	29/08/1997	3373				
9	1521050104	Phạm Thế	Phan	15/10/1996	3374				
10	1521050076	Nguyễn An	Sơn	04/10/1997	3375				
11	1521050025	Văn Tiến	Thắng	05/12/1997	3376				
12	1511050007	Phạm Anh	Thư	21/09/1995	3377				
13	1521050314	Đặng Đức	Tôn	03/07/1997	3378				
14	1521050125	Phạm Văn	Tốt	06/11/1997	3379				
15	1121050328	Đào Anh	Tuấn	10/06/1993	3380				
16	1521050133	Đỗ Thành	Tuyên	17/05/1997	3381				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080110 Nhóm: 111_4080110_1 Tổ thi: 001_111_4080110_1 Tên HP: Mã nguồn mở
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050062	Chu Thị Thanh	Hằng	01/06/1996	3382				
2	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/1995	3383				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080206 Nhóm: 111_4080206_1 Tổ thi: 001_111_4080206_1 Tên HP: Cơ sở dữ liệu
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA303 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050019	Vũ Đức	Bình	14/04/1995	3384				
2	1611050020	Lê Thành	Đạt	29/08/1998	3385				
3	1611050010	Trần Xuân	Hạnh	09/12/1998	3386				
4	1621050220	Bùi Minh	Hiếu	18/04/1998	3387				
5	1521050123	Nguyễn Tuấn	Hưng	24/06/1997	3388				
6	1621050842	Lê Quang	Huy	29/01/1998	3389				
7	1621050349	Trần Quốc	Huy	02/06/1998	3390				
8	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	3391				
9	1621050611	Bùi Đức	Lương	10/05/1998	3392				
10	1621050551	Trần Công	Minh	01/11/1997	3393				
11	1621050602	Nguyễn Mạnh	Nghĩa	27/05/1998	3394				
12	1621050468	Lê Anh	Ngọc	22/06/1998	3395				
13	1421050535	Nguyễn Đại	Nhân	29/12/1994	3396				
14	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	3397				
15	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	3398				
16	1621050629	Bùi Nhật	Quang	25/10/1998	3399				
17	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	3400				
18	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	3401				
19	1621050601	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1998	3402				
20	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	3403				
21	1621050107	Đình Ngọc	Thành	11/11/1998	3404				
22	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	17/07/1998	3405				
23	1521050234	Trần Thị Thu	Thảo	14/08/1997	3406				
24	1621050764	Trịnh Việt	Thiên	25/11/1998	3407				
25	1621050566	Nguyễn Hữu	Thịnh	22/06/1998	3408				
26	1621050450	Nguyễn Phú	Thuận	06/11/1998	3409				
27	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	3410				
28	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	02/03/1996	3411				
29	1621050332	Phạm Văn	Tú	18/05/1998	3412				
30	1621050547	Lê Minh	Tuấn	21/10/1998	3413				
31	1521050281	Phạm Anh	Tuấn	20/09/1997	3414				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080707 Nhóm: 111_4080707_1 Tổ thi: 001_111_4080707_1 Tên HP: Lập trình mạng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050214	Trần Thanh	Toàn	18/09/1996	3415				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080709 Nhóm: 111_4080709_1 Tổ thi: 001_111_4080709_1 Tên HP: Kiến trúc máy tính
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	01/10/1997	3416				
2	1521020202	Trần Minh	Hiếu	05/08/1997	3417				
3	1621050807	Lê Văn	Hoàng	18/07/1998	3418				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090107 Nhóm: 111_4090107_1 Tổ thi: 001_111_4090107_1 Tên HP: An toàn điện
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060027	Đoàn Tiến	Dũng	22/09/1997	3419				
2	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/1996	3420				
3	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/1997	3421				
4	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	3422				
5	1621060881	Nguy Hữu	Quang	15/02/1998	3423				
6	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	04/10/1996	3424				
7	1421060322D	Lý Láo	San	03/07/1995	3425				
8	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	3426				
9	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/1994	3427				
10	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	3428				
11	1521060032	Đỗ Chiến	Thắng	27/10/1997	3429				
12	1521060317	Trần Chiến	Thắng	29/04/1997	3430				
13	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	3431				
14	1521060057	Trần Anh	Tuân	17/09/1997	3432				
15	1521060246	Nguyễn Thanh	Tùng	30/01/1997	3433				
16	1521060138	Đình Quang	Vũ	22/10/1997	3434				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090121 Nhóm: 111_4090121_1 Tổ thi: 001_111_4090121_1 Tên HP: Máy điện
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	3435				
2	1321060037	Bùi Cao	Cường	06/09/1995	3436				
3	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	3437				
4	1521060046	Phan Văn	Đạo	28/08/1997	3438				
5	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	3439				
6	1321030519	Lê Anh	Đức	14/11/1995	3440				
7	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	3441				
8	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	3442				
9	1521060263	Nguyễn Đình	Dũng	26/12/1997	3443				
10	1521060294	Nguyễn Ngọc	Hân	11/10/1997	3444				
11	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	3445				
12	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	06/12/1997	3446				
13	1521060141	Vũ Mạnh	Hung	23/01/1997	3447				
14	1521060288	Nguyễn văn	Huỳnh	09/03/1997	3448				
15	1521060137	Phạm Phi	Long	03/01/1997	3449				
16	1321060566	Lê Xuân	Nam	08/02/1995	3450				
17	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/1997	3451				
18	1521060165	Bùi Đức	Phuong	23/06/1997	3452				
19	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	3453				
20	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/1997	3454				
21	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/1997	3455				
22	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	3456				
23	1521060014	Mạc Duy	Thảo	25/08/1997	3457				
24	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	3458				
25	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	3459				
26	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	3460				
27	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/1996	3461				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090126 Nhóm: 111_4090126_1 Tổ thi: 001_111_4090126_1 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	3462				
2	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/1997	3463				
3	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	3464				
4	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	3465				
5	1421040062	Lê Tất	Đạt	13/01/1995	3466				
6	1421040385	Phạm Công	Doanh	18/02/1996	3467				
7	1521040233	Đào Thanh	Hải	28/07/1997	3468				
8	1421040119	Quách Duy	Hoàng	18/09/1996	3469				
9	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	3470				
10	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	3471				
11	1421040170	Phạm Đức	Long	12/06/1996	3472				
12	1421040182	Phương Tiến	Mạnh	30/10/1996	3473				
13	1421040462	Đỗ Hồng	Nam	30/08/1996	3474				
14	1421040473	Lê Trọng	Phú	30/04/1996	3475				
15	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	3476				
16	1421040216	Nguyễn Văn	Phương	30/03/1995	3477				
17	1421040001L	Tiphathai	POMMALA	01/03/1993	3478				
18	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	3479				
19	1421040226	Nguyễn Ngọc	Quyền	11/12/1996	3480				
20	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	3481				
21	1421040501	Nguyễn Văn	Sơn	13/07/1996	3482				
22	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/1996	3483				
23	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	03/07/1996	3484				
24	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	3485				
25	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/1997	3486				
26	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/03/1995	3487				
27	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	3488				
28	1421040532	Lê Hữu	Tình	30/08/1996	3489				
29	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	3490				
30	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	3491				
31	1421040550	Mai Văn	Trưởng	18/04/1996	3492				
32	1421011400	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/1994	3493				
33	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	3494				
34	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	3495				
35	1621060578	Lò Sênh	Văng	08/06/1997	3496				
36	1421040348	Lê	Vũ	07/09/1996	3497				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090202 Nhóm: 111_4090202_1 Tổ thi: 001_111_4090202_1 Tên HP: Lý thuyết điều khiển tự động + BTL
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD302 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060129	Nguyễn Minh	Châu	26/02/1997	3498				
2	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	3499				
3	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	3500				
4	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	3501				
5	1521060135	Hà Văn	Hùng	28/08/1997	3502				
6	1521060161	Vũ Minh	Hung	03/05/1997	3503				
7	1521060451	Nguyễn Văn	Huy	05/05/1997	3504				
8	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	02/08/1997	3505				
9	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	3506				
10	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/1997	3507				
11	1521060064	Mạc Duy	Phuong	06/10/1997	3508				
12	1521060278	Đậu Xuân	Thịnh	16/04/1997	3509				
13	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/1997	3510				
14	1521060217	Phạm Đình	Trung	21/05/1996	3511				
15	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/1997	3512				
16	1421060311	Nguyễn Duy	Tư	15/01/1995	3513				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090203 Nhóm: 111_4090203_1 Tổ thi: 001_111_4090203_1 Tên HP: Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030245	Lê Đức	Anh	29/04/1996	3514				
2	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/1995	3515				
3	1421020255	Nguyễn Mạnh	Cường	09/08/1996	3516				
4	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/1996	3517				
5	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	05/03/1995	3518				
6	1421060072	Nguyễn Văn	Đăng	30/06/1996	3519				
7	1421060066	Lê Văn	Đạt	05/02/1995	3520				
8	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	3521				
9	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	3522				
10	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	3523				
11	1421060357	Phạm Văn	Du	20/06/1996	3524				
12	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	3525				
13	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/1996	3526				
14	1421060093	Vũ Hồng	Hải	15/11/1996	3527				
15	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	3528				
16	1421060100	Dương Trung	Hiếu	27/05/1995	3529				
17	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/1995	3530				
18	1421060432	Nguyễn Văn	Hoạt	09/07/1996	3531				
19	1421060439	Lê Đình	Hùng	03/11/1995	3532				
20	1421060450	Tô Quang	Huy	19/03/1995	3533				
21	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/1996	3534				
22	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/1995	3535				
23	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	3536				
24	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	3537				
25	1421060213	Vũ Minh	Phương	28/07/1996	3538				
26	1421060532	Đỗ Thanh	Quang	12/06/1996	3539				
27	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	3540				
28	1421060257	Nguyễn Văn	Thắng	26/07/1996	3541				
29	1421060251	Nguyễn Tiến	Thành	04/10/1996	3542				
30	1421060270	Nguyễn Minh	Tiến	19/05/1995	3543				
31	1421030599	Nguyễn Thành	Tú	25/08/1996	3544				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090205 Nhóm: 111_4090205_1 Tổ thi: 001_111_4090205_1 Tên HP: Hệ vi xử lý và máy tính + BTL
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	3545				
2	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	3546				
3	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	3547				
4	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	3548				
5	1521060067	Nguyễn Quý	Đức	30/01/1996	3549				
6	1511060004	Nguyễn Việt	Đức	08/01/1997	3550				
7	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/1997	3551				
8	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	3552				
9	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	3553				
10	1611060023	Nguyễn Ngọc	Hải	24/01/1998	3554				
11	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/1996	3555				
12	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	3556				
13	1511060020	Hoàng Văn	Hung	28/09/1997	3557				
14	1521060161	Vũ Minh	Hung	03/05/1997	3558				
15	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	3559				
16	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/1997	3560				
17	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	3561				
18	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	3562				
19	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	3563				
20	1521060054	Nguyễn Trọng	Tấn	21/10/1997	3564				
21	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	3565				
22	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	3566				
23	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/1997	3567				
24	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	3568				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090206 Nhóm: 111_4090206_1 Tổ thi: 001_111_4090206_1 Tên HP: Kỹ thuật đo lường + TH
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	3569				
2	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	02/06/1996	3570				
3	1521060134	Nguyễn Xuân	Nam	01/04/1997	3571				
4	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	02/12/1998	3572				
5	1521060278	Đậu Xuân	Thịnh	16/04/1997	3573				
6	1611060701	Vũ Đức	Toàn	15/11/1998	3574				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090208 Nhóm: 111_4090208_1 Tổ thi: 001_111_4090208_1 Tên HP: Điều khiển mờ và mạng noron
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	3575				
2	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	3576				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090209 Nhóm: 111_4090209_1 Tổ thi: 001_111_4090209_1 Tên HP: Điều khiển số
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/1996	3577				
2	1421060238	Phạm Văn	Tàu	04/06/1996	3578				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090210 Nhóm: 111_4090210_1 Tổ thi: 001_111_4090210_1 Tên HP: Các hệ thống rời rạc
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD302 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020255	Nguyễn Mạnh	Cường	09/08/1996	3579				
2	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/1996	3580				
3	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	05/03/1995	3581				
4	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	3582				
5	1421060357	Phạm Văn	Du	20/06/1996	3583				
6	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/1996	3584				
7	1421060110	Trần Văn	Hòa	26/11/1996	3585				
8	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	05/03/1996	3586				
9	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/04/1997	3587				
10	1421060202	Nguyễn Văn	Ninh	26/06/1996	3588				
11	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/1995	3589				
12	1421060233	Vũ Xuân	Sơn	31/03/1996	3590				
13	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	3591				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090212 Nhóm: 111_4090212_1 Tổ thi: 001_111_4090212_1 Tên HP: Mô hình hoá và mô phỏng quá trình
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD302** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030245	Lê Đức	Anh	29/04/1996	3592				
2	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/1995	3593				
3	1421060066	Lê Văn	Đạt	05/02/1995	3594				
4	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	3595				
5	1421060079	Bùi Văn	Đức	05/04/1996	3596				
6	1421030329	Nguyễn Hoàng	Giang	13/02/1994	3597				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090213 Nhóm: 111_4090213_1 Tổ thi: 001_111_4090213_1 Tên HP: Điện tử công suất
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA409 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	3598				
2	1421060021	Phùng Văn	Bằng	13/08/1996	3599				
3	1421060034	Vũ Đức	Chính	21/08/1995	3600				
4	1421030029	Vũ Đình	Cường	15/12/1995	3601				
5	1421060888	Vũ Thành	Đạt	25/02/1996	3602				
6	1421060048	Hồ Bá	Dũng	01/07/1996	3603				
7	1421060052	Trần Khắc	Dũng	17/08/1995	3604				
8	1421060059	Đỗ Đức	Dương	14/05/1996	3605				
9	1421060098	Đặng Ngọc	Hiệp	21/10/1996	3606				
10	1421060112	Đỗ Lê	Hoàng	26/01/1996	3607				
11	1421060436	Đỗ Mạnh	Hùng	14/08/1996	3608				
12	1421020410	Bùi Quốc	Khánh	30/09/1996	3609				
13	1421060461	Nguyễn Văn	Khánh	06/12/1995	3610				
14	1421060163	Nguyễn Xuân	Lộc	02/09/1996	3611				
15	1421060206	Trần Văn	Phiên	28/03/1996	3612				
16	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	07/12/1996	3613				
17	1421060272	Phạm Hữu	Tiến	12/04/1996	3614				
18	1221060144	Trần Văn	Tĩnh	03/05/1994	3615				
19	1421060318	Đỗ Quang	Vinh	19/09/1996	3616				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090214 Nhóm: 111_4090214_1 Tổ thi: 001_111_4090214_1 Tên HP: Cơ sở truyền động điện
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010003	Trần Văn	An	02/09/1996	3617				
2	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/1996	3618				
3	1421060037	Nguyễn Văn	Công	23/09/1996	3619				
4	1421060040	Mai Văn	Cương	09/12/1995	3620				
5	1421060349	Nguyễn Đăng	Cường	17/08/1996	3621				
6	1421010046	Thiều Viết	Cường	17/02/1996	3622				
7	1421010075	Nguyễn Minh	Đại	02/12/1996	3623				
8	1421060888	Vũ Thành	Đạt	25/02/1996	3624				
9	1421010049	Trần Văn	Diễn	11/03/1996	3625				
10	1421010087	Phạm Minh	Đức	27/07/1996	3626				
11	1421010088	Phạm Văn	Đức	29/07/1996	3627				
12	1421060048	Hồ Bá	Dũng	01/07/1996	3628				
13	1421010067	Đặng Thị Thùy	Dương	22/12/1996	3629				
14	1421010068	Đỗ Đức	Dương	09/05/1996	3630				
15	1421010098	Trần Thanh	Hải	26/11/1996	3631				
16	1421010106	Phạm Ngọc	Hậu	24/03/1996	3632				
17	1421060112	Đỗ Lê	Hoàng	26/01/1996	3633				
18	1421060436	Đỗ Mạnh	Hùng	14/08/1996	3634				
19	1421060146	Nguyễn Ngọc	Khang	01/12/1996	3635				
20	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/1996	3636				
21	1421060484	Bùi Văn	Luân	19/11/1995	3637				
22	1421060165	Dương Viết	Mạnh	15/06/1996	3638				
23	1421060657	Lê Hoài	Nam	01/02/1996	3639				
24	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	3640				
25	1421060518	Nguyễn Đăng	Ninh	11/03/1996	3641				
26	1421010264	Đỗ Văn	Quân	22/09/1996	3642				
27	1421060219	Hà Minh	Quyết	18/12/1996	3643				
28	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	3644				
29	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	3645				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090216 Nhóm: 111_4090216_1 Tổ thi: 001_111_4090216_1 Tên HP: Điều khiển tự động truyền động điện
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD302** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060084	Lê Thanh	Giang	11/07/1996	3646				
2	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	3647				
3	1421060500	Nguyễn Phương	Nam	28/08/1996	3648				
4	1421060233	Vũ Xuân	Sơn	31/03/1996	3649				
5	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	06/06/1996	3650				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090221 Nhóm: 111_4090221_1 Tổ thi: 001_111_4090221_1 Tên HP: Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	3651				
2	1631060050	Nguyễn Xuân	Anh	23/09/1994	3652				
3	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	3653				
4	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/1996	3654				
5	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	3655				
6	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	3656				
7	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/1997	3657				
8	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	3658				
9	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	3659				
10	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/1996	3660				
11	1521060141	Vũ Mạnh	Hung	23/01/1997	3661				
12	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/1997	3662				
13	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	3663				
14	1521060137	Phạm Phi	Long	03/01/1997	3664				
15	1521060021	Bùi Tuấn	Minh	10/12/1997	3665				
16	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/1995	3666				
17	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/1997	3667				
18	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/1997	3668				
19	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	3669				
20	1521060014	Mạc Duy	Thảo	25/08/1997	3670				
21	1521060234	Đinh Nguyên	Thế	09/04/1997	3671				
22	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	3672				
23	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	3673				
24	1621060928	Bùi Quang	Vũ	20/08/1997	3674				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090223 Nhóm: 111_4090223_1 Tổ thi: 001_111_4090223_1 Tên HP: Robot công nghiệp
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	3675				
2	1321040176	Trần Văn	Minh	15/04/1995	3676				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090224 Nhóm: 111_4090224_1 Tổ thi: 001_111_4090224_1 Tên HP: Phương pháp lập trình CNC
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	3677				
2	1321060501	Nguyễn Minh	Hoàng	13/03/1995	3678				
3	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	3679				
4	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	3680				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090226 Nhóm: 111_4090226_1 Tổ thi: 001_111_4090226_1 Tên HP: Chuyên đề 1+2
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB205 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	3681				
2	1631060050	Nguyễn Xuân	Anh	23/09/1994	3682				
3	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	3683				
4	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/1993	3684				
5	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	3685				
6	1321060274	Đỗ Duy	Thao	15/07/1994	3686				
7	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	3687				
8	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/1995	3688				
9	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/1994	3689				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090227 Nhóm: 111_4090227_1 Tổ thi: 001_111_4090227_1 Tên HP: Điện tử công suất + BTL
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	3690				
2	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	3691				
3	1521060016	Nguyễn Tuấn	Anh	23/06/1997	3692				
4	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	3693				
5	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	3694				
6	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	3695				
7	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/1996	3696				
8	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	3697				
9	1521060133	Hồ Mậu	Đại	13/06/1997	3698				
10	1521060046	Phan Văn	Đạo	28/08/1997	3699				
11	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	3700				
12	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	3701				
13	1511060004	Nguyễn Viết	Đức	08/01/1997	3702				
14	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/1997	3703				
15	1521060263	Nguyễn Đình	Dũng	26/12/1997	3704				
16	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	3705				
17	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	3706				
18	1521060294	Nguyễn Ngọc	Hân	11/10/1997	3707				
19	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	3708				
20	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	3709				
21	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	3710				
22	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/1996	3711				
23	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/1996	3712				
24	1511060020	Hoàng Văn	Hung	28/09/1997	3713				
25	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	3714				
26	1421060134	Trần Quốc	Huy	08/09/1996	3715				
27	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/1997	3716				
28	1521060084	Đào Văn	Khánh	20/09/1997	3717				
29	1521060019	Cao Thị Hồng	Khuyên	02/11/1997	3718				
30	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	3719				
31	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/1997	3720				
32	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/1994	3721				
33	1221060352	Phạm Xuân	Minh	19/05/1994	3722				
34	1521060055	Phạm Thị	Mơ	04/07/1997	3723				
35	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/1997	3724				
36	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/1996	3725				
37	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/1997	3726				
38	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	3727				
39	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	3728				
40	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	3729				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090227 Nhóm: 111_4090227_1 Tổ thi: 001_111_4090227_1 Tên HP: Điện tử công suất + BTL
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060300	Trần Minh	Phuong	24/10/1997	3730				
42	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	3731				
43	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	3732				
44	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/1997	3733				
45	1621060977	Luyện Văn	Tấn	01/02/1998	3734				
46	1521060005	Nguyễn Văn	Thăng	15/11/1997	3735				
47	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/1997	3736				
48	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	3737				
49	1521060014	Mạc Duy	Thảo	25/08/1997	3738				
50	1521060234	Đình Nguyên	Thế	09/04/1997	3739				
51	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	3740				
52	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	3741				
53	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	3742				
54	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/1996	3743				
55	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	3744				
56	1521060209	Phạm Văn	Tùng	02/12/1997	3745				
57	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	3746				
58	1521060295	Đình Quang	Vinh	24/07/1997	3747				
59	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	3748				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090255 Nhóm: 111_4090255_1 Tổ thi: 001_111_4090255_1 Tên HP: Truyền động điện
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **12** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	3749				
2	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	3750				
3	1511060004	Nguyễn Viết	Đức	08/01/1997	3751				
4	1121060030	Nguyễn Văn	Dương	26/08/1992	3752				
5	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	3753				
6	1611060023	Nguyễn Ngọc	Hải	24/01/1998	3754				
7	1511060020	Hoàng Văn	Hưng	28/09/1997	3755				
8	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	3756				
9	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/1996	3757				
10	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/1997	3758				
11	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	3759				
12	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	3760				
13	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	3761				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090305 Nhóm: 111_4090305_1 Tổ thi: 001_111_4090305_1 Tên HP: Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060033	Nguyễn Minh	Đức	09/10/1998	3762				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090401 Nhóm: 111_4090401_1 Tổ thi: 001_111_4090401_1 Tên HP: Nguyên lý máy + BTL
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB205 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/1997	3763				
2	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/1997	3764				
3	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/1997	3765				
4	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/05/1997	3766				
5	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/1997	3767				
6	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	3768				
7	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/1995	3769				
8	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1997	3770				
9	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/1997	3771				
10	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	3772				
11	1521060439	Đinh Văn	Lực	17/12/1997	3773				
12	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	3774				
13	1521060435	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	20/08/1997	3775				
14	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	3776				
15	1521010012	Hoàng Văn	Thanh	05/12/1997	3777				
16	1521010302	Đỗ Huy	Thiên	16/08/1997	3778				
17	1521010102	Phạm Quang	Thuận	08/08/1997	3779				
18	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	09/11/1997	3780				
19	1521010077	Hoàng Minh	Tuấn	12/01/1996	3781				
20	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	3782				
21	1521010080	Phạm Quốc	Việt	03/01/1997	3783				
22	1521010122	Hồ Tuấn	Vũ	01/06/1997	3784				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090402 Nhóm: 111_4090402_1 Tổ thi: 001_111_4090402_1 Tên HP: Vật liệu kỹ thuật + TN
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAB205 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010037	Đặng Thanh	Bình	22/02/1995	3785				
2	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/1997	3786				
3	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	3787				
4	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1997	3788				
5	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	3789				
6	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	3790				
7	1521010299	Phạm Văn	Thái	14/01/1997	3791				
8	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	3792				
9	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	3793				
10	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	09/11/1997	3794				
11	1521010097	Bùi Thanh	Tùng	03/10/1997	3795				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090406 Nhóm: 111_4090406_1 Tổ thi: 001_111_4090406_1 Tên HP: Cơ sở thiết kế máy
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060444	Nguyễn Văn	Tuấn	01/07/1997	3796				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090413 Nhóm: 111_4090413_1 Tổ thi: 001_111_4090413_1 Tên HP: Thủy lực cơ sở B
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA207 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	3797				
2	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	3798				
3	1421020027	Lưu Văn	Cường	07/07/1996	3799				
4	1621070190	Nghiêm Mạnh	Cường	19/12/1998	3800				
5	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	3801				
6	1521040090	Phạm Quốc	Đạt	18/01/1996	3802				
7	1621070065	Phan Văn	Đông	30/01/1998	3803				
8	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	3804				
9	1521040080	Phạm Văn	Đồng	16/01/1996	3805				
10	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	3806				
11	1531070402	Nguyễn Đại	Dương	19//1/192/	3807				
12	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	3808				
13	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	3809				
14	1531040010	Nguyễn Văn	Hà	20/03/1993	3810				
15	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	3811				
16	1321040116	Nguyễn Việt	Hùng	25/04/1995	3812				
17	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	3813				
18	1621070016	Phan Thanh	Lam	27/12/1998	3814				
19	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	3815				
20	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	3816				
21	1621070068	Nguyễn Thị Hồng	Mai	14/12/1998	3817				
22	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	3818				
23	1621070219	Nguyễn Phương	Nam	22/04/1998	3819				
24	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/1995	3820				
25	1521040276	Phạm Thị Hồng	Nhung	06/06/1997	3821				
26	1621070198	Nguyễn Thành	Phổ	10/02/1998	3822				
27	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/1997	3823				
28	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	3824				
29	1621070197	Trần Minh	Quân	18/09/1998	3825				
30	1621070007	Nguyễn Tiến	Quang	12/12/1998	3826				
31	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	3827				
32	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	3828				
33	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	3829				
34	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	02/02/1997	3830				
35	1631040059	Nguyễn Việt	Thắng	19/10/1991	3831				
36	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	3832				
37	1311070049	Phạm Ngọc	Thịnh	30/08/1995	3833				
38	1521040052	Nguyễn Đức	Trung	29/10/1997	3834				
39	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	3835				
40	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/1997	3836				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090413 Nhóm: 111_4090413_1 Tổ thi: 001_111_4090413_1 Tên HP: Thủy lực cơ sở B
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070032	Trịnh Công	Tú	01/02/1997	3837				
42	1421070132	Hoa Anh	Tuấn	02/01/1996	3838				
43	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	3839				
44	1631070024	Phạm Minh	Tuấn	01/10/1995	3840				
45	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/1995	3841				
46	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	3842				
47	1531070408	Nguyễn Văn	Tuyển	16//1/192/	3843				
48	1531070409	Lê Văn	Ước	10//0/192/	3844				
49	1321070211	Hồ Duy	Võ	05/08/1994	3845				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090415 Nhóm: 111_4090415_1 Tổ thi: 001_111_4090415_1 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	3846				
2	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	3847				
3	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	3848				
4	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	3849				
5	1621060766	Nguyễn Tuấn	Anh	10/08/1998	3850				
6	1621060582	Nguyễn Việt	Anh	20/09/1998	3851				
7	1621010050	Trịnh Duy Tuấn	Anh	05/05/1998	3852				
8	1421040010	Vũ Công Việt	Anh	20/10/1996	3853				
9	1621060261	Đặng Ngọc	ánh	13/10/1998	3854				
10	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	3855				
11	1621060790	Hà Ngọc	Biên	06/06/1997	3856				
12	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/1997	3857				
13	1621060345	Nguyễn Bá	Chinh	07/01/1998	3858				
14	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	3859				
15	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	3860				
16	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	3861				
17	1621010066	Bùi Đăng	Đại	19/06/1998	3862				
18	1621010075	Trần Văn	Đại	07/11/1997	3863				
19	1521060418	Phạm Văn	Đăng	02/01/1997	3864				
20	1621060643	Cao Văn	Đạt	23/03/1998	3865				
21	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	3866				
22	1621060055	Nguyễn Thành	Đạt	07/10/1998	3867				
23	1621060897	Nguyễn Thọ	Đạt	18/08/1998	3868				
24	1621060497	Nguyễn Tiến	Đạt	10/05/1998	3869				
25	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/1997	3870				
26	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	3871				
27	1621060666	Đỗ Mạnh	Dũng	25/12/1998	3872				
28	1621060472	Đoàn Văn	Dũng	08/04/1998	3873				
29	1621060750	Khương Văn	Dũng	27/02/1998	3874				
30	1621010071	Lê Tiến	Dũng	01/02/1998	3875				
31	1621060761	Nguyễn Bá	Dũng	12/05/1998	3876				
32	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/1997	3877				
33	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	26/07/1998	3878				
34	1621060797	Nguyễn Tuấn	Dũng	28/09/1998	3879				
35	1521060276	Nguyễn Xuân	Dũng	05/07/1997	3880				
36	1621060435	Vũ Thành	Dũng	04/09/1998	3881				
37	1621060394	Nguyễn Tùng	Dương	25/07/1998	3882				
38	1621060349	Nguyễn Văn	Dương	30/12/1998	3883				
39	1621060478	Trần ánh	Dương	07/01/1998	3884				
40	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	3885				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090415 Nhóm: 111_4090415_1 Tổ thi: 002_111_4090415_1 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAB305 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060074	Hoàng Trung	Đô	01/01/1995	3886				
2	1621060596	Nguyễn Thành	Đoàn	20/02/1998	3887				
3	1621010147	Hồ Văn	Đồng	17/08/1997	3888				
4	1421060394	Phạm Việt	Đức	28/10/1995	3889				
5	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	02/11/1998	3890				
6	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	3891				
7	1621060313	Bùi Văn	Giang	22/07/1998	3892				
8	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	3893				
9	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	3894				
10	1621060063	Bùi Việt	Hà	28/09/1998	3895				
11	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	3896				
12	1621060489	Đinh Đức	Hải	09/10/1998	3897				
13	1621061106	Đinh Trần	Hải	02/10/1998	3898				
14	1621060634	Trịnh Ngọc	Hải	05/03/1998	3899				
15	1621060675	Trương Việt	Hào	30/10/1998	3900				
16	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	02/08/1995	3901				
17	1621060884	Trần Văn	Hiền	21/07/1998	3902				
18	1621060590	Dương Tuấn	Hiệp	26/10/1998	3903				
19	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	3904				
20	1621060015	Nguyễn Khắc	Hiếu	27/09/1998	3905				
21	1621060742	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	3906				
22	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	3907				
23	1621060760	Trần Như	Hiếu	04/06/1998	3908				
24	1621060580	Vũ Minh	Hiếu	05/02/1998	3909				
25	1621060713	Nguyễn Xuân	Học	21/09/1998	3910				
26	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	3911				
27	1621061020	Vũ Công	Huân	18/08/1998	3912				
28	1621060567	Đỗ Xuân	Hùng	20/04/1998	3913				
29	1621010150	Lê Công	Hùng	10/05/1997	3914				
30	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	3915				
31	1621060547	Phạm Ngọc	Hùng	15/09/1997	3916				
32	1621010711	Phạm Sĩ	Hùng	12/10/1998	3917				
33	1621060663	Đỗ Việt	Hưng	14/10/1998	3918				
34	1621060809	Chu Quang	Huy	27/08/1998	3919				
35	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/1996	3920				
36	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	3921				
37	1621010163	Nguyễn Văn	Huy	03/12/1998	3922				
38	1621060694	Trần Văn	Huy	31/07/1997	3923				
39	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	3924				
40	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/1997	3925				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090415 Nhóm: 111_4090415_1 Tổ thi: 003_111_4090415_1 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621010902	Mey	Kadun	23/06/1997	3926				
2	1621060042	Vũ Văn	Khải	07/07/1998	3927				
3	1631060011	Nguyễn Đăng	Khoa	10/09/1994	3928				
4	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	07/06/1998	3929				
5	1621060334	Nguyễn Duy	Khương	22/01/1998	3930				
6	1621060668	Đỗ Trung	Kiên	31/07/1998	3931				
7	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	3932				
8	1621060702	Nguyễn Văn	Lăng	11/01/1998	3933				
9	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	3934				
10	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	3935				
11	1621060726	Nguyễn Quang	Linh	05/10/1998	3936				
12	1621060623	Trần Văn Dương	Linh	03/01/1998	3937				
13	1621061068	Lê Ngọc	Linh	07/07/1998	3938				
14	1621060363	Lương Viết	Lợi	26/11/1998	3939				
15	1521060355	Nguyễn Tất	Lợi	05/03/1997	3940				
16	1621060622	Hồ Hoàng	Long	16/11/1998	3941				
17	1621060574	Lại Minh	Long	14/09/1998	3942				
18	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/1997	3943				
19	1621060499	Nguyễn Thành	Luân	27/02/1998	3944				
20	1621060512	Nguyễn Phú	Lực	25/04/1998	3945				
21	1621010118	Nguyễn Văn	Lưu	29/01/1998	3946				
22	1621060629	Trần Đức	Lưu	15/11/1998	3947				
23	1621060373	Nguyễn Công	Minh	01/03/1998	3948				
24	1621060686	Nguyễn Văn	Minh	24/03/1998	3949				
25	1221060352	Phạm Xuân	Minh	19/05/1994	3950				
26	1621060720	Hoàng Đỗ Bảo	Nam	06/01/1997	3951				
27	1421060189	Nguyễn Hoài	Nam	28/03/1995	3952				
28	1421060500	Nguyễn Phương	Nam	28/08/1996	3953				
29	1621060762	Phạm Văn	Nam	24/11/1998	3954				
30	1621060625	Vũ Tiến	Nam	05/03/1998	3955				
31	1621060462	Lưu Trọng	Nghĩa	19/10/1998	3956				
32	1621010084	Nguyễn Hữu	Nghĩa	28/09/1998	3957				
33	1521010176	Đặng Nguyễn Duy	Ngọc	25/01/1997	3958				
34	1621061088	Đặng Thị Minh	Ngọc	27/08/1998	3959				
35	1621010110	Thái Phi	Nhật	16/12/1998	3960				
36	1521060413	Nguyễn Duy	Phúc	05/11/1997	3961				
37	1521060396	Hoàng Đức	Phương	09/07/1997	3962				
38	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/1993	3963				
39	1621061095	Trịnh Duy	Quân	22/03/1998	3964				
40	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	3965				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090415 Nhóm: 111_4090415_1 Tổ thi: 003_111_4090415_1 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/1996	3966				
42	1621060881	Nguy Hữu	Quang	15/02/1998	3967				
43	1321060230	Lê Chấn	Quốc	20/05/1995	3968				
44	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/1997	3969				
45	1621060752	Phạm Anh	Quyết	20/10/1998	3970				
46	1621060635	Hồ Đăng	Quỳnh	05/12/1998	3971				
47	1621010116	Lê Hồng	Sơn	05/03/1997	3972				
48	1621010035	Lê Xuân	Sơn	27/02/1998	3973				
49	1621060918	Nguyễn Hồng	Sơn	21/06/1998	3974				
50	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	3975				
51	1621060500	Tăng Ngọc	Sơn	25/10/1998	3976				
52	1621060729	Trịnh Công	Sơn	21/01/1998	3977				
53	1621060615	Trương Văn	Sơn	01/11/1998	3978				
54	1621060561	Hoàng Hồng	Thái	06/03/1998	3979				
55	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	3980				
56	1521060001	Nguyễn Quang	Thắng	19/08/1997	3981				
57	1521060424	Trần Quang	Thắng	25/10/1997	3982				
58	1621060651	Nguyễn Công	Thanh	16/11/1998	3983				
59	1521060423	Nguyễn Duy	Thanh	17/10/1997	3984				
60	1621060989	Nguyễn Văn	Thanh	10/12/1998	3985				
61	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	3986				
62	1621060516	Nguyễn Xuân	Thành	30/08/1998	3987				
63	1621060450	Phạm Văn	Thành	24/06/1998	3988				
64	1521060388	Trần Quang	Thành	03/08/1997	3989				
65	1621050253	Nguyễn Văn	Thị	26/01/1998	3990				
66	1621010077	Đinh Văn	Thiện	27/08/1998	3991				
67	1621060502	Đào Văn	Thịnh	01/07/1998	3992				
68	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	3993				
69	1621010215	Nguyễn Thị	Thu	01/01/1998	3994				
70	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/1997	3995				
71	1621010029	Nguyễn Trung	Thuận	20/10/1998	3996				
72	1621060900	Đỗ Thế	Thủy	20/04/1998	3997				
73	1621060399	Đinh Mạnh	Tiến	06/10/1998	3998				
74	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	3999				
75	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	4000				
76	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	4001				
77	1621060718	Nguyễn Văn	Tin	05/07/1998	4002				
78	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	4003				
79	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	01/01/1998	4004				
80	1521060393	Nguyễn Quốc	Tinh	18/11/1997	4005				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090415 Nhóm: 111_4090415_1 Tổ thi: 003_111_4090415_1 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060898	Nguyễn Năng	Toán	16/10/1998	4006				
82	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	4007				
83	1621060999	Nguyễn Đức	Toàn	15/09/1996	4008				
84	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/1996	4009				
85	1621060731	Đình Quốc	Triệu	31/10/1998	4010				
86	1521060398	Nguyễn Tôn	Trọng	10/02/1996	4011				
87	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	07/09/1998	4012				
88	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	4013				
89	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	4014				
90	1621060608	Phạm Thành	Trung	02/09/1998	4015				
91	1321060652	Dương Trọng	Trường	08/04/1995	4016				
92	1531060402	Nguyễn Thanh	Trường	22//0/192/	4017				
93	1621011009	Mai Minh	Tú	29/12/1996	4018				
94	1621010081	Ứng Mạnh	Tú	08/02/1998	4019				
95	1621010065	Khương Văn	Tuấn	09/07/1998	4020				
96	1521060444	Nguyễn Văn	Tuấn	01/07/1997	4021				
97	1521060430	Phạm Anh	Tuấn	13/12/1997	4022				
98	1621060297	Triệu Văn	Tuấn	06/10/1998	4023				
99	1621010086	Ngô Xuân	Tùng	13/10/1998	4024				
100	1521060246	Nguyễn Thanh	Tùng	30/01/1997	4025				
101	1621010703	Nguyễn Văn	Tùng	20/04/1998	4026				
102	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	4027				
103	1621060558	Nguyễn Đức	Việt	16/03/1998	4028				
104	1621060647	Nguyễn Trọng	Việt	16/10/1998	4029				
105	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	07/09/1998	4030				
106	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	18/11/1998	4031				
107	1621060551	Vũ Văn	Vinh	14/06/1997	4032				
108	1621060655	Phạm Văn	Vĩnh	08/04/1998	4033				
109	1621060631	Nguyễn An	Vũ	21/11/1998	4034				
110	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	27/10/1998	4035				
111	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	4036				
112	1621010031	Đỗ Văn	Yến	20/10/1998	4037				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090418 Nhóm: 111_4090418_1 Tổ thi: 001_111_4090418_1 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060136	Nguyễn Văn	Anh	30/05/1998	4038				
2	1621060013	Lê Mạnh	Cường	13/12/1998	4039				
3	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	4040				
4	1621060223	Trần Minh	Đức	06/10/1998	4041				
5	1621060985	Nguyễn Tùng	Duy	26/11/1998	4042				
6	1621060016	Phạm Văn	Duy	12/08/1998	4043				
7	1621061009	Nguyễn Viết	Hải	13/10/1998	4044				
8	1621060125	Trần Đức	Hậu	29/07/1998	4045				
9	1621060122	Nguyễn Công	Hiệp	17/12/1998	4046				
10	1621060038	Trần Đăng	Hiếu	26/11/1998	4047				
11	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	4048				
12	1621060118	Thân Huy	Hoàng	08/07/1998	4049				
13	1621060114	Đậu Quốc	Hung	18/09/1998	4050				
14	1621061022	Phạm Mai	Hung	17/02/1998	4051				
15	1621060311	Hoàng Tiến	Huy	09/12/1998	4052				
16	1621060246	Phạm Văn	Khang	18/03/1998	4053				
17	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	4054				
18	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	05/11/1998	4055				
19	1621060163	Trần Nhật	Linh	04/02/1998	4056				
20	1621060973	Nguyễn Trọng	Lĩnh	21/11/1998	4057				
21	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	06/05/1998	4058				
22	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/1995	4059				
23	1621060065	Nguyễn Bảo	Long	14/09/1998	4060				
24	1621060091	Phạm Gia	Long	20/10/1998	4061				
25	1621060943	Nguyễn Trọng	Minh	01/07/1998	4062				
26	1421050516	Chu Văn	Nam	26/01/1995	4063				
27	1621060221	Nghiêm Hải	Nam	15/01/1998	4064				
28	1621060956	Võ Quốc	Pháp	16/06/1998	4065				
29	1621060167	Nguyễn An	Phú	04/10/1998	4066				
30	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	4067				
31	1621060197	Vương Hồng	Quân	10/01/1998	4068				
32	1621060039	Hồ Bá	Quyết	08/03/1998	4069				
33	1621060129	Hoàng Văn	Quyết	16/04/1998	4070				
34	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	4071				
35	1621060189	Đình Xuân	Sơn	30/07/1998	4072				
36	1621060080	Nguyễn Hồng	Sơn	13/08/1998	4073				
37	1621060178	Trịnh Hữu	Sơn	18/02/1998	4074				
38	1621060233	Đỗ Tiến	Thành	08/10/1998	4075				
39	1321060274	Đỗ Duy	Thao	15/07/1994	4076				
40	1621061019	Dương Ngọc	Thiệu	21/12/1997	4077				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090418 Nhóm: 111_4090418_1 Tổ thi: 001_111_4090418_1 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C
Ngày thi: 1/14/2018 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	4078				
42	1621060935	Nguyễn Quang	Tiến	12/03/1998	4079				
43	1621061038	Lê Khắc	Tiếp	22/09/1998	4080				
44	1621060106	Đại Mạnh	Tính	11/10/1998	4081				
45	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	4082				
46	1621060101	Lại Văn	Trường	12/10/1998	4083				
47	1621060201	Trần Xuân	Trường	03/10/1998	4084				
48	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	4085				
49	1621060564	Phạm Sơn	Tùng	29/12/1998	4086				
50	1621060194	Vũ Nguyên	Tùng	23/05/1998	4087				
51	1621060132	Cao Văn	Tuyến	27/01/1997	4088				
52	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	4089				
53	1621060024	Bì Quốc	Vương	23/08/1997	4090				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090510 Nhóm: 111_4090510_1 Tổ thi: 001_111_4090510_1 Tên HP: Công nghệ sửa chữa máy
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060007	Nguyễn Ngọc	Anh	22/11/1996	4091				
2	1421060037	Nguyễn Văn	Công	23/09/1996	4092				
3	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	4093				
4	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	4094				
5	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/1996	4095				
6	1421060144	Phạm Văn	Hung	01/12/1996	4096				
7	1421010189	Vũ Đức	Luyện	10/05/1996	4097				
8	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/1995	4098				
9	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/1996	4099				
10	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	4100				
11	1421060309	Cao Văn	Tuyến	29/08/1996	4101				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090541 Nhóm: 111_4090541_1 Tổ thi: 001_111_4090541_1 Tên HP: Máy thủy lực và máy nén khí
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010311	Nguyễn Văn	Bách	07/11/1996	4102				
2	1521010190	Lê Quang	Huy	14/12/1997	4103				
3	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/1997	4104				
4	1521010053	Trương Công	Khánh	13/11/1996	4105				
5	1521010283	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/1997	4106				
6	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/1997	4107				
7	1521010185	Vũ Đức	Thành	02/08/1997	4108				
8	1521010079	Trần Mạnh	Tính	30/09/1997	4109				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090547 Nhóm: 111_4090547_1 Tổ thi: 001_111_4090547_1 Tên HP: Máy khai thác và máy vận tải
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNA A208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/1992	4110				
2	1521040101	Đặng Phương	Anh	18/10/1997	4111				
3	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	4112				
4	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/1997	4113				
5	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	4114				
6	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	4115				
7	1421040032	Phạm Đình	Công	10/04/1996	4116				
8	1521040205	Bế Văn	Cương	15/09/1997	4117				
9	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	4118				
10	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/1997	4119				
11	1631040050	Đỗ Ngọc	Duy	16/10/1995	4120				
12	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	4121				
13	1521040011	Doãn Hồng	Hải	26/11/1997	4122				
14	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/1997	4123				
15	1631040051	Phạm Đức	Hiên	27/11/1995	4124				
16	1521049001	Nguyễn Văn	Hòa	29/03/1996	4125				
17	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	4126				
18	1521040181	Trần Huy	Hoàng	29/10/1997	4127				
19	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	4128				
20	1321040137	Đình Văn	Hường	26/11/1994	4129				
21	1511040003	Tạ Trung	Khang	01/02/1997	4130				
22	1521040138	Trịnh Xuân	Khánh	09/07/1997	4131				
23	1521040043	Nguyễn Đức	Kiên	18/11/1997	4132				
24	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/1997	4133				
25	1521040009	Nguyễn Văn	Lợi	08/11/1997	4134				
26	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	4135				
27	1631040055	Nguyễn Thành	Long	26/11/1995	4136				
28	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	4137				
29	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/1997	4138				
30	1521040343	Đình Dũng	Minh	01/12/1997	4139				
31	1631040056	Nguyễn Trung	Nguyên	08/06/1995	4140				
32	1631040057	Phạm Văn	Nhật	21/07/1995	4141				
33	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	4142				
34	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	4143				
35	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/1997	4144				
36	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	4145				
37	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	4146				
38	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/1996	4147				
39	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	4148				
40	1521040026	Trịnh Thế	Thao	09/02/1995	4149				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090547 Nhóm: 111_4090547_1 Tổ thi: 001_111_4090547_1 Tên HP: Máy khai thác và máy vận tải
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA208 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/1997	4150				
42	1631040060	Trịnh Văn	Thịnh	21/10/1994	4151				
43	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/1996	4152				
44	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	4153				
45	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	4154				
46	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/1997	4155				
47	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/1997	4156				
48	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	4157				
49	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	4158				
50	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/1997	4159				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4090572 Nhóm: 111_4090572_1 Tổ thi: 001_111_4090572_1 Tên HP: Máy vận tải
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060080	Lưu Huyền	Đức	17/10/1996	4160				
2	1421060267	Đương Hồng	Thứ	10/02/1996	4161				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100150 Nhóm: 111_4100150_1 Tổ thi: 001_111_4100150_1 Tên HP: Xây dựng công trình ngầm dân dụng
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070001	Hoàng Tuấn	Anh	19/09/1995	4162				
2	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/1995	4163				
3	1321040046	Chu Tiến	Dũng	23/02/1995	4164				
4	1321070059	Lê Văn	Hà	08/11/1994	4165				
5	1321070071	Nguyễn Trí	Hiếu	03/09/1995	4166				
6	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/1995	4167				
7	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/1995	4168				
8	1321040116	Nguyễn Việt	Hùng	25/04/1995	4169				
9	1321070097	Trần Văn	Hướng	16/03/1995	4170				
10	1321040137	Đinh Văn	Hường	26/11/1994	4171				
11	1321070547	Phạm Minh	Khôi	01/10/1995	4172				
12	1421040168	Nguyễn Hoàng	Long	11/10/1996	4173				
13	1321040170	Hồ Đức	Mạnh	26/04/1995	4174				
14	1321070119	Lê Trọng	Mạnh	04/10/1995	4175				
15	1421070382	Nguyễn Tiến	Mạnh	23/03/1996	4176				
16	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	4177				
17	1321070602	Nguyễn Đoàn	Nam	19/04/1994	4178				
18	1321070133	Văn Hoàng	Nam	07/12/1995	4179				
19	1321070161	Vũ Mạnh	Tài	20/07/1995	4180				
20	1421040239	Phạm Xuân	Tâm	05/09/1995	4181				
21	1321070194	Trần Trung	Toàn	01/10/1992	4182				
22	1321040306	Hoàng Việt	Trung	21/11/1995	4183				
23	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/1996	4184				
24	1321070205	Phạm Văn	Tuấn	05/05/1995	4185				
25	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/03/1996	4186				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100203 Nhóm: 111_4100203_1 Tổ thi: 001_111_4100203_1 Tên HP: Môi trường trong xây dựng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAD402 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070172	Trần Xuân	Bách	07/06/1994	4187				
2	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/1996	4188				
3	1421030032	Trần Đức	Duy	15/12/1996	4189				
4	1421020073	Nguyễn Mạnh	Hùng	17/03/1996	4190				
5	1321070095	Trần Văn	Hương	02/08/1995	4191				
6	1321070535	Trần Văn	Huy	06/10/1994	4192				
7	1321070090	Nguyễn Thế	Huỳnh	04/09/1995	4193				
8	1321070106	Nguyễn Văn	Khương	17/01/1995	4194				
9	1321070623	Nguyễn Anh	Quang	23/09/1994	4195				
10	1321070164	Cao Hoàng	Thạch	11/05/1989	4196				
11	1321070654	Cao Văn	Thắng	08/02/1994	4197				
12	1321070170	Mã Văn	Thanh	28/08/1995	4198				
13	1321070182	Lương Hưng	Thịnh	28/10/1995	4199				
14	1321070191	Vũ Nam	Tiến	13/10/1994	4200				
15	1421070496	Lê Đức	Trọng	21/09/1996	4201				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100204 Nhóm: 111_4100204_1 Tổ thi: 001_111_4100204_1 Tên HP: Kết cấu bê tông cốt thép
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAB205 Tiết bắt đầu: 12 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070163	Đinh Hoàng	Anh	02/08/1997	4202				
2	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	4203				
3	1521070199	Cao Xuân	Cường	15/05/1997	4204				
4	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	4205				
5	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	4206				
6	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/1997	4207				
7	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	4208				
8	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	4209				
9	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	4210				
10	1524010092	Đặng Thái	Hùng	09/07/1997	4211				
11	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/01/1997	4212				
12	1521070269	Vũ Đức	Hùng	07/06/1997	4213				
13	1521070272	Trịnh Minh	Hưng	18/08/1997	4214				
14	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/1997	4215				
15	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	4216				
16	1421070075	Trần Duy	Lợi	06/05/1995	4217				
17	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/1996	4218				
18	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	4219				
19	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	4220				
20	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	4221				
21	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	4222				
22	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	4223				
23	1521070406	Lê Xuân	Tùng	07/10/1997	4224				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100206 Nhóm: 111_4100206_1 Tổ thi: 001_111_4100206_1 Tên HP: Kết cấu thép
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	4225				
2	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	4226				
3	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	4227				
4	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	4228				
5	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/1995	4229				
6	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	4230				
7	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1996	4231				
8	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/1996	4232				
9	1521070309	Đặng Phương	Nam	02/02/1997	4233				
10	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	4234				
11	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/1997	4235				
12	1521070346	Dương Hồng	Thái	14/08/1997	4236				
13	1521070352	Nghiêm Đức	Thắng	20/08/1997	4237				
14	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	4238				
15	1521070363	Trần Huy	Thành	20/11/1997	4239				
16	1521070064	Đoàn Văn	Thịnh	04/09/1997	4240				
17	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/1997	4241				
18	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/09/1997	4242				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100218 Nhóm: 111_4100218_1 Tổ thi: 001_111_4100218_1 Tên HP: Thi công nhà nhiều tầng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA303 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070400	Lường Kế	An	06/12/1995	4243				
2	1321070009	Vũ Thế	Bảy	16/04/1995	4244				
3	1531070400	Nguyễn Đức	Cánh	16/0/193/	4245				
4	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	4246				
5	1321070429	Đỗ	Chung	05/08/1994	4247				
6	1321070457	Giáp Duy	Đạt	01/04/1995	4248				
7	1631070051	Phạm Minh	Đạt	22/10/1992	4249				
8	1321070502	Phạm Trung	Hiếu	26/08/1995	4250				
9	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	4251				
10	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/1995	4252				
11	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/1994	4253				
12	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/1995	4254				
13	1321070534	Nguyễn Đắc	Huy	11/02/1995	4255				
14	1321070561	Thẩm Quang	Lâm	19/03/1995	4256				
15	1531070403	Nguyễn Khắc	Long	19//1/191/	4257				
16	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	4258				
17	1321070601	Ngô Bình	Nam	09/04/1995	4259				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100220 Nhóm: 111_4100220_1 Tổ thi: 001_111_4100220_1 Tên HP: Xây dựng trong điều kiện đặc biệt
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	4260				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4100227 Nhóm: 111_4100227_1 Tổ thi: 001_111_4100227_1 Tên HP: Thông gió và chiếu sáng
Ngày thi: 12/10/2017 Phòng thi: HNAA308 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070004	Lê Tiến	Anh	07/01/1996	4261				
2	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/1996	4262				
3	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	4263				
4	1421070182	Giáp Văn	Chinh	25/07/1996	4264				
5	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	08/07/1997	4265				
6	1421070041	Đào Thanh	Hải	08/08/1996	4266				
7	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	4267				
8	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	4268				
9	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/1995	4269				
10	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	4270				
11	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	4271				
12	1521070091	Trần Thăng	Long	17/02/1997	4272				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4110105 Nhóm: 111_4110105_1 Tổ thi: 001_111_4110105_1 Tên HP: Quá trình chuyển khối trong công nghệ
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080037	Lê Anh	Phuong	19/01/1997	4273				
2	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/1997	4274				
3	1521080238	Nguyễn Mạnh	Tân	17/07/1997	4275				
4	1521080240	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	25/03/1997	4276				
5	1521080287	Phùng Đình	Văn	02/12/1997	4277				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4110106 Nhóm: 111_4110106_1 Tổ thi: 001_111_4110106_1 Tên HP: Sinh thái học môi trường
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **1** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621080099	Lê Bất	Hùng	18/04/1998	4278				
2	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	4279				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 111_4110114_1 Tổ thi: 001_111_4110114_1 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050043	Nguyễn Tiến	Dũng	16/12/1995	4280				
2	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	4281				
3	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	4282				
4	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/1996	4283				
5	1321050746	Phạm Đức	Tiến	15/06/1995	4284				
6	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	4285				
7	1321030949	Nguyễn Văn	Tuấn	07/07/1995	4286				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4110209 Nhóm: 111_4110209_1 Tổ thi: 001_111_4110209_1 Tên HP: Quản lý môi trường
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080277	Đình Phi	Long	26/09/1996	4287				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4110226 Nhóm: 111_4110226_1 Tổ thi: 001_111_4110226_1 Tên HP: Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đ
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080087	Trần Thị	Nhung	20/02/1996	4288				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 111_4110236_1 Tổ thi: 001_111_4110236_1 Tên HP: Môi trường và con người
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD302 Tiết bắt đầu: 1 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	4289				
2	1421020706	Nguyễn Hải	Yến	13/10/1995	4290				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 111_4300111_1 Tổ thi: 001_111_4300111_1 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030499	Khuất Tiến	Đạt	16/10/1995	4291				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 111_4300112_1 Tổ thi: 001_111_4300112_1 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **12/10/2017** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010061	Nguyễn Huy	Dân	21/06/1995	4292				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh 1
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	08/11/1995	4293				
2	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	4294				
3	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1997	4295				
4	1421060015	Nguyễn Văn	Bách	20/07/1996	4296				
5	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	4297				
6	1521010196	Đào Văn	Bảo	16/07/1997	4298				
7	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	4299				
8	1521041002	Nguyễn Văn	Cường	07/02/1997	4300				
9	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	4301				
10	1521030191	Lê Tiến	Đạt	04/03/1997	4302				
11	1421050049	Lê Tiến	Đức	10/02/1996	4303				
12	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/1996	4304				
13	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/1996	4305				
14	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	4306				
15	1621060440	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/1998	4307				
16	1421040123	Hoàng Huy	Hùng	12/09/1996	4308				
17	1421070325	Lê Văn	Hưng	15/01/1995	4309				
18	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	4310				
19	1621060246	Phạm Văn	Khang	18/03/1998	4311				
20	1421070377	Dương Đức	Lượng	05/12/1996	4312				
21	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/1997	4313				
22	1421080292	Tổng Hà	My	15/10/1996	4314				
23	1524010047	Phạm Hải	Nam	02/09/1997	4315				
24	1621060520	Phạm Xuân	Nam	03/12/1998	4316				
25	1521070317	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	07/08/1997	4317				
26	1621080091	Quản Thị	Ngọc	28/06/1998	4318				
27	1421060231	Phan Hoàng	Sơn	07/12/1996	4319				
28	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	4320				
29	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	4321				
30	1421070459	Lê Văn	Thanh	02/10/1995	4322				
31	1621070029	Phạm Văn	Thế	08/01/1998	4323				
32	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/1997	4324				
33	1421060288	Vũ Anh	Tú	24/10/1995	4325				
34	1421011400	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/1994	4326				
35	1421070141	Vũ Đình	Tuy	10/04/1996	4327				
36	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	4328				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh 2
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	4329				
2	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/1996	4330				
3	1621030283	Lê Thị Lan	Anh	06/02/1998	4331				
4	1524010038	Nguyễn Tiến	Anh	28/04/1997	4332				
5	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/1994	4333				
6	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	4334				
7	1421040384	Bùi Quốc	Cường	21/07/1995	4335				
8	1421010042	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1996	4336				
9	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	4337				
10	1621050869	Đào Quang	Đoàn	05/03/1998	4338				
11	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	4339				
12	1421050357	Lê Minh	Đức	29/07/1995	4340				
13	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	4341				
14	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	4342				
15	1421020030	Bùi Thị	Dung	30/10/1996	4343				
16	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	4344				
17	1621070700	Nguyễn Nam	Hải	30/06/1995	4345				
18	1421040091	Nguyễn Thanh	Hải	18/04/1996	4346				
19	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/1996	4347				
20	1621040011	Phạm Thế	Hiếu	20/08/1998	4348				
21	1421080222	Vũ Văn	Hòa	01/07/1996	4349				
22	1621060717	Lưu Văn	Hoàn	27/10/1998	4350				
23	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/1997	4351				
24	1624010624	Nguyễn Ngọc	Hoàng	05/10/1998	4352				
25	1421020377	Lê Vũ	Hội	09/05/1996	4353				
26	1511030008	Tạ Tuấn	Hung	11/12/1997	4354				
27	1421050089	Vũ Quang	Hung	26/04/1995	4355				
28	1624010693	Cần Thị Thu	Hương	03/11/1998	4356				
29	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/09/1996	4357				
30	1624010654	Trịnh Thị Khánh	Huyền	07/01/1998	4358				
31	1621060967	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/10/1998	4359				
32	1621010902	Mey	Kadun	23/06/1997	4360				
33	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	4361				
34	1621070150	Trần Văn	Khiêm	15/08/1998	4362				
35	1421030413	Doãn Văn	Khương	18/02/1996	4363				
36	1421050110	Nguyễn Tuấn	Linh	30/01/1996	4364				
37	1421060172	Phạm Đức	Mạnh	29/07/1995	4365				
38	1621070199	Nguyễn Phú	Minh	07/05/1998	4366				
39	1621050833	Trần Hữu	Nam	10/06/1998	4367				
40	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	4368				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	4369				
42	1621010231	La Văn	Nhật	06/11/1998	4370				
43	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	4371				
44	1421010239	Đỗ Văn	Phong	11/04/1996	4372				
45	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	4373				
46	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	4374				
47	1421080331	Hoàng Thị Kim	Phượng	05/03/1996	4375				
48	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	4376				
49	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	4377				
50	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	4378				
51	1421060221	Trần Văn	Quyết	13/08/1996	4379				
52	1621070172	Hoàng Trọng	Sơn	21/08/1994	4380				
53	1621010722	Nguyễn Hải	Sơn	25/12/1998	4381				
54	1621060918	Nguyễn Hồng	Sơn	21/06/1998	4382				
55	1621060857	Hoàng Hữu	Sỹ	22/05/1998	4383				
56	1421050179	Ngô Bá	Tân	07/02/1996	4384				
57	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	4385				
58	1421050187	Nguyễn Quốc	Thắng	11/03/1996	4386				
59	1321060272	Trần Ngọc	Thành	16/05/1995	4387				
60	1621060240	Nguyễn Văn	Thao	11/05/1998	4388				
61	1421080364	Phan Thị	Thảo	30/04/1996	4389				
62	1621050253	Nguyễn Văn	Thị	26/01/1998	4390				
63	1521050019	Phạm Văn	Thịnh	27/10/1997	4391				
64	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	4392				
65	1621040084	Nguyễn Thị	Thơm	29/04/1998	4393				
66	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	02/03/1996	4394				
67	1621060176	Trương Quốc	Toàn	24/08/1998	4395				
68	1621030207	Tự Thị	Trang	12/06/1998	4396				
69	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	4397				
70	1421080406	Đặng Phúc	Trường	31/10/1996	4398				
71	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/01/1996	4399				
72	1421030222	Nguyễn Mạnh	Tuấn	06/12/1996	4400				
73	1621010199	Đồng Mạnh	Tùng	20/10/1998	4401				
74	1421040337	Trần Anh	Tùng	01/11/1996	4402				
75	1621060551	Vũ Văn	Vinh	14/06/1997	4403				
76	1524010053	Lê Huy	Vũ	17/09/1997	4404				
77	1624010604	Nguyễn Thị	Vui	02/10/1998	4405				
78	1421050246	Bùi Thị Hoàng	Yên	02/05/1996	4406				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080203 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở lập trình
Ngày thi: **12/17/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050211	Nguyễn Thế	Anh	26/08/1998	4407				
2	1521050183	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/04/1997	4408				
3	1521050052	Văn Minh	Anh	08/03/1997	4409				
4	1521050304	Vũ Đức Kỳ	Anh	07/11/1997	4410				
5	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/1996	4411				
6	1411050007	Lê Đình	Chí	30/08/1995	4412				
7	1621050240	Phùng Thế	Đại	15/10/1998	4413				
8	1621050729	Đoàn Thành	Đạt	24/12/1998	4414				
9	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	09/10/1998	4415				
10	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	4416				
11	1621050004	Nguyễn Duy	Điệp	08/04/1998	4417				
12	1621050291	Dương Hữu	Đức	16/06/1998	4418				
13	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	4419				
14	1521050008	Nguyễn Minh	Đức	20/05/1997	4420				
15	1521050055	Lê Thế	Dũng	20/04/1997	4421				
16	1621050384	Nguyễn Sỹ	Dũng	02/10/1998	4422				
17	1521050078	Đặng Ngọc	Duy	17/11/1997	4423				
18	1621050187	Nguyễn Trường	Giang	18/12/1998	4424				
19	1621050758	Ngô Văn	Hải	22/05/1998	4425				
20	1621050734	Nguyễn Tấn	Hiệp	05/04/1998	4426				
21	1421010114	Thái Tuấn	Hiệp	12/03/1996	4427				
22	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	4428				
23	1621050807	Lê Văn	Hoàng	18/07/1998	4429				
24	1521050533	Đinh Mạnh	Hùng	15/04/1997	4430				
25	1621050375	Lê Văn	Hùng	04/06/1996	4431				
26	1521050297	Đồng Tuấn	Huy	18/01/1997	4432				
27	1521050216	Nguyễn Quang	Huy	21/10/1997	4433				
28	1621050033	Nguyễn Quang	Huy	02/10/1998	4434				
29	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	4435				
30	1621050775	Lưu Quốc	Khánh	09/05/1998	4436				
31	1521050535	Nguyễn Bá Ngọc	Khánh	01/08/1996	4437				
32	1621050131	Đỗ Sơn	Khoa	13/11/1998	4438				
33	1621050621	Đỗ Thị	Khuyên	21/01/1998	4439				
34	1621050295	Phạm Văn	Kiên	20/04/1998	4440				
35	1621050735	Phạm Quang	Linh	06/10/1998	4441				
36	1621050747	Trương Thị	Linh	20/01/1998	4442				
37	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	4443				
38	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	4444				
39	1521050420	Nguyễn Đắc	Long	22/02/1997	4445				
40	1621050100	Nguyễn Văn	Luật	30/07/1998	4446				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 (171HN_D1_L2)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4080203 Nhóm: 01 Tổ thi: 001 Tên HP: Cơ sở lập trình
Ngày thi: 12/17/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 4 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050091	Vũ Đức	Lượng	06/02/1998	4447				
42	1621050313	Phạm Văn	Minh	03/05/1998	4448				
43	1521050043	Bùi Văn	Nam	10/12/1997	4449				
44	1421050134	Nguyễn Thành	Nam	11/12/1996	4450				
45	1521050074	Nguyễn Văn	Nam	18/08/1997	4451				
46	1621050121	Trần Thị	Nga	23/08/1998	4452				
47	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	4453				
48	1521050198	Phạm Anh	Ngữ	23/10/1997	4454				
49	1421050150	Bùi Đăng	Ninh	15/07/1996	4455				
50	1421050152	Mạc Văn	Phong	06/02/1996	4456				
51	1621050178	Nguyễn Bá Lưu	Phước	05/10/1998	4457				
52	1521050196	Nguyễn Văn	Phước	19/06/1997	4458				
53	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	4459				
54	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	4460				
55	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	4461				
56	1621050259	Nguyễn Trường	Sơn	30/10/1998	4462				
57	1621050196	Vũ Tiến	Tân	02/11/1998	4463				
58	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/1997	4464				
59	1621050380	Đỗ Ngọc	Thắng	26/02/1998	4465				
60	1621050078	Hoàng Minh	Thắng	30/10/1998	4466				
61	1621050057	Phạm Văn	Thắng	12/11/1998	4467				
62	1521050001	Đào Trung	Thành	16/08/1997	4468				
63	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	17/07/1998	4469				
64	1421050211	Trần Thị Thanh	Tính	13/12/1996	4470				
65	1621050162	Kiều Xuân	Toàn	05/11/1998	4471				
66	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/1997	4472				
67	1621050416	Đinh Thanh	Tùng	09/06/1998	4473				
68	1521050254	Hoàng Thanh	Tùng	25/09/1995	4474				
69	1521050063	Nguyễn Công	Tuyền	27/02/1997	4475				
70	1411050088	Đỗ Quốc	Việt	08/06/1994	4476				
71	1621050022	Lê Văn	Việt	22/09/1998	4477				
72	1521050168	Nguyễn Đại	Việt	22/03/1997	4478				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)